

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12***BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)***CHỦ ĐỀ 6. CHUNG TAY GÌN GIỮ, BẢO TỒN CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN***(Số tiết: 6 — tiết 56 đến tiết 61)*

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt**

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được ít nhất bốn giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và giải thích được vì sao mỗi giải pháp có tác dụng.
- Trình bày được mục đích, đối tượng, nội dung và hình thức của hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên.
- Lập được kế hoạch và đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương bằng nghiên cứu tư liệu, quan sát hiện trường và phỏng vấn.
- Đề xuất được giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên cho hai trường hợp cụ thể ở sách giáo khoa trang 55 và cho một cảnh quan có thật ở địa phương.
- Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền đủ sáu mục theo khung ở sách giáo khoa trang 56.
- Thiết kế được sản phẩm tuyên truyền và thực hiện được hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng.
- Thực hiện được các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương trong cuộc sống hằng ngày và báo cáo được kết quả.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi quan sát và nhận ra vấn đề của cảnh quan nơi mình sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch khảo sát, kế hoạch tuyên truyền và triển khai được trong cộng đồng.

Năng lực chung: giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm giải pháp cho một cảnh quan đang xuống cấp; giao tiếp và hợp tác khi phỏng vấn người dân và làm việc nhóm; tự chủ và tự học khi tự duy trì các việc làm bảo tồn hằng ngày.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

3.1.NC1b – tạo và chỉnh sửa được nội dung số phục vụ học tập và đời sống. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh thiết kế áp phích tuyên truyền trên giấy A3 gồm khẩu hiệu, hình vẽ, ba thông điệp và phân ghi nguồn số liệu; sau đó ghi phiếu yêu cầu chỉnh sửa nêu rõ chữ nào cần phóng to, câu nào cần rút ngắn, chỗ nào cần bổ sung nguồn. Giáo viên chụp và

số hoá áp phích trên máy tính của lớp, chiếu lên tivi rồi sửa trực tiếp theo đúng phiếu yêu cầu của từng nhóm để cả lớp so sánh bản trước và bản sau khi sửa.

12.A1 – nhận biết được vai trò và một số ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong đời sống. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên giới thiệu và chiếu lên tivi hai ứng dụng đang được dùng để giữ gìn cảnh quan là phần mềm nhận dạng ảnh vệ tinh phát hiện điểm đổ rác trái phép và phần mềm nhận dạng ảnh giúp phân loại rác; học sinh chỉ ra dữ liệu mỗi ứng dụng cần, việc nó làm được và việc con người vẫn phải làm.

Minh chứng: áp phích tuyên truyền trên giấy A3 kèm phiếu yêu cầu chỉnh sửa và bản đã sửa được chiếu trên tivi; phiếu phân tích hai ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo ba cột; kế hoạch tuyên truyền sáu mục; báo cáo đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: giữ gìn cảnh quan thiên nhiên như giữ gìn tài sản chung, không xả rác và nhắc nhở người khác cùng giữ.

Yêu nước: trân trọng danh lam thắng cảnh của quê hương và giới thiệu được vẻ đẹp ấy với người khác.

Trung thực: ghi đúng thực trạng quan sát được, không tô hồng và không thổi phồng.

Chăm chỉ: duy trì các việc làm bảo tồn nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 51–57 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có phần mềm soạn thảo và xử lý ảnh đơn giản, kết nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, băng dính giấy; bản in hai trường hợp Hồ X và Bãi biển Y ở trang 55; bản in khung kế hoạch tuyên truyền ở trang 56; tư liệu về một danh lam thắng cảnh của địa phương lấy từ cổng thông tin của xã, phường hoặc cơ quan văn hoá; mẫu phiếu quan sát hiện trường và mẫu câu hỏi phỏng vấn; ảnh chụp hai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dùng trong bảo vệ môi trường; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; bút màu; ảnh hoặc ghi chép về một cảnh quan ở nơi mình sống; hiểu biết về danh lam thắng cảnh gần nhà.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in tư liệu địa phương và ảnh chụp hai ứng dụng đã chuẩn bị từ trước; phần chiếu tivi chuyển sang treo áp phích giấy A3 lên bảng để cả lớp cùng soi và ghi phần cần sửa bằng bút màu ngay trên bản giấy; việc số hoá áp phích lùi sang buổi có điện.

An toàn: khi khảo sát hiện trường, học sinh đi theo nhóm có giáo viên hoặc người lớn phụ trách, phải được gia đình đồng ý, không xuống lòng hồ, mép nước, vách đá hay khu vực có biển cấm; không tự ý nhặt rác sắc nhọn, rác y tế mà báo cho người có trách nhiệm. Khi phỏng vấn, học sinh xin phép trước, không ghi âm ghi hình nếu người được hỏi không đồng ý, không nêu tên thật của họ trong báo cáo. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không tự đăng ảnh hay bài lên mạng; phần thao tác máy và phần đưa nội dung lên bảng tin do giáo viên thực hiện sau khi lớp đã duyệt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết các giải pháp → biết cách tuyên truyền → đi khảo sát thật → đề xuất giải pháp cho cảnh quan của mình → làm áp phích và kế hoạch tuyên truyền → làm thật và báo cáo.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
56	Có những giải pháp nào để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên?	Bảng bốn nhóm giải pháp trên giấy A3	45 phút
57	Tuyên truyền cho cộng đồng thì nói với ai, nói gì và nói bằng cách nào?	Sơ đồ mục đích – đối tượng – nội dung – hình thức	45 phút
58	Muốn biết một thắng cảnh đang ra sao thì khảo sát thế nào?	Kế hoạch khảo sát và phiếu quan sát, câu hỏi phỏng vấn	45 phút
59	Số liệu thu về nói lên điều gì và Hồ X, Bãi biển Y cần giải pháp nào?	Báo cáo thực trạng và phiếu giải pháp cho hai trường hợp	45 phút
60	Áp phích tuyên truyền của nhóm cần sửa ở đâu cho dễ đọc?	Áp phích A3 kèm phiếu yêu cầu chỉnh sửa và bản đã sửa	45 phút
61	Kế hoạch tuyên truyền và việc em làm hằng ngày là gì?	Kế hoạch tuyên truyền sáu mục và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 56. CÁC GIẢI PHÁP TÍCH CỰC, SÁNG TẠO TRONG BẢO TỒN CẢNH QUAN

Hoạt động 1. Mở đầu – Bãi biển trong tranh và bãi biển ngoài đời (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên trách nhiệm với cảnh quan quanh mình và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu các giải pháp bảo tồn.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 51: bãi biển cát vàng cong hình lưỡi liềm với rừng dừa và núi đá phía sau, tắm băng rôn mang dòng chữ giữ gìn cảnh quan biển vì lợi ích của chính bạn và cộng đồng, hai học sinh đeo khẩu trang và găng tay đang nhặt rác vào thùng rác có biểu tượng tái chế. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách cảnh quan ở địa phương mà lớp kẻ ra được, ghi lên bảng thành hai cột: còn đẹp và đang xuống cấp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 51 lên tivi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh quan sát tranh, liên hệ với cảnh quan gần nhà mình rồi viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chưa nêu được tên một cảnh quan cụ thể.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi tên các cảnh quan lên bảng thành hai cột là còn đẹp và đang xuống cấp, kèm lí do các em nêu.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Cột thứ hai trên bảng chính là việc của chủ đề này. Sáu tiết tới lớp sẽ đi khảo sát một cảnh quan có thật, tìm giải pháp cho nó và nói lại với cộng đồng.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết sáu định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 52, từ giải pháp bảo tồn và hoạt động tuyên truyền đến đánh giá thực trạng và thực hiện các việc làm bảo tồn ở địa phương.

b) Nội dung: Chín nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 56 đến tiết 60, tám sáu hoạt động của sách giáo khoa trang 53 đến trang 56.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Xếp giải pháp bảo tồn thành bốn nhóm (37')

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất bốn giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và giải thích được vì sao mỗi giải pháp có tác dụng.

b) Nội dung: Từ trải nghiệm của bản thân và bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 53, học sinh xếp các giải pháp vào bốn nhóm: tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ cảnh quan; phát triển du lịch gắn với bảo tồn, không phát triển ồ ạt thiếu kiểm soát; tăng chế tài xử phạt hành vi gây tổn hại đến cảnh quan; phát động các phong trào, chiến dịch bảo tồn cảnh quan. Mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất một giải pháp do nhóm nghĩ ra.

c) Sản phẩm: Bảng bốn nhóm giải pháp trên giấy A3 của nhóm. Mỗi nhóm giải pháp có ít nhất hai việc làm cụ thể, một câu nói rõ giải pháp ấy tác động vào nguyên nhân nào và tên người hoặc cơ quan có thể thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, viết tên bốn nhóm giải pháp lên bảng theo trang 53 và nêu rõ sản phẩm phải nộp cuối tiết.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm chép bốn giải pháp gợi ý, thêm giải pháp mới và điền ba cột. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng hai câu hỏi: giải pháp này trị vào nguyên nhân nào, và ai mới làm được việc đó — học sinh, người dân hay chính quyền.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại chỉ ra giải pháp nào học sinh tham gia được ngay và giải pháp nào phải chờ cơ quan chức năng.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Bốn nhóm giải pháp đánh vào bốn nguyên nhân khác nhau nên phải làm cùng lúc mới có kết quả. Trong đó tuyên truyền là việc học sinh làm được ngay, và đó cũng là phần trọng tâm của chủ đề này.

TIẾT 57. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã kết luận tuyên truyền là việc học sinh làm được ngay. Tiết này đi vào chi tiết: nói với ai, nói điều gì và nói bằng cách nào cho người ta nghe.

Nhiệm vụ 2.2. Xác định mục đích và đối tượng tuyên truyền (20')

a) Mục tiêu: Xác định được mục đích của hoạt động tuyên truyền và phân biệt được ba nhóm đối tượng tuyên truyền để chọn cách nói phù hợp với từng nhóm.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 53, học sinh xác định mục đích tuyên truyền là nâng cao nhận thức cho cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và trách nhiệm chung tay giữ gìn; sau đó phân tích ba nhóm đối tượng là người dân trong cộng đồng, bạn bè trong trường và ngoài xã hội, người thân trong gia đình.

c) Sản phẩm: Bảng ba đối tượng của nhóm, mỗi đối tượng ghi rõ điều họ quan tâm nhất, cách mở đầu phù hợp và một câu tuyên truyền viết sẵn dành riêng cho họ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên nêu mục đích tuyên truyền theo trang 53, kẻ bảng ba đối tượng lên bảng lớp và phát phiếu cho các nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm điền bảng. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: cùng một thông điệp giữ sạch bờ hồ thì nói với bác bán hàng ven hồ và nói với bạn cùng lớp có giống nhau không.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Ba nhóm trình bày bảng. Lớp so sánh ba câu tuyên truyền cho ba đối tượng và chỉ ra câu nào dễ nghe nhất, câu nào dễ làm người nghe khó chịu.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Cùng một điều cần nói nhưng mỗi nhóm người quan tâm một khía cạnh khác nhau. Chọn đúng điều họ quan tâm thì lời tuyên truyền mới được nghe hết.

Nhiệm vụ 2.3. Xác định nội dung và hình thức tuyên truyền (22’)

a) Mục tiêu: Nêu được nội dung tuyên truyền theo hai mảng và lựa chọn được hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện của trường và địa phương.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 53 và trang 54, nội dung tuyên truyền gồm hai mảng. Mảng ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên có các ý tạo ra hiệu ứng làm mát, ngăn chặn xói mòn, góp phần phát triển bền vững. Mảng trách nhiệm chung tay giữ gìn có các ý tuân thủ quy định về bảo tồn, thực hiện các hành động cụ thể, thể hiện thái độ không đồng tình và nhắc nhở hoặc báo cho người có trách nhiệm khi thấy hành vi làm tổn hại cảnh quan. Bốn hình thức gợi ý gồm toạ đàm, thuyết trình, tuyên truyền trên bảng tin của nhà trường và của thôn bản hoặc địa bàn dân cư, tuyên truyền trên loa phát thanh.

c) Sản phẩm: Sơ đồ bốn phần của nhóm gồm mục đích, đối tượng, nội dung và hình thức; phần hình thức có đánh dấu hai hình thức nhóm chọn kèm lí do dựa vào điều kiện thật của trường và địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên đọc hai mảng nội dung và bốn hình thức ở trang 53 và trang 54, phát giấy A3 để các nhóm dựng sơ đồ bốn phần.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm dựng sơ đồ và chọn hình thức. Giáo viên nhắc lí do chọn phải chỉ được vào một điều kiện có thật như trường có bảng tin ở sảnh, thôn có loa phát thanh phát vào buổi sáng.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Bốn nhóm trình bày sơ đồ. Lớp bỏ phiếu chọn hai hình thức khả thi nhất để cả lớp cùng làm ở các tiết sau.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Hình thức tuyên truyền phải chọn theo chỗ người nghe thường có mặt, chứ không theo chỗ mình thấy tiện. Bảng tin và loa phát thanh là hai kênh cộng đồng ở địa phương thường xuyên tiếp xúc nhất.

TIẾT 58. LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG DANH LAM THẮNG CẢNH

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết đầu lớp đã có giải pháp và cách tuyên truyền trên lí thuyết. Tiết này bước ra thực tế: muốn nói đúng về một thắng cảnh thì phải đi xem và hỏi chứ không đoán.

Nhiệm vụ 2.4. Lập kế hoạch khảo sát và chuẩn bị công cụ (42')

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một danh lam thắng cảnh ở địa phương và chuẩn bị được phiếu quan sát cùng bộ câu hỏi phỏng vấn.

b) Nội dung: Theo hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 54, mỗi nhóm liệt kê danh lam thắng cảnh ở địa phương rồi chọn một cảnh quan để khảo sát; xác định nội dung đánh giá gồm hiện trạng danh lam thắng cảnh và các giải pháp bảo tồn đã hoặc đang được thực hiện; lựa chọn phương pháp trong ba phương pháp là nghiên cứu tư liệu, quan sát hiện trường và phỏng vấn các đối tượng có liên quan; cuối cùng xác định công việc cụ thể, thời gian thực hiện và sản phẩm mong đợi.

c) Sản phẩm: Kế hoạch khảo sát của nhóm ghi rõ cảnh quan được chọn, nội dung đánh giá, phương pháp, công việc và thời gian; kèm phiếu quan sát hiện trường có ít nhất sáu mục và bộ năm câu hỏi phỏng vấn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát mẫu phiếu quan sát và mẫu câu hỏi phỏng vấn, ghép nhóm theo địa bàn sinh sống, nêu rõ quy định an toàn khi đi khảo sát và yêu cầu phải được gia đình đồng ý.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm chọn cảnh quan, viết kế hoạch và soạn công cụ. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: câu hỏi phỏng vấn có phải câu hỏi mở không, và phiếu quan sát đã có mục nào ghi được bằng con số chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Ba nhóm trình bày kế hoạch và đọc bộ câu hỏi. Lớp góp ý bằng hai câu hỏi: câu này hỏi bác bán hàng ven hồ thì bác có trả lời được không, và các em ghi lại câu trả lời bằng cách nào.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một cuộc khảo sát chỉ có giá trị khi ghi được điều nhìn thấy và điều nghe được, tách bạch với điều mình nghĩ. Vì thế phiếu quan sát cần chỗ ghi số đếm được, còn câu hỏi phỏng vấn cần để người ta kể chứ không chỉ trả lời có hoặc không.

TIẾT 59. BÁO CÁO THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Kết nối hai tiết (3'): Giữa hai tiết, các nhóm đã đi khảo sát theo kế hoạch. Tiết này xử lí số liệu mang về, báo cáo thực trạng rồi thử sức với hai trường hợp trong sách.

Nhiệm vụ 2.5. Xử lí số liệu và báo cáo thực trạng bảo tồn (20')

a) Mục tiêu: Xử lí và phân tích được thông tin, số liệu thu thập từ khảo sát; báo cáo được kết quả đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh ở địa phương.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba và thứ tư của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 54 và trang 55, các nhóm tổng hợp phiếu quan sát và biên bản phỏng vấn, rồi báo cáo theo ba ý gợi ý là hiện trạng danh lam thắng cảnh, các giải pháp bảo tồn đã hoặc đang được thực hiện, tác động và hiệu quả của các giải pháp đó cùng nguyên nhân.

c) Sản phẩm: Báo cáo thực trạng của nhóm dài khoảng ba phút, đủ ba ý gợi ý, có ít nhất hai con số đếm được từ phiếu quan sát và một ý kiến trích từ phỏng vấn, ghi rõ người được hỏi thuộc nhóm nào mà không nêu tên thật.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên nêu ba ý bắt buộc của báo cáo, nhắc quy ước không nêu tên thật người được phỏng vấn và giới hạn thời gian trình bày mỗi nhóm khoảng ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm tổng hợp phiếu, đếm số liệu và dựng báo cáo. Giáo viên nhắc tách rõ điều quan sát được với điều nhóm suy đoán, và mỗi nhận định phải có số liệu hoặc lời phỏng vấn đứng sau.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Ba nhóm báo cáo. Lớp đối chiếu: cùng một địa bàn nhưng các nhóm khảo sát hai cảnh quan khác nhau thì thực trạng có giống nhau không.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Phần khó nhất của báo cáo là chỉ ra nguyên nhân, vì nguyên nhân thường nằm ở thói quen của nhiều người chứ không ở một ai. Nhận đúng nguyên nhân thì giải pháp mới trúng.

Trường hợp 1

Hồ X là một thắng cảnh đẹp, đồng thời là lá phổi xanh quan trọng của thành phố. Nhưng qua một số năm, diện tích hồ dần bị thu hẹp bởi việc lấn chiếm của các hàng quán và nhà dân ở ven hồ. Không những thế, rác thải, nước thải sinh hoạt của các hộ dân và cơ sở dịch vụ ăn uống ven hồ xả bừa bãi đã làm nước hồ bị ô nhiễm.

Trường hợp 2

Bãi biển Y được biết tới bởi vẻ đẹp hoang sơ, bãi cát trắng thoai thoải, nước biển trong xanh. Tuy nhiên, hiện tại vùng biển này đã không còn hấp dẫn du khách vì nước biển ở đây đã bị ô nhiễm bởi nước thải chưa được xử lý triệt để từ một khu chế xuất gần đó. Không những thế, bãi biển còn nhiều rác thải không được thu dọn.

Hai trường hợp Hồ X và Bãi biển Y để đề xuất giải pháp bảo tồn — SGK trang 55

Nhiệm vụ 2.6. Đề xuất giải pháp cho hai trường hợp và cho cảnh quan của nhóm (22’)

a) Mục tiêu: Đề xuất được giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên cho hai trường hợp ở sách giáo khoa và cho chính cảnh quan nhóm vừa khảo sát.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 55. Trường hợp thứ nhất: Hồ X là thắng cảnh đẹp và là lá phổi xanh của thành phố nhưng diện tích dần bị thu hẹp do hàng quán và nhà dân ven hồ lấn chiếm, nước hồ ô nhiễm vì rác thải và nước thải sinh hoạt xả bừa bãi. Trường hợp thứ hai: Bãi biển Y vốn đẹp hoang sơ nhưng nay không còn hấp dẫn du khách vì nước biển ở đây đã bị ô nhiễm bởi nước thải chưa xử lý triệt để từ một khu chế xuất gần đó và bãi biển còn nhiều rác thải không được thu dọn. Sau đó mỗi nhóm quay lại đề xuất giải pháp cho cảnh quan mình vừa khảo sát.

c) **Sản phẩm:** Phiếu giải pháp của nhóm gồm ba phần cho ba cảnh quan là Hồ X, Bãi biển Y và cảnh quan của nhóm; mỗi phần có hai giải pháp, mỗi giải pháp ghi rõ trị vào nguyên nhân nào và ai thực hiện.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. **Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên phát bản in hai trường hợp, chiếu hình ở trang 55 lên tivi và nhắc lại bảng bốn nhóm giải pháp đã dựng ở tiết 56 để các nhóm lấy làm chỗ dựa.

2. **Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Các nhóm đề xuất giải pháp cho ba cảnh quan. Giáo viên hỏi lại nhóm nào chỉ viết chung chung là cần tuyên truyền: tuyên truyền cho ai và nói điều gì cụ thể.

3. **Báo cáo, thảo luận (6'):** Ba nhóm trình bày phiếu. Lớp phản biện bằng một câu hỏi cho mỗi giải pháp: nếu làm đúng như vậy thì nguyên nhân kia có mất đi không.

4. **Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Hai trường hợp trong sách có nguyên nhân khác nhau nên giải pháp phải khác nhau: Hồ X vương ở lấn chiếm và rác sinh hoạt của chính người dân, còn Bãi biển Y vương ở nguồn nước thải công nghiệp cần cơ quan chức năng vào cuộc.

TIẾT 60. THIẾT KẾ VÀ CHỈNH SỬA ÁP PHÍCH TUYÊN TRUYỀN

Kết nối hai tiết (3'): Nhóm đã có thực trạng và giải pháp. Tiết này biến chúng thành một sản phẩm treo được lên bảng tin để người ngoài lớp cũng đọc và hiểu.

Nhiệm vụ 2.7. Thiết kế áp phích tuyên truyền trên giấy A3 (20')

a) **Mục tiêu:** Thiết kế được một áp phích tuyên truyền về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ, phù hợp với đối tượng nhóm đã chọn.

b) **Nội dung:** Mỗi nhóm thiết kế áp phích trên giấy A3 gồm bốn thành phần: một khẩu hiệu ngắn, hình vẽ minh họa cảnh quan nhóm đã khảo sát, ba thông điệp lấy từ hai mảng nội dung ở tiết 57, và phần ghi nguồn cho số liệu được dùng.

c) **Sản phẩm:** Áp phích A3 của nhóm có đủ bốn thành phần; số liệu nào đưa lên áp phích đều ghi rõ lấy từ phiếu quan sát của nhóm hay từ tư liệu chính thức nào.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. **Chuyển giao nhiệm vụ (2'):** Giáo viên phát giấy A3 và bút màu, nêu bốn thành phần bắt buộc và nhắc khẩu hiệu nên gọn dưới mười chữ để người đi ngang đọc kịp.

2. **Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Các nhóm thiết kế áp phích. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc hai lỗi hay gặp là chữ quá nhỏ so với khoảng cách người đứng đọc và số liệu đưa lên mà không ghi nguồn.

3. **Báo cáo, thảo luận (5'):** Các nhóm treo áp phích lên bảng. Lớp đi xem một vòng và mỗi em dán một mẫu giấy nhớ ghi một chỗ mình thấy khó đọc hoặc khó hiểu.

4. **Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Áp phích khác bài thuyết trình ở chỗ người xem chỉ dừng lại vài giây. Vì thế khẩu hiệu phải bắt mắt, thông điệp phải ngắn, và số liệu vẫn phải có nguồn.

Nhiệm vụ 2.8. Ghi phiếu yêu cầu chỉnh sửa và duyệt bản đã sửa (22')

a) Mục tiêu: Nêu được yêu cầu chỉnh sửa cụ thể cho áp phích của nhóm và nhận ra được sự khác biệt giữa bản trước và bản sau khi sửa.

b) Nội dung: Từ các mẫu giấy nhớ của lớp, mỗi nhóm ghi phiếu yêu cầu chỉnh sửa nêu rõ chữ nào cần phóng to, câu nào cần rút ngắn, chỗ nào cần bổ sung nguồn, hình nào cần đổi vị trí. Giáo viên chụp áp phích, đưa vào máy tính của lớp, chiếu lên tivi và sửa trực tiếp theo đúng phiếu yêu cầu của từng nhóm để cả lớp so sánh hai bản.

c) Sản phẩm: Phiếu yêu cầu chỉnh sửa của nhóm có ít nhất bốn yêu cầu cụ thể; bản áp phích đã số hoá và sửa theo yêu cầu, được chiếu trên tivi và cả lớp duyệt trước khi đưa lên bảng tin của trường; dòng tự đánh giá của nhóm nói rõ bản đã sửa đạt yêu cầu chưa và còn phải sửa tiếp chỗ nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên hướng dẫn cách viết một yêu cầu chỉnh sửa cho rõ, làm mẫu một yêu cầu trên áp phích của một nhóm: nói rõ sửa chỗ nào, sửa thành gì và vì sao sửa.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm đọc giấy nhớ của lớp rồi ghi phiếu yêu cầu chỉnh sửa. Trong lúc đó giáo viên lần lượt chụp và đưa áp phích của ba nhóm vào máy tính của lớp.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Giáo viên chiếu từng áp phích lên tivi và sửa trực tiếp theo phiếu của nhóm đó; cả lớp so sánh bản trước và bản sau, nêu yêu cầu nào làm áp phích dễ đọc hẳn lên.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Một nội dung số chỉ hoàn chỉnh sau vài lần sửa, và người sửa cần biết rõ mình sửa để làm gì. Yêu cầu chỉnh sửa càng cụ thể thì bản sau càng đúng ý người thiết kế. Trước khi đưa lên bảng tin, nhóm còn phải tự soát lại bản đã sửa một lượt: đủ bốn thành phần chưa, số liệu nào còn thiếu nguồn, có ảnh nào lộ thông tin cá nhân của người khác không.

TIẾT 61. KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN, VIỆC LÀM HÀNG NGÀY VÀ TỔNG KẾT

Kết nối hai tiết (3’): Áp phích đã sẵn sàng. Tiết cuối đặt nó vào một kế hoạch tuyên truyền đủ mục, rồi khép lại bằng những việc nhỏ mà em làm được mỗi ngày cho cảnh quan quanh mình.

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN

- 1) Nhóm thực hiện:...
- 2) Đối tượng tuyên truyền:...
- 3) Thời gian tuyên truyền:...
- 4) Nội dung tuyên truyền:
 - Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với môi trường và cuộc sống con người.
 - Những hành động cần thiết mà người dân trong cộng đồng cần chung tay thực hiện để gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
- 5) Hình thức tuyên truyền:...
- 6) Các công việc cụ thể, thời gian thực hiện, kết quả cần đạt và phân công nhiệm vụ cho các thành viên:...

Khung kế hoạch tuyên truyền gồm sáu mục — SGK trang 56

Nhiệm vụ 2.9. Hai ứng dụng trí tuệ nhân tạo đang được dùng để giữ cảnh quan (14')

a) Mục tiêu: Nhận biết được vai trò và một số ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong việc giữ gìn cảnh quan; chỉ ra được dữ liệu mỗi ứng dụng cần, việc nó làm được và việc con người vẫn phải làm; phân biệt được thiết bị tự động với trí tuệ nhân tạo.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu lên tivi hai ứng dụng đang được dùng thật để giữ gìn cảnh quan: một phần mềm đọc ảnh vệ tinh, so ảnh hai thời điểm rồi chỉ ra chỗ nghi có bãi rác mới xuất hiện ven hồ; và một phần mềm nhận dạng ảnh giúp phân loại rác khi người dùng chụp một món đồ bỏ đi. Bên cạnh đó giáo viên nêu một ví dụ đối chứng là máy ảnh gắn ở cổng công viên chụp người ra vào theo giờ đã cài. Mỗi nhóm điền phiếu ba cột ở mục C Phụ lục 1 cho từng ứng dụng, rồi trả lời đâu là thiết bị tự động, đâu là trí tuệ nhân tạo và vì sao phân biệt như vậy.

c) Sản phẩm: Phiếu ba cột của mỗi nhóm cho hai ứng dụng, gồm dữ liệu ứng dụng cần, việc ứng dụng làm được và việc con người vẫn phải làm; một câu phân biệt thiết bị tự động với trí tuệ nhân tạo kèm lí do.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu lần lượt hai ứng dụng và ví dụ đối chứng lên tivi, mỗi thứ khoảng một phút, vừa chiếu vừa chỉ rõ chỗ nào là dữ liệu đưa vào và chỗ nào là kết quả máy đưa ra. Giáo viên phát phiếu ba cột và nêu yêu cầu điền cho cả hai ứng dụng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (6'): Các nhóm điền phiếu ba cột. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào bỏ trống cột cuối: phần mềm báo có một điểm nghi là bãi rác mới thì ai phải đến tận nơi xác minh, và nếu nó nhận nhầm bóng cây thành đồng rác thì hậu quả là gì.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Hai nhóm trình bày phiếu. Lớp tranh luận câu phân biệt: máy ảnh cổng công viên có phải trí tuệ nhân tạo không, và vì sao. Giáo viên chốt lại ranh giới bằng chính lời của học sinh.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Thiết bị tự động làm đúng một việc đã cài sẵn, hôm nào cũng y như nhau. Trí tuệ nhân tạo học từ dữ liệu rồi đưa ra nhận định mới mà

không ai cài từng trường hợp. Nhưng nhận định của nó chỉ là gợi ý có thể sai, nên việc xác minh tại chỗ và việc quyết định xử lý vẫn thuộc về con người.

Hoạt động 3. Luyện tập – Xây dựng kế hoạch tuyên truyền (16')

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ, đủ sáu mục theo khung của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh dùng khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 56 làm mẫu và điền vào bảng ở mục D Phụ lục 1. Sáu mục gồm nhóm thực hiện; đối tượng tuyên truyền; thời gian tuyên truyền; nội dung tuyên truyền với hai ý là ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với môi trường và cuộc sống con người, những hành động cần thiết mà người dân cần chung tay thực hiện; hình thức tuyên truyền; các công việc cụ thể kèm thời gian thực hiện, kết quả cần đạt và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

c) Sản phẩm: Kế hoạch tuyên truyền của nhóm đủ sáu mục, có phân công cho từng thành viên, có mốc thời gian và ít nhất một kết quả cần đạt đếm được, gắn với áp phích đã làm ở tiết 60.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở trang 56 lên tivi, chỉ ra sáu mục và nhấn mạnh mục thứ sáu là mục dài nhất vì gộp cả công việc, thời gian, kết quả và phân công.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm điền bảng ở mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: mỗi thành viên đã có việc riêng chưa và kết quả cần đạt đã đếm được chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người duyệt, hỏi ba câu: tuyên truyền cho ai, ở đâu, và làm xong thì nhìn vào đâu để biết là đạt.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Kế hoạch tuyên truyền chạy được khi gắn với một sản phẩm có thật và một chỗ treo có thật. Áp phích của các em đã có, việc còn lại là chọn đúng chỗ và đúng lúc đưa nó đến với người đọc.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện việc làm bảo tồn ở địa phương và tự đánh giá (12')

a) Mục tiêu: Thực hiện được các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương trong sinh hoạt hằng ngày, báo cáo được kết quả và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 56, mỗi học sinh chọn và duy trì trong bốn tuần ít nhất hai việc làm hằng ngày để giữ gìn cảnh quan nơi mình sống; đồng thời tuyên truyền tới người dân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và khách du lịch bằng áp phích và kế hoạch đã có; cuối cùng báo cáo kết quả kèm chia sẻ cảm xúc và hoàn thành phiếu tự đánh giá theo bảy tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 57 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh, mỗi tuần một dòng ghi việc đã làm; bản báo cáo ngắn kèm cảm xúc; phiếu tự đánh giá bảy tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'):** Giáo viên chiếu bảy tiêu chí ở trang 57, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm và nhắc lại quy định an toàn khi tham gia dọn vệ sinh cảnh quan.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (5'):** Học sinh chọn hai việc làm hằng ngày, ghi vào nhật kí và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí chọn mức Đạt.
- 3. Báo cáo, thảo luận (3'):** Ba học sinh chia sẻ việc mình chọn và tiêu chí mình chưa đạt. Lớp góp ý cách duy trì việc làm trong bốn tuần và cách rủ thêm người trong nhà cùng làm.
- 4. Kết luận, nhận định (2'):** GV chốt: Cảnh quan quanh ta xuống cấp dần vì những việc nhỏ nhiều người cùng làm, nên cũng được giữ lại nhờ những việc nhỏ nhiều người cùng làm. Nhật kí và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 6 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nhìn bức tranh mở đầu chủ đề, điều gì khiến em chú ý nhất?
2. Nơi em sống có cảnh quan thiên nhiên hoặc danh lam thắng cảnh nào?
3. Cảnh quan đó bây giờ so với vài năm trước có gì thay đổi?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 6

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc trường hợp minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên			
2. Hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng			
3. Đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh			
4. Kế hoạch tuyên truyền và việc làm ở địa phương			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc liên quan tới máy: ở tiết 60 em thiết kế áp phích trên giấy rồi ghi rõ yêu cầu chỉnh sửa để thầy cô số hoá và sửa trên máy, sau đó tự soát lại bản đã sửa; ở tiết 61 em tìm hiểu hai ứng dụng trí tuệ nhân tạo đang được dùng để giữ gìn cảnh quan. Ví dụ đối chứng dưới đây giúp em phân biệt hai loại máy khác nhau.

Ví dụ A: máy ảnh gắn ở công công viên chụp lại mọi người ra vào theo giờ đã cài. Nó chụp và lưu ảnh đúng lịch, hôm nào cũng làm y như nhau, không phân biệt được ai đang xả rác và ai đang nhặt rác.

Ví dụ B: một phần mềm đọc ảnh chụp từ vệ tinh, tự so sánh ảnh của hai thời điểm rồi chỉ ra những chỗ nghi có bãi rác mới xuất hiện ven hồ để người quản lí đến kiểm tra.

Phiếu ba cột — điền cho hai ứng dụng thầy cô chiếu ở tiết 61:

Ứng dụng	Nó cần dữ liệu gì?	Nó làm được việc gì?	Con người vẫn phải làm gì?
Phần mềm đọc ảnh vệ tinh tìm bãi rác mới ven hồ			
Phần mềm nhận dạng ảnh giúp phân loại rác			

Trả lời hai câu hỏi sau:

1. Trong ví dụ A và hai ứng dụng trên, đâu là thiết bị tự động và đâu là trí tuệ nhân tạo? Vì sao em phân biệt như vậy?
2. Khi phần mềm báo có một điểm nghi là bãi rác mới, con người vẫn phải làm những việc gì?

Phiếu yêu cầu chỉnh sửa áp phích của nhóm em:

- Yêu cầu 1: sửa chỗ thành Vì:
- Yêu cầu 2: sửa chỗ thành Vì:
- Yêu cầu 3: sửa chỗ thành Vì:
- Yêu cầu 4: sửa chỗ thành Vì:
- Nhóm em tự đánh giá bản đã sửa: đã đạt yêu cầu chưa, còn phải sửa tiếp chỗ nào?
.....

.....
...

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Phiếu quan sát hiện trường khi khảo sát cảnh quan

Mục quan sát	Điều nhìn thấy	Đếm được bao nhiêu	Thời điểm quan sát	Ghi chú

D2. Kế hoạch tuyên truyền (làm theo nhóm)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
1) Nhóm thực hiện	
2) Đối tượng tuyên truyền	
3) Thời gian tuyên truyền	
4) Nội dung tuyên truyền	
5) Hình thức tuyên truyền	
6) Công việc cụ thể, thời gian, kết quả cần đạt và phân công nhiệm vụ	

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	SGK trang 53 nêu bốn giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và đề nghị cho học sinh bổ sung thêm.	Bốn giải pháp: tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ cảnh quan; phát triển du lịch gắn với bảo tồn, không phát triển ồ ạt thiếu kiểm soát và không bền vững; tăng chế tài xử phạt hành vi gây tổn hại đến cảnh quan; phát động các phong trào, chiến dịch bảo tồn cảnh quan.	Bốn giải pháp đánh vào bốn nguyên nhân khác nhau nên phải làm cùng lúc; tuyên truyền là phần học sinh tham gia được ngay.
2. Hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng	SGK trang 53 và trang 54 nêu mục đích, ba nhóm đối tượng, hai mảng nội dung và bốn hình thức tuyên truyền.	Đối tượng: người dân trong cộng đồng; bạn bè trong trường, ngoài xã hội, trên mạng xã hội; người thân trong gia đình. Nội dung mảng ý nghĩa: tạo ra hiệu ứng làm mát, ngăn chặn xói mòn, góp phần phát triển bền vững. Nội dung mảng trách nhiệm: tuân thủ quy định, thực hiện hành động cụ thể, không đồng tình và báo cho người có trách nhiệm khi thấy hành vi làm tổn hại cảnh quan. Bốn hình thức: toạ đàm, thuyết trình, tuyên truyền trên bảng tin, tuyên truyền trên loa phát thanh.	Chọn hình thức theo chỗ người nghe thường có mặt; cùng một thông điệp nhưng mỗi nhóm đối tượng cần một cách nói riêng.
3. Đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh	SGK trang 54 và trang 55 hướng dẫn lập kế hoạch đánh giá gồm liệt kê danh lam thắng cảnh, xác định nội dung, lựa chọn phương pháp và xác định công việc; sau đó tiến hành, xử lý số liệu và báo cáo.	Nội dung đánh giá: hiện trạng danh lam thắng cảnh; các giải pháp bảo tồn đã và đang được thực hiện. Ba phương pháp: nghiên cứu tư liệu, quan sát hiện trường, phỏng vấn các đối tượng có liên quan. Báo cáo theo ba ý: hiện trạng; giải pháp đã hoặc đang thực hiện; tác động, hiệu quả của các giải pháp đó và nguyên	Khảo sát chỉ có giá trị khi tách được điều nhìn thấy và điều nghe được với điều mình suy đoán; mỗi nhận định phải có số liệu hoặc lời phỏng vấn đứng sau.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
		nhân.	
4. Kế hoạch tuyên truyền và việc làm ở địa phương	SGK trang 56 đưa khung kế hoạch tuyên truyền gồm sáu mục; sau đó yêu cầu thực hiện các việc làm bảo tồn cảnh quan ở địa phương và báo cáo kết quả.	Sáu mục: nhóm thực hiện; đối tượng tuyên truyền; thời gian tuyên truyền; nội dung tuyên truyền gồm hai ý là ý nghĩa của cảnh quan và những hành động cần chung tay thực hiện; hình thức tuyên truyền; các công việc cụ thể, thời gian thực hiện, kết quả cần đạt và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.	Kế hoạch tuyên truyền chạy được khi gắn với một sản phẩm có thật và một chỗ treo có thật, kèm phân công rõ người và mốc thời gian.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – máy ảnh ở cổng công viên chỉ dùng dữ liệu là giờ hệ thống và lịch đã cài; nó chụp và lưu ảnh theo lịch, kết quả luôn giống nhau và không nhận định được gì về nội dung bức ảnh. Đây là thiết bị tự động.

Ví dụ B – phần mềm ở ví dụ B dùng dữ liệu là ảnh vệ tinh của hai thời điểm và kho ảnh đã được học trước; nó so sánh, nhận ra vùng thay đổi rồi đưa ra nhận định về chỗ nghi có bãi rác mới. Đây là trí tuệ nhân tạo.

Ứng dụng phân loại rác – phần mềm nhận dạng ảnh phân loại rác dùng dữ liệu là ảnh người dùng chụp và kho ảnh rác đã được học trước; nó đoán món đồ thuộc loại rác nào và gợi ý bỏ vào thùng nào. Nó hay nhầm khi món đồ bẩn, bị bóp méo hoặc chụp thiếu sáng, nên người dùng vẫn phải tự nhìn lại trước khi bỏ. Đây cũng là trí tuệ nhân tạo.

Câu hỏi 2 – khi phần mềm báo một điểm nghi là bãi rác mới, con người vẫn phải làm ba việc: đến tận nơi kiểm tra xem có đúng không, xác định ai chịu trách nhiệm xử lý, và quyết định cách xử lý. Phần mềm chỉ thu hẹp chỗ cần tìm chứ không thay người quyết định.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Nêu đúng dữ liệu mà mỗi máy sử dụng: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Phân biệt được thiết bị tự động với trí tuệ nhân tạo và giải thích được lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Thiết kế áp phích đủ bốn thành phần và có ghi nguồn cho số liệu: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Ghi được ít nhất bốn yêu cầu chỉnh sửa cụ thể kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Tự đánh giá được bản đã sửa đạt yêu cầu chưa và chỉ ra chỗ còn phải sửa tiếp: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – báo cáo thực trạng viết theo cảm nhận như hồ rất bẩn, bãi biển nhiều rác lắm mà không có số liệu. Gợi mở: trả lại phiếu quan sát và hỏi các em đếm được bao nhiêu điểm rác, ở đoạn nào, vào lúc mấy giờ.

Lỗi 2 – giải pháp đề xuất dừng ở mức cần tuyên truyền, cần nâng cao ý thức. Gọi mở: hỏi tuyên truyền cho ai, nói điều gì, treo ở đâu và ai là người làm.

Lỗi 3 – áp phích chữ quá nhỏ và quá nhiều chữ, người đi ngang không đọc kịp. Gọi mở: cho một em đứng cách áp phích ba mét thử đọc, rồi yêu cầu rút mỗi thông điệp xuống còn một dòng.

Lỗi 4 – phiếu yêu cầu chỉnh sửa ghi chung chung như sửa cho đẹp hơn, làm rõ hơn. Gọi mở: yêu cầu viết theo mẫu sửa chỗ nào, sửa thành gì và vì sao sửa, mỗi yêu cầu chỉ nhắm vào một chỗ.

Lỗi 5 – học sinh nêu tên thật và chức danh của người được phỏng vấn trong báo cáo. Gọi mở: nhắc quy ước an toàn, cho thay bằng cách gọi theo nhóm như một người bán hàng ven hồ, một người dân sống gần bãi biển.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị tự động thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; giữ an toàn khi khảo sát và tôn trọng người được phỏng vấn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm quy định an toàn khi đi thực địa.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 7. BẢO VỆ THỂ GIỚI TỰ NHIÊN

(Số tiết: 9 — tuần 21 đến tuần 24, tiết 62 đến tiết 70)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Liệt kê được các hành vi, việc làm cần thiết để bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã; nêu được tên một số tổ chức, cá nhân đang tham gia bảo tồn ở Việt Nam.
- Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của tổ chức và của cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã tại địa phương, có nêu căn cứ cho mỗi nhận xét.
- Lập được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương, đủ nhóm khảo sát, địa điểm, thời gian, phương pháp, công cụ, nội dung và kế hoạch triển khai.
- Thực hiện được khảo sát theo kế hoạch đã lập, phân tích được kết quả và viết được báo cáo khảo sát.
- Trình bày và thực hiện được các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương bằng ít nhất một việc làm cụ thể.
- Lập được kế hoạch tuyên truyền và thực hiện được hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật đến người thân và cộng đồng.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch khảo sát và kế hoạch bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương; năng lực thích ứng với cuộc sống khi làm việc ngoài thực địa và khi tiếp xúc với người dân trong lúc phỏng vấn.

Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác khi phân công công việc khảo sát và khi tuyên truyền tới cộng đồng; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi đề xuất biện pháp bảo vệ phù hợp với điều kiện thật của địa phương; tự chủ và tự học khi tự kiểm chứng thông tin trước khi đưa vào báo cáo.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.3.NC1a – tổ chức và xử lý được dữ liệu trong môi trường số. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh ghi kết quả khảo sát cây xanh và vật nuôi ở địa phương vào phiếu theo mẫu, phân loại theo nhóm loài và cộng số liệu từng nhóm trên giấy; giáo viên nhập bảng tổng hợp của các nhóm lên máy tính của lớp rồi chiếu biểu đồ cột để cả lớp cùng đọc và nhận xét.

12.B2 – nhận biết mức độ rủi ro khi sử dụng trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: từ bản in kết quả nhận dạng loài do một ứng dụng trả về mà giáo viên đã chuẩn bị sẵn, học sinh nêu được ít nhất hai rủi ro là nhận nhầm loài và dùng số liệu đã cũ, rồi đối chiếu lại tên loài với tài liệu địa phương trước khi ghi vào báo cáo khảo sát.

Minh chứng: phiếu khảo sát đã phân loại theo nhóm loài kèm bảng cộng số liệu của nhóm; phiếu đối chiếu tên loài ghi rõ máy trả về tên gì, tài liệu địa phương ghi tên gì và nhóm quyết định lấy tên nào; báo cáo khảo sát của nhóm.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: giữ gìn cây xanh, vật nuôi và môi trường sống quanh mình; làm đúng phần việc đã nhận trong kế hoạch khảo sát của nhóm.

Trung thực: ghi đúng những gì quan sát được, không thêm bớt số liệu cho báo cáo đẹp hơn.

Yêu nước: quý trọng thiên nhiên của quê hương và công sức của những người đang giữ rừng, giữ biển.

Chăm chỉ: theo đuổi kế hoạch khảo sát đủ số tuần đã đặt ra, không bỏ dở giữa chừng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 58–65 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, bút dạ; bản in ba trường hợp ở trang 60; bản in khung kế hoạch khảo sát cây được liệu trang 61 và bảng kế hoạch triển khai trang 62; bản in bảng nhận xét, đánh giá năm cột trang 63; bản in kết quả nhận dạng loài do một ứng dụng trả về kèm ảnh loài cây hoặc con vật quen thuộc ở địa phương; tài liệu địa phương để đối chiếu tên loài như sách tra cứu cây cỏ, tờ tin của hạt kiểm lâm hoặc bản tin xã; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một video ngắn về bảo tồn động vật hoang dã để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; ảnh hoặc tư liệu về cây xanh, vật nuôi, con vật hoang dã mà em quan sát được ở nơi mình sống.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in kết quả nhận dạng loài, bản in khung kế hoạch và bản in bảng năm cột đã chuẩn bị từ trước; phần tổng hợp số liệu chuyển sang kẻ bảng và vẽ cột bằng bút màu trên giấy A3, cả lớp vẫn đọc và nhận xét được như khi chiếu trên tivi. Toàn bộ nhiệm vụ làm trên phiếu giấy, không cần thiết bị riêng của học sinh.

An toàn: khi khảo sát ngoài nhà trường, học sinh đi theo nhóm có người lớn phụ trách, báo trước với gia đình, không vào rừng sâu, không xuống bờ sông, ao hồ trơn trượt và không lại gần, không chạm vào động vật hoang dã. Khi phỏng vấn người dân phải xin phép trước, không ghi tên riêng của người trả lời vào báo cáo. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân và không đưa ảnh chụp người dân lên mạng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận ra việc làm bảo tồn → lập kế hoạch khảo sát → khảo sát và xử lý số liệu → kiểm lại tên loài trước khi tin → đánh giá việc làm của tổ chức, cá nhân → làm một việc bảo vệ → tuyên truyền ra cộng đồng.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
62	Người ta đang làm những việc gì để giữ lấy thế giới tự nhiên?	Bảng liệt kê việc làm bảo tồn và phiếu đọc ba trường hợp trang 60	45 phút
63	Muốn khảo sát một loài ở địa phương thì cần chuẩn bị những gì?	Bản kế hoạch khảo sát của nhóm theo sáu mục trang 61	45 phút
64	Ai làm việc nào, làm vào tuần nào và nộp sản phẩm gì?	Bảng kế hoạch triển khai bốn cột của nhóm	45 phút
65	Số liệu thu về rời rạc thì sắp xếp lại thế nào cho đọc được?	Phiếu khảo sát đã phân loại theo nhóm loài và bảng cộng số liệu	45 phút
66	Máy đọc ảnh và gọi tên loài, có nên tin	Phiếu đối chiếu tên loài kèm hai rủi	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
	ngay không?	ro đã chỉ ra	
67	Kết quả khảo sát nói lên điều gì về nơi mình sống?	Báo cáo kết quả khảo sát của nhóm	45 phút
68	Việc làm của tổ chức, cá nhân quanh ta đáng ghi nhận ở chỗ nào?	Bảng nhận xét, đánh giá năm cột đã điền đủ	45 phút
69	Nhóm em chọn làm việc gì để bảo vệ thế giới động, thực vật?	Kế hoạch một việc làm bảo vệ và biên bản kết quả sau khi làm	45 phút
70	Nói thế nào để người thân và hàng xóm cùng làm theo?	Sản phẩm tuyên truyền và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 62. NHẬN DIỆN HÀNH VI, VIỆC LÀM BẢO TỒN THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

Hoạt động 1. Mở đầu – Một cánh rừng ngập mặn được trồng lại (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên mối quan tâm với thế giới tự nhiên quanh mình và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu xem con người đang làm gì để giữ lấy rừng, biển và các loài hoang dã.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 58 và một video ngắn về hoạt động bảo tồn động vật hoang dã, sau đó học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách loài cây, loài vật mà học sinh nhìn thấy quanh nơi mình sống được ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 58 và video ngắn, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh quan sát tranh, nhớ lại nơi mình sống và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ kể tên mà chưa nói được loài đó đang nhiều lên hay ít đi.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: loài đang còn nhiều và loài ít gặp hơn trước.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Hai cột trên bảng cho thấy thế giới tự nhiên quanh ta đang đổi thay từng năm. Chủ đề này sẽ đi từ chỗ nhận ra việc làm bảo tồn đến chỗ tự khảo sát và tự làm một việc.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết tám định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 59, từ nhận diện hành vi bảo tồn đến khảo sát, đánh giá, thực hiện biện pháp và tuyên truyền.

b) Nội dung: Mười hai nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 62 đến tiết 69, bám sáu hoạt động của sách giáo khoa trang 60 đến trang 65.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Kể và xếp nhóm những việc làm bảo tồn (18')

a) Mục tiêu: Liệt kê được các hành vi, việc làm của cá nhân và của tổ chức nhằm bảo tồn thế giới tự nhiên, động vật hoang dã; xếp được các việc làm đó thành nhóm.

b) Nội dung: Từ phần gợi ý ở sách giáo khoa trang 60 và từ điều bản thân đã thấy, học sinh kể các việc làm bảo tồn rồi xếp vào ba nhóm: việc làm giữ lấy nơi sống của loài, việc làm cứu và nuôi thả loài, việc làm nói cho người khác cùng biết.

c) Sản phẩm: Bảng ba nhóm việc làm bảo tồn trên giấy A3 của nhóm, mỗi nhóm ít nhất ba việc và có đánh dấu những việc học sinh đã từng thấy ở địa phương mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, nêu ba nhóm việc làm cần xếp và yêu cầu đánh dấu việc nào đã thấy ở địa phương.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm đọc gợi ý trang 60, kể thêm việc mình biết rồi xếp vào ba cột. Giáo viên gợi ý nhóm còn lúng túng bằng câu hỏi: việc này giữ chỗ ở cho loài, cứu con vật, hay làm cho nhiều người biết đến.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi. Các nhóm còn lại bổ sung việc làm chưa có và nói rõ mình xếp vào cột nào.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Bảo tồn không chỉ là cứu một con vật bị nạn. Giữ lấy nơi sống của loài và làm cho nhiều người cùng biết cũng là việc bảo tồn, đôi khi còn bền hơn.

Nhiệm vụ 2.2. Đọc ba trường hợp và chỉ ra việc làm bảo tồn (19')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã trong ba trường hợp cụ thể; nêu được kết quả mà mỗi việc làm đó mang lại.

b) Nội dung: Học sinh đọc ba trường hợp ở sách giáo khoa trang 60: nhóm “Những chiến binh xanh” gieo hạt và trồng cây quý vào rừng cùng cán bộ kiểm lâm; các gia đình ở xã B tự nguyện giao nộp gấu nuôi nhốt cho Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã M; Hội Nông dân xã A cùng cán bộ kiểm lâm thuyết phục người dân ngừng khai thác cây rừng bừa bãi và chuyển sang làm du lịch sinh thái.

c) Sản phẩm: Phiếu ba trường hợp của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1, mỗi trường hợp ghi rõ ai làm, làm việc gì và kết quả thu được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in ba trường hợp trang 60, chia mỗi hai nhóm phụ trách kĩ một trường hợp nhưng vẫn đọc cả ba, nêu ba cột cần điền là ai làm, làm gì, kết quả.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh đọc và điền phiếu cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm để thống nhất phần trường hợp nhóm mình phụ trách. Giáo viên nhắc phần kết quả phải lấy từ chính lời kể trong sách, không tự thêm.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm lần lượt trình bày ba trường hợp. Lớp so sánh: trường hợp nào do người dân tự làm, trường hợp nào có cán bộ nhà nước cùng làm.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Cả ba trường hợp đều cho thấy việc bảo tồn chạy được khi người dân và cơ quan chuyên trách cùng vào cuộc, và khi người dân vẫn có cách sống được từ rừng.

TIẾT 63. LẬP KẾ HOẠCH KHẢO SÁT THỰC TRẠNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã gọi tên được những việc làm bảo tồn qua ba trường hợp trong sách. Tiết này chuyển sang việc của chính mình: muốn biết thực trạng ở nơi mình sống thì phải tự đi khảo sát.

Nhiệm vụ 2.3. Xác định nội dung và phương pháp khảo sát (18')

a) Mục tiêu: Xác định được nội dung cần khảo sát và chọn được phương pháp khảo sát phù hợp với điều kiện của nhóm mình.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 61, học sinh thảo luận hai phần: nội dung khảo sát gồm thực trạng thế giới động, thực vật với số lượng loài và số lượng cá thể trong một loài, cùng hành vi, việc làm bảo vệ; phương pháp khảo sát gồm quan sát, phỏng vấn và khảo cứu tài liệu báo cáo của các tổ chức bảo vệ môi trường.

c) Sản phẩm: Phiếu hai cột của nhóm: cột nội dung sẽ khảo sát và cột phương pháp dùng cho từng nội dung, kèm một câu nói rõ vì sao chọn phương pháp đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu hai phần cần thảo luận, giải thích ngắn ba phương pháp trong sách và lưu ý điều kiện thật: nhóm chỉ đi quan sát ở nơi gần, an toàn và có người lớn đi cùng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm điền phiếu hai cột. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào chọn phỏng vấn: các em định hỏi ai, hỏi mấy câu và xin phép bằng cách nào.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm trình bày phiếu. Lớp nhận xét nội dung nào khảo sát được trong hai tuần và nội dung nào quá sức phải bỏ bớt.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Chọn phương pháp phải bám vào nội dung cần biết và vào sức của nhóm. Nội dung hay mà không có cách thu thông tin thì vẫn phải để lại.

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CÂY DƯỢC LIỆU Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Nhóm khảo sát: Thành viên tổ 1 lớp 12 Trường Trung học phổ thông A.
- Địa điểm khảo sát: Rừng xã Q, huyện T, tỉnh B.
- Thời gian khảo sát: Tháng 10.
- Phương pháp khảo sát: Quan sát thực địa; phỏng vấn các gia đình khai thác và trồng cây dược liệu; hội y học cổ truyền địa phương; khảo cứu báo cáo, tài liệu từ các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Công cụ khảo sát: Phiếu quan sát; phiếu phỏng vấn; phiếu thu thập thông tin.
- Nội dung khảo sát:
 - + Thực trạng nguồn cây dược liệu.
 - + Thực trạng bảo vệ nguồn cây dược liệu tại địa phương.

Kế hoạch khảo sát cây dược liệu ở địa phương — SGK trang 61

Nhiệm vụ 2.4. Dựng bản kế hoạch khảo sát của nhóm (24')

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch khảo sát thực trạng một loài động vật hoặc thực vật ở địa phương, đủ sáu mục theo mẫu của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh lấy kế hoạch khảo sát cây được liệu ở trang 61 làm khuôn, thay bằng một loài có thật ở địa phương mình rồi điền đủ sáu mục: nhóm khảo sát, địa điểm, thời gian, phương pháp, công cụ và nội dung khảo sát; điền vào bảng D1 mục D Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch khảo sát của nhóm đủ sáu mục, trong đó loài được chọn là loài có thật ở địa phương và địa điểm khảo sát là nơi nhóm đến được an toàn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên chiếu khung kế hoạch mẫu trang 61, chỉ ra sáu mục và lưu ý ba tên riêng trong sách là tổ 1 lớp 12 Trường Trung học phổ thông A, rừng xã Q huyện T tỉnh B và tháng 10 chỉ là ví dụ, nhóm phải thay bằng thông tin thật của mình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12’): Các nhóm chọn loài và điền sáu mục vào bảng D1. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: địa điểm có đến được an toàn không và công cụ khảo sát đã có đủ chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm khác đóng vai người duyệt, hỏi: loài này ở đó có thật không, các em đi vào lúc nào và ai đi cùng.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Một kế hoạch khảo sát dùng được khi loài chọn có thật, chỗ đến an toàn và công cụ đã sẵn sàng. Thiếu một trong ba thì kế hoạch chỉ nằm trên giấy.

TIẾT 64. PHÂN CÔNG VÀ HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Kết nối hai tiết (3’): Nhóm đã có kế hoạch khảo sát với đủ sáu mục. Nhưng kế hoạch chỉ chạy được khi mỗi người biết phần việc của mình, làm vào tuần nào và nộp lại sản phẩm gì.

– Kế hoạch triển khai:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Người thực hiện
Khảo sát nguồn cây được liệu hiện có tại địa phương	Tuần 1 và 2 tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> Danh sách loài cây được liệu hiện có; danh sách loại cây được liệu quý hiếm; danh sách cây được liệu có nguy cơ cạn kiệt và biến mất; Khối lượng khai thác cây được liệu; Hình thức và thời gian khai thác cây được liệu; Diện tích trồng được liệu và sản lượng được liệu; Tên các cơ sở trồng và khai thác cây được liệu. 	Các bạn Bình, Tân, Lan
Thực trạng bảo vệ nguồn cây được liệu tại địa phương	Tuần 1 và 2 tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> Cách khai thác hợp lý và đảm bảo cây hồi phục, phát triển; Trồng vườn được liệu theo hộ gia đình và hợp tác xã; loại cây được liệu, số lượng hộ và diện tích trồng được liệu của các hộ; Thu nhập từ trồng và khai thác cây được liệu; Các chính sách hỗ trợ bảo vệ cây được liệu ở địa phương; Khó khăn trong việc trồng trọt và khai thác được liệu. 	Các bạn An, Cường, Dũng, Ngọc
Các phương thức sử dụng cây được liệu để phát triển du lịch	Tuần 1 và 2 tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu và cung cấp dịch vụ trải nghiệm sử dụng được liệu như xông hơi, tắm nước lá được liệu; Lợi ích khi khai thác được liệu; Du lịch tham gia trồng hoặc thu hoạch, sản xuất được liệu cùng người dân; Du lịch ẩm thực có sử dụng được liệu (trà, mứt, bánh,...); Danh mục sản phẩm có sử dụng được liệu địa phương. 	Các bạn Quỳnh, Hiền, Tuấn
Bảo vệ duy trì nguồn giống được liệu	Tuần 1 tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả việc thu nhặt hạt giống được liệu quý để gây giống; Hoạt động của trạm giống cây được liệu quý hiếm. 	Các bạn Trang và Bình
Viết báo cáo khảo sát	Tuần 3 và 4 tháng 10	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo thực trạng cây được liệu tại địa phương; Báo cáo thực trạng biện pháp bảo vệ cây được liệu tại địa phương. 	Toàn bộ thành viên nhóm

Bảng kế hoạch triển khai của kế hoạch khảo sát cây được liệu — SGK trang 62

Nhiệm vụ 2.5. Lập bảng kế hoạch triển khai bốn cột (23')

a) Mục tiêu: Lập được bảng kế hoạch triển khai với đủ nội dung công việc, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và người thực hiện cho từng đầu việc của nhóm.

b) Nội dung: Học sinh đọc bảng kế hoạch triển khai ở sách giáo khoa trang 62 gồm bốn cột và năm dòng công việc, nhận ra dòng cuối luôn là viết báo cáo khảo sát, rồi lập bảng tương tự cho loài nhóm mình đã chọn, điền vào bảng D2 mục D Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch triển khai của nhóm có ít nhất bốn dòng công việc, mỗi dòng ghi rõ sản phẩm phải nộp và tên người thực hiện, dòng cuối là viết báo cáo khảo sát.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chiếu bảng trang 62, chỉ ra bốn cột và nhấn mạnh cột dự kiến sản phẩm là cột hay bị bỏ trống nhất, trong khi đó lại là cột cho biết làm xong thì nộp cái gì.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm điền bảng D2. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm tra hai điều: mỗi bạn đã có tên ở ít nhất một dòng chưa và sản phẩm đã ghi cụ thể chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày bảng triển khai. Lớp góp ý bằng một câu hỏi: đến hạn mà chưa có sản phẩm ở dòng này thì nhóm biết ngay hay phải chờ đến cuối mới biết.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Bảng bốn cột giúp cả nhóm nhìn thấy việc của nhau. Cột sản phẩm chính là chỗ để biết một đầu việc đã xong hay chưa.

Nhiệm vụ 2.6. Chia sẻ và hoàn thiện kế hoạch trước lớp (19')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được kế hoạch khảo sát với lớp, tiếp thu góp ý và hoàn thiện kế hoạch trước khi đi khảo sát thật.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 62, các nhóm chia sẻ kế hoạch trước lớp; lớp góp ý theo ba hướng là tính an toàn, tính vừa sức và cách ghi chép số liệu; nhóm sửa lại ngay trên bản kế hoạch của mình.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch khảo sát đã hoàn thiện của mỗi nhóm, có ghi rõ ít nhất hai điểm đã sửa sau khi nghe góp ý.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu ba hướng góp ý và quy ước mỗi nhóm nghe góp ý xong phải sửa ngay bằng bút khác màu để nhìn thấy chỗ đã đổi.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm còn lại đọc kế hoạch được treo quanh lớp và viết góp ý vào giấy nhớ dán lên. Giáo viên đọc lướt các giấy nhớ, giữ lại những góp ý về an toàn để nhắc chung.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Ba nhóm đọc to hai điểm mình vừa sửa và nói vì sao chấp nhận góp ý đó. Lớp trao đổi thêm về những chỗ còn chưa yên tâm.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Kế hoạch được góp ý trước khi chạy sẽ đỡ hỏng việc giữa chừng. Điểm cần nghe kĩ nhất luôn là phần an toàn khi ra khỏi lớp học.

TIẾT 65. XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT THU VỀ

Kết nối hai tiết (3'): Giữa hai tiết, các nhóm đã đi khảo sát theo kế hoạch và mang về những tờ phiếu ghi tay. Tiết này biến đồng phiếu rời ấy thành bảng số liệu đọc được.

Nhiệm vụ 2.7. Phân loại phiếu và cộng số liệu theo nhóm loài (42')

a) Mục tiêu: Sắp xếp được dữ liệu khảo sát thu về theo nhóm loài, cộng đúng số liệu từng nhóm và đọc được bảng tổng hợp của cả lớp.

b) Nội dung: Mỗi nhóm mang phiếu khảo sát đã ghi ngoài thực địa về lớp, phân loại theo nhóm loài rồi cộng số lượng cá thể của từng nhóm, ghi vào bảng D3 mục D Phụ lục 1. Giáo viên nhập bảng tổng hợp của các nhóm lên máy tính của lớp và chiếu biểu đồ cột lên tivi để cả lớp cùng đọc và nhận xét.

c) Sản phẩm: Bảng cộng số liệu theo nhóm loài của mỗi nhóm ở bảng D3 Phụ lục 1; bảng tổng hợp chung của lớp và ba nhận xét rút ra từ biểu đồ được ghi vào vở.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên hướng dẫn cách phân loại: gom các phiếu ghi cùng một loài về một chỗ, đếm số phiếu rồi cộng số cá thể; nhắc phiếu nào ghi thiếu ngày quan sát thì để riêng và ghi chú, không tự điền thêm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm phân loại phiếu và cộng số liệu vào bảng D3, sau đó cử một bạn đọc số liệu để giáo viên nhập lên máy tính của lớp. Giáo viên kiểm lại tổng của nhóm nào có con số lệch hẳn so với các nhóm khác.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Giáo viên chiếu biểu đồ cột của cả lớp lên tivi. Học sinh đọc biểu đồ và nêu nhận xét theo ba câu hỏi: nhóm loài nào gặp nhiều nhất, nhóm nào ít nhất, và số liệu nào khiến em thấy bất ngờ.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Số liệu rời rạc chưa nói lên điều gì. Chỉ khi được xếp theo nhóm và cộng lại thì mới thấy được loài nào đang nhiều, loài nào đang thưa dần ở địa phương mình.

TIẾT 66. KIỂM LẠI TÊN LOÀI TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO BÁO CÁO

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có bảng số liệu và biểu đồ. Nhưng số liệu chỉ đúng khi tên loài đúng, mà tên loài thì nhiều bạn lấy từ ứng dụng nhận dạng trên điện thoại của người lớn.

Nhiệm vụ 2.8. Đối chiếu tên loài và chỉ ra rủi ro khi tin máy (42')

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất hai rủi ro khi tin vào kết quả nhận dạng loài của ứng dụng trí tuệ nhân tạo và kiểm chứng lại được tên loài bằng tài liệu địa phương trước khi đưa vào báo cáo.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in kết quả nhận dạng loài mà một ứng dụng trả về cho bốn bức ảnh chụp cây và con vật quen thuộc ở địa phương, trong đó có trường hợp máy gọi tên một loài rất giống nhưng không phải loài trong ảnh, và trường hợp máy kèm theo số liệu đã cũ. Học sinh đối chiếu với tài liệu địa phương do giáo viên cung cấp rồi ghi kết luận vào phiếu ở mục C Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu tên loài của mỗi nhóm gồm bốn dòng: máy trả về tên gì, tài liệu địa phương ghi tên gì, nhóm chọn tên nào và vì sao; kèm hai rủi ro đã chỉ ra khi dùng kết quả của máy.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in kết quả nhận dạng và tài liệu địa phương cho từng nhóm, làm mẫu một lần trên máy tính của lớp: cùng một bức ảnh chụp hơi mờ, máy trả về hai tên khác nhau ở hai lần hỏi.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm đối chiếu bốn kết quả với tài liệu địa phương, khoanh vào chỗ máy gọi sai hoặc gọi chung chung rồi ghi phiếu. Giáo viên nhắc mỗi kết luận phải chỉ được vào một dòng cụ thể trong tài liệu, không nói chung là em thấy không đúng.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu, mỗi nhóm đọc một trường hợp và nêu rủi ro mình rút ra. Lớp bổ sung rủi ro khác và kiểm chéo xem nhóm nào chưa dẫn được tài liệu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ứng dụng nhận dạng rất nhanh nhưng có thể nhầm loài khi ảnh mờ hoặc khi hai loài giống nhau, và số liệu nó kèm theo có thể đã cũ nhiều năm. Tên loài đưa vào báo cáo phải là tên đã tra lại trong tài liệu địa phương.

TIẾT 67. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ VÀ VIẾT BÁO CÁO KHẢO SÁT

Kết nối hai tiết (3'): Số liệu đã được cộng và tên loài đã được kiểm lại. Tiết này gom tất cả thành một bản báo cáo khảo sát đủ để trình bày trước lớp và trước người lớn.

Nhiệm vụ 2.9. Phân tích kết quả và viết báo cáo khảo sát (42')

a) Mục tiêu: Phân tích được kết quả khảo sát và viết được báo cáo kết quả khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và thực trạng bảo vệ ở địa phương.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ tư và thứ năm của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 62, mỗi nhóm viết báo cáo gồm bốn phần: nhóm đã khảo sát ở đâu và bằng cách nào; thực trạng loài thu được qua số liệu; thực trạng việc bảo vệ loài đó ở địa phương; điều nhóm kiến nghị. Báo cáo viết trên giấy A3 để treo quanh lớp.

c) Sản phẩm: Báo cáo khảo sát của nhóm trên giấy A3 đủ bốn phần, có ít nhất một bảng số liệu và một kiến nghị nêu rõ đề nghị ai làm việc gì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu bốn phần bắt buộc của báo cáo, viết dàn ý lên bảng và lưu ý phần thực trạng phải dẫn số liệu của chính nhóm, không chép số liệu chung trên mạng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm viết báo cáo trên giấy A3. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào viết thực trạng mà không kèm số: con số này lấy từ phiếu nào của nhóm.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Các nhóm treo báo cáo, cả lớp đi xem một vòng rồi ba nhóm trình bày. Lớp phản biện bằng hai câu hỏi: kiến nghị này gửi cho ai và người đó làm được không.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Một báo cáo khảo sát có sức nặng khi mỗi nhận định đều tựa vào số liệu nhóm tự thu, và khi phần kiến nghị chỉ đúng người có thể làm được việc đó.

TIẾT 68. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VIỆC LÀM CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Kết nối hai tiết (3'): Nhóm đã biết thực trạng ở địa phương mình. Tiết này nhìn sang những người đang làm việc bảo tồn và tập nhận xét việc làm của họ dựa vào kết quả thấy được chứ không theo cảm tính.

Nhiệm vụ 2.10. Xác định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo tồn (17')

a) Mục tiêu: Nêu được tên một số tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã, kể cả ở địa phương mình.

b) Nội dung: Từ bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 63 là Trung tâm Bảo tồn động vật hoang dã, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, cán bộ kiểm lâm và cán bộ kiểm ngư, học sinh bổ sung thêm những tổ chức, cá nhân có ở địa phương mình và nói rõ mỗi bên làm phần việc nào.

c) Sản phẩm: Danh sách tổ chức, cá nhân của nhóm gồm ít nhất sáu tên, mỗi tên kèm một dòng ghi phần việc chính của họ.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên viết bốn gợi ý của sách lên bảng và nêu nhiệm vụ bổ sung thêm những bên có ở địa phương như hạt kiểm lâm, hội nông dân, tổ bảo vệ rừng của thôn.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (7'):** Các nhóm lập danh sách và ghi phần việc của từng bên. Giáo viên nhắc phân biệt cơ quan nhà nước với hội nhóm tự nguyện của người dân.
- 3. Báo cáo, thảo luận (5'):** Ba nhóm đọc danh sách. Lớp gom lại thành bảng chung trên bảng lớp, đánh dấu những bên mà lớp có thể liên hệ được.
- 4. Kết luận, nhận định (2'):** GV chốt: Bảo tồn là việc của nhiều bên. Biết rõ ai phụ trách việc gì thì khi thấy sự việc, chúng ta mới biết báo cho đúng người.

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Bối cảnh	Hành vi, việc làm	Kết quả/Tác dụng
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...

Bảng gợi ý nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm bảo tồn — SGK trang 63

Nhiệm vụ 2.11. Nhận xét, đánh giá việc làm đã sưu tầm (25')

- a) Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên, động vật hoang dã, mỗi nhận xét đều nêu được căn cứ.
- b) Nội dung:** Học sinh dùng bảng năm cột ở sách giáo khoa trang 63 gồm số thứ tự, tên tổ chức và cá nhân, bối cảnh, hành vi và việc làm, kết quả cùng tác dụng để ghi lại hai trường hợp mà nhóm đã sưu tầm được qua báo, bản tin xã hoặc qua chuyến khảo sát; sau đó viết một câu nhận xét cho từng trường hợp.
- c) Sản phẩm:** Bảng năm cột đã điền hai dòng ở bảng D4 mục D Phụ lục 1, mỗi dòng kèm một câu nhận xét nêu rõ việc làm đó đáng ghi nhận hay còn thiếu ở điểm nào.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên chiếu bảng năm cột trang 63, giải thích cột bối cảnh là hoàn cảnh khiến việc làm ấy xuất hiện, và nêu yêu cầu mỗi nhận xét phải dựa vào cột kết quả.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (12'):** Các nhóm điền bảng D4 với hai trường hợp đã sưu tầm và viết câu nhận xét. Giáo viên nhắc nhóm nào nhận xét chung chung là việc làm rất tốt: tốt ở chỗ nào, nhìn vào kết quả nào mà nói vậy. Nhóm nào xong sớm thì tìm thêm một trường hợp ở chính xã mình.
- 3. Báo cáo, thảo luận (8'):** Bốn nhóm trình bày một dòng của mình. Lớp kiểm chéo bằng câu hỏi: bỏ cột kết quả đi thì câu nhận xét này còn đứng được không. Hai nhóm cuối so sánh việc làm của cơ quan nhà nước với việc làm của người dân tự nguyện.
- 4. Kết luận, nhận định (2'):** GV chốt: Nhận xét một việc làm bảo tồn phải tựa vào kết quả thấy được, chẳng hạn số cây sống sau khi trồng hay số con vật được thả về tự nhiên.

TIẾT 69. CHỌN VÀ THỰC HIỆN MỘT BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã biết thực trạng và đã biết đánh giá việc làm của người khác. Tiết này đến lượt mình làm, bằng một việc vừa sức nhưng làm thật.

Hoạt động 3. Luyện tập – Lập kế hoạch một việc làm bảo vệ thế giới động, thực vật (24')

a) Mục tiêu: Lựa chọn được một biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật phù hợp với địa phương và lập được kế hoạch để thực hiện biện pháp đó.

b) Nội dung: Từ sáu biện pháp gợi ý ở sách giáo khoa trang 63 gồm thu dọn rác trong rừng hoặc biển, trồng cây phủ xanh đất trống, vận động hạn chế dùng bẫy và lưới bắt động vật, khai thác và sử dụng hợp lý, tham gia cứu hộ động vật, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, mỗi nhóm chọn một biện pháp làm được ngay trong tháng và lập kế hoạch thực hiện.

c) Sản phẩm: Kế hoạch một việc làm bảo vệ của nhóm, ghi rõ việc gì, làm ở đâu, làm khi nào, ai làm phần nào, cần chuẩn bị gì và dấu hiệu nào cho thấy đã làm xong.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên nêu sáu biện pháp gợi ý, lưu ý loại bỏ ngay những việc vượt sức hoặc không an toàn với học sinh như tự đi cứu hộ động vật hoang dã, và yêu cầu chọn việc làm được trong phạm vi trường, nhà hoặc khu dân cư.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11’): Các nhóm chọn biện pháp và lập kế hoạch trên giấy A3. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm phần chuẩn bị: dụng cụ lấy ở đâu, ai xin phép người lớn và xin phép ai.

3. Báo cáo, thảo luận (7’): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Lớp góp ý theo hai hướng: việc này có làm xong trong tháng không và có an toàn không.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Việc bảo vệ nhỏ mà làm trọn thì hơn hẳn việc lớn chỉ nằm trên giấy. Dấu hiệu hoàn thành phải nhìn thấy được, chẳng hạn số cây đã trồng hay số ki lô gam rác đã thu.

Nhiệm vụ 2.12. Báo cáo kết quả thực hiện biện pháp (18’)

a) Mục tiêu: Báo cáo được kết quả thực hiện biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật và rút ra được điều cần làm khác đi ở lần sau.

b) Nội dung: Sau khi các nhóm đã thực hiện việc làm đã chọn, mỗi nhóm báo cáo ba phần theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 63: việc đã làm và làm ở đâu, kết quả đo được, điều cần rút kinh nghiệm.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo ngắn của nhóm gồm ba phần, kèm ảnh chụp hoặc sản phẩm thật của việc đã làm và một dòng ghi điều sẽ làm khác đi.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên nêu ba phần bắt buộc và giới hạn mỗi nhóm trình bày khoảng hai phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7’): Các nhóm sắp xếp tư liệu, thống nhất con số để báo cáo và chọn một điều rút kinh nghiệm trung thực nhất. Giáo viên nhắc không bỏ qua phần rút kinh nghiệm.

3. Báo cáo, thảo luận (7’): Các nhóm lần lượt báo cáo. Lớp ghi vào vở một cách làm hay của nhóm bạn mà nhóm mình chưa nghĩ ra.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Phần đáng giá nhất của báo cáo là chỗ nhóm thừa nhận mình đã vướng ở đâu, vì đó chính là chỗ lần sau sẽ làm gọn hơn.

TIẾT 70. TUYÊN TRUYỀN RA CỘNG ĐỒNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Nhóm đã làm được một việc thật. Tiết cuối bàn cách nói lại việc ấy cho người thân và hàng xóm cùng làm theo, rồi nhìn lại toàn chủ đề.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thiết kế và thực hiện hoạt động tuyên truyền (24')

a) Mục tiêu: Thiết kế được một hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật đến người thân và cộng đồng, phù hợp với điều kiện của địa phương.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 64, học sinh chọn nội dung tuyên truyền gồm tầm quan trọng của thể giới động, thực vật đối với con người và sự sống, thực trạng và biện pháp bảo vệ; chọn hình thức phù hợp với điều kiện thật của mình như tờ tin dán ở bảng thôn, buổi nói chuyện trong bữa cơm gia đình hoặc tiết sinh hoạt dưới cờ, rồi làm sản phẩm tuyên truyền trên giấy.

c) Sản phẩm: Sản phẩm tuyên truyền của nhóm trên giấy A3 gồm một thông điệp ngắn, ba việc đề nghị người đọc làm và một số liệu lấy từ chính báo cáo khảo sát của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên nêu các nội dung và hình thức gợi ý ở trang 64, lưu ý chọn hình thức làm được bằng giấy bút và nói rõ không yêu cầu học sinh đăng bất cứ nội dung nào lên mạng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm làm sản phẩm tuyên truyền. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc thông điệp phải ngắn và ba việc đề nghị phải là việc người đọc làm được ngay.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Các nhóm treo sản phẩm, lớp đi xem một vòng rồi đánh dấu sao vào ba sản phẩm dễ hiểu nhất. Ba nhóm được chọn nói thêm về số liệu mình đã dùng.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Một sản phẩm tuyên truyền có sức thuyết phục khi nó nói được chuyện của chính nơi mình sống, có số liệu thật và đề nghị những việc người nghe làm được ngay.

Nhiệm vụ 2.13. Báo cáo kết quả tuyên truyền và tự đánh giá chủ đề (18')

a) Mục tiêu: Báo cáo được kết quả tuyên truyền đã thực hiện và tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo mười tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh thực hiện tuyên truyền với người thân và cộng đồng, ghi lại phản hồi nhận được; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo mười tiêu chí ở phần Đánh giá cuối chủ đề của sách giáo khoa trang 65 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Phiếu ghi phản hồi của người thân và cộng đồng; phiếu tự đánh giá mười tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được kèm tên sản phẩm chứng minh, nộp lại ở tiết sinh hoạt lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên chiếu mười tiêu chí ở trang 65 và giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm mà lớp đã làm trong chín tiết vừa qua.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7'): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá và ghi tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt. Giáo viên nhắc tiêu chí nào không dẫn được sản phẩm thì chưa nên đánh Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Ba học sinh chia sẻ phản hồi thú vị nhất nhận được từ người thân và một tiêu chí mình chưa đạt. Lớp góp ý cách làm tiếp.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng việc bảo vệ thế giới tự nhiên thì không dừng. Bản báo cáo khảo sát và sản phẩm tuyên truyền của các em vẫn dùng được cho những năm sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 7 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể tên ba loài cây hoặc ba con vật mà em thường gặp ở nơi mình sống.
2. Có loài nào trước đây em hay gặp mà nay ít thấy hơn không? Đó là loài nào?
3. Em đã từng thấy ai làm việc gì để giữ lấy cây cối, con vật ở quanh mình?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 7

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã			
2. Kế hoạch khảo sát thực trạng ở địa phương			
3. Nhận xét, đánh giá việc làm của tổ chức, cá nhân			
4. Biện pháp bảo vệ và cách tuyên truyền			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với máy: sắp xếp số liệu khảo sát cho gọn để đọc được, và kiểm lại tên loài mà một ứng dụng đã gọi giúp. Hai ví dụ dưới đây giúp em phân biệt hai loại máy khác nhau.

Ví dụ A: chiếc máy đo nhiệt độ treo ở vườn trường hiện lên số đo mỗi giờ. Nó đo rồi hiện đúng con số đọc được từ cảm biến, hôm nào cũng làm y như vậy.

Ví dụ B: một ứng dụng nhận ảnh chụp chiếc lá rồi tự đoán ra tên cây kèm một đoạn mô tả; chụp lại chiếc lá ấy ở góc khác thì nó cho tên khác trước.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Máy trong ví dụ A và máy trong ví dụ B dùng dữ liệu gì để làm việc?
2. Nó làm gì với dữ liệu đó: chỉ đo rồi hiện số, hay phân tích rồi đoán ra một kết quả mới?
3. Trong hai ví dụ trên, đâu là thiết bị đo tự động và đâu là trí tuệ nhân tạo? Vì sao?
4. Nêu hai rủi ro có thể gặp khi lấy ngay tên loài do ứng dụng trả về để ghi vào báo cáo.

Phiếu đối chiếu tên loài của nhóm em:

– Ảnh số 1: máy gọi là Tài liệu địa phương ghi

.....

– Nhóm chọn tên: Vì:

.....

– Ảnh số 2: máy gọi là Tài liệu địa phương ghi

.....

– Nhóm chọn tên: Vì:

.....

– Hai rủi ro nhóm em rút ra:

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch khảo sát của nhóm (theo mẫu SGK trang 61)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Loài được chọn để khảo sát	
Nhóm khảo sát	
Địa điểm khảo sát	
Thời gian khảo sát	
Phương pháp khảo sát	
Công cụ khảo sát	
Nội dung khảo sát	

D2. Kế hoạch triển khai (theo mẫu SGK trang 62)

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Người thực hiện
Viết báo cáo khảo sát			

D3. Bảng cộng số liệu khảo sát theo nhóm loài

Nhóm loài	Số phiếu ghi được	Tổng số cá thể đếm được	Nơi gặp nhiều nhất

D4. Nhận xét, đánh giá việc làm bảo tồn (theo mẫu SGK trang 63)

ST T	Tên tổ chức, cá nhân	Bối cảnh	Hành vi, việc làm	Kết quả và tác dụng
1				
2				

D5. Kế hoạch một việc làm bảo vệ của nhóm

Việc nhóm em sẽ làm	Làm ở đâu	Làm khi nào	Ai làm phần nào	Dấu hiệu cho thấy đã làm xong

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu	Rút ra điều gì?
1. Hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã	SGK trang 60 nêu các việc làm bảo tồn và đưa ba trường hợp để học sinh chỉ ra hành vi, việc làm bảo tồn trong từng trường hợp.	Gợi ý gồm trồng cây xanh; gây nuôi, phát triển động vật hoang dã; lập trung tâm giải cứu, bảo tồn; tuyên truyền về tác hại của khai thác cạn kiệt; khoanh vùng rừng cho động vật hoang dã sinh sống; thu gom rác thải nhựa vùng biển. Ba trường hợp: nhóm “Những chiến binh xanh” gieo hạt và trồng cây quý vào rừng; các gia đình ở xã B giao nộp gấu cho Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã M; Hội Nông dân xã A vận động chuyển sang du lịch sinh thái.	Bảo tồn chỉ bền khi giữ được nơi sống của loài và khi người dân vẫn có cách sinh sống, chứ không dừng ở việc cứu từng con vật.
2. Kế hoạch khảo sát thực trạng ở địa phương	SGK trang 61 và 62 đưa kế hoạch khảo sát cây dược liệu làm mẫu, gồm sáu mục và một bảng kế hoạch triển khai bốn cột với năm dòng công việc.	Sáu mục: nhóm khảo sát là thành viên tổ 1 lớp 12 Trường Trung học phổ thông A; địa điểm là rừng xã Q, huyện T, tỉnh B; thời gian là tháng 10; phương pháp là quan sát thực địa, phỏng vấn, khảo cứu tài liệu; công cụ là phiếu quan sát, phiếu phỏng vấn, phiếu thu thập thông tin; nội dung là thực trạng nguồn cây dược liệu và thực trạng bảo vệ. Bảng triển khai có bốn cột, ba công việc đầu làm trong tuần 1 và 2 tháng 10, việc bảo vệ duy trì nguồn giống làm tuần 1 tháng 10, viết báo cáo khảo sát làm tuần 3 và 4 tháng 10.	Kế hoạch khảo sát chỉ chạy được khi mỗi đầu việc có tên người và có sản phẩm phải nộp.
3. Nhận xét, đánh giá việc làm của tổ chức, cá nhân	SGK trang 63 yêu cầu xác định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo tồn, sưu tầm việc làm của họ rồi nhận xét, đánh giá theo bảng gợi ý năm cột và báo cáo kết quả.	Bốn gợi ý về tổ chức, cá nhân: Trung tâm Bảo tồn động vật hoang dã; Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; cán bộ kiểm lâm; cán bộ kiểm ngư. Bảng gợi ý có năm cột là số thứ tự, tên tổ chức và cá nhân, bối cảnh, hành vi và việc làm, kết quả cùng tác dụng; trong sách hai dòng	Nhận xét chỉ có sức nặng khi tựa vào cột kết quả, tức là vào thay đổi đo được sau việc làm.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu	Rút ra điều gì?
		đều để trống.	
4. Biện pháp bảo vệ và cách tuyên truyền	SGK trang 63 nêu sáu biện pháp bảo vệ để lựa chọn; trang 64 hướng dẫn chọn nội dung và hình thức tuyên truyền; trang 64 và 65 yêu cầu lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ tại địa phương.	Sáu biện pháp gợi ý: thu dọn rác trong rừng hoặc biển; trồng cây phủ xanh đất trống; vận động hạn chế dùng bẫy hoặc lưới bắt động vật; khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ đa dạng sinh học; tham gia cứu hộ động vật; chăm sóc và bảo vệ cây xanh. Hình thức tuyên truyền gợi ý gồm chạy bộ vì động vật hoang dã, làm tình nguyện viên, đoạn phim ngắn, thi tìm hiểu.	Việc bảo vệ vừa sức mà làm tròn và nói lại được cho người khác thì có tác dụng lâu hơn một phong trào lớn làm một lần.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – máy đo nhiệt độ chỉ nhận một loại dữ liệu là tín hiệu từ cảm biến, đổi ra con số rồi hiện lên; kết quả không đổi khi đo cùng điều kiện. Đây là thiết bị đo tự động.

Ví dụ B – ứng dụng ở ví dụ B nhận ảnh, so với kho ảnh đã học rồi đoán tên cây kèm mô tả tự viết ra, nên đôi góc chụp là có thể ra tên khác. Đây là trí tuệ nhân tạo.

Câu hỏi 4 – hai rủi ro cần nêu được là máy nhận nhầm loài, nhất là khi ảnh mờ hoặc hai loài trông rất giống nhau; và số liệu máy kèm theo có thể đã cũ, không còn đúng với địa phương hiện nay. Cách xử lý là tra lại tên loài trong tài liệu địa phương trước khi ghi vào báo cáo.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Phân loại và cộng đúng số liệu khảo sát theo nhóm loài: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Đọc được biểu đồ tổng hợp của lớp và nêu được ít nhất một nhận xét: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Phân biệt được thiết bị đo tự động với trí tuệ nhân tạo và giải thích được: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được hai rủi ro và dẫn được tài liệu địa phương khi đối chiếu tên loài: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – kế hoạch khảo sát chọn địa điểm quá xa hoặc không an toàn như rừng sâu, bờ sông dốc. Gợi mở: hỏi các em đi bằng gì, ai đi cùng và bố mẹ có biết không, rồi cùng đổi sang địa điểm gần hơn.

Lỗi 2 – bảng kế hoạch triển khai bỏ trống cột dự kiến sản phẩm. Gợi mở: hỏi làm xong việc này thì nhóm cảm về được cái gì để nộp.

Lỗi 3 – số liệu trong báo cáo lấy trên mạng chứ không phải của nhóm. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào phiếu khảo sát tương ứng, nếu không có thì bỏ con số ấy đi.

Lỗi 4 – chép nguyên tên loài do ứng dụng trả về mà không tra lại. Gợi mở: đưa tài liệu địa phương và hỏi tên này có trong danh mục loài của xã mình không.

Lỗi 5 – nhận xét việc làm bảo tồn chỉ dừng ở lời khen chung chung. Gợi mở: hỏi lại nhìn vào kết quả nào mà nói vậy, có con số nào kèm theo không.

Lỗi 6 – sản phẩm tuyên truyền chỉ có khẩu hiệu, không có việc cụ thể. Gợi mở: yêu cầu thêm ba việc người đọc làm được ngay trong tuần này.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 8. NGHỀ NGHIỆP VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

(Số tiết: 12 — tuần 24 đến tuần 28, tiết 71 đến tiết 73 và tiết 75 đến tiết 83)

Tiết 74 là tiết Đánh giá giữa kỳ II, nằm xen giữa chủ đề.

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Trình bày được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại: nêu được những yếu tố ảnh hưởng, những lĩnh vực nghề đang phát triển và những nghề có nguy cơ mai một, mỗi ý đều giải thích được lí do.

- Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại, và xác định được yêu cầu riêng của một nghề cụ thể.
- Nêu được các biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc và đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp trong một số tình huống.
- Nêu được một số yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; chỉ ra được nguy cơ và đề xuất được biện pháp bảo đảm an toàn trong một số trường hợp cụ thể.
- Phân tích được những yêu cầu đối với nghề trong xã hội hiện đại mà bản thân quan tâm.
- Phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động, có đối chiếu và thẩm định nguồn tin trước khi dùng.
- Trải nghiệm được thực tế một nghề và phân tích được yêu cầu, xu hướng phát triển của nghề đã trải nghiệm.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi phân tích xu hướng phát triển nghề, yêu cầu của nghề và thông tin thị trường lao động; năng lực thích ứng với cuộc sống khi đối chiếu yêu cầu của nghề với điều kiện thật của bản thân.

Năng lực chung: giải quyết vấn đề và sáng tạo khi đề xuất cách xử lý tình huống thể hiện tính chuyên nghiệp và biện pháp bảo đảm an toàn lao động; tự chủ và tự học khi chủ động tìm hiểu, trải nghiệm nghề; giao tiếp và hợp tác khi phỏng vấn người lao động và làm việc nhóm.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

6.3.NC1a – đánh giá được độ chính xác và độ tin cậy của hệ thống trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên in sẵn hai bản mô tả cùng một nghề, một bản ghi theo lời người đang làm nghề đó và một bản do máy viết ra; học sinh đối chiếu hai bản trên giấy, chỉ ra chỗ máy nói chung chung, chỗ máy nói sai lệch so với thực tế và chấm độ tin cậy của từng ý theo ba mức, có nêu căn cứ cho mỗi lần chấm.

12.A3 – nêu được trách nhiệm của công dân trong xã hội có trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh chỉ ra những phần việc mà máy đang làm thay con người và những phần việc máy chưa thay được, kiểm chứng bằng tin tuyển dụng thật do giáo viên in ra, rồi nêu trách nhiệm của chính mình khi chọn nghề trong hoàn cảnh đó.

Minh chứng: phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề có đánh dấu chỗ chung chung và chỗ sai lệch kèm mức tin cậy đã chấm; bảng hai cột việc máy làm thay được và việc máy chưa thay được, có dẫn tin tuyển dụng; bản phân tích yêu cầu nghề mà em quan tâm.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: chủ động tìm hiểu nghề và chuẩn bị cho lựa chọn của chính mình, không phó mặc cho may rủi.

Trung thực: nhìn đúng năng lực hiện có của bản thân khi đối chiếu với yêu cầu của nghề, không tô vẽ trong hồ sơ và trong báo cáo trải nghiệm.

Chăm chỉ: kiên trì rèn từng biểu hiện của tính chuyên nghiệp ngay từ việc học và việc trực nhật hằng ngày.

Nhân ái: quý trọng người lao động ở mọi nghề và giữ thái độ đúng mực khi tiếp xúc, phỏng vấn họ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 66–74 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A0, A3, A4, bút màu, bút dạ; bản in hai trường hợp về tính chuyên nghiệp trang 69 và trang 70; bản in hai tình huống trang 71; bản in bốn tranh về an toàn lao động trang 72; hai bản mô tả cùng một nghề đã in sẵn, một bản ghi theo lời người đang làm nghề và một bản do máy viết ra; một tập tin tuyển dụng thật đã in từ cổng thông tin việc làm hoặc báo địa phương; phiếu học tập ở Phụ lục 1; video ngắn về một số nhóm nghề để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; thông tin về nghề của người thân trong gia đình mà em đã hỏi được; sổ tay ghi chép khi đi trải nghiệm nghề.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng hai bản mô tả nghề, tập tin tuyển dụng và các bản in tình huống đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ việc đổi chiếu, chấm độ tin cậy và phân tích đều làm trên phiếu giấy nên không phụ thuộc thiết bị. Nếu không tổ chức được buổi đi trải nghiệm thực tế, giáo viên mời một người lao động ở gần trường đến nói chuyện, hoặc cho học sinh phỏng vấn người thân rồi báo cáo lại.

An toàn: khi đi trải nghiệm nghề, học sinh đi theo nhóm có giáo viên hoặc người lớn phụ trách, xin phép gia đình và xin phép cơ sở trước; tuân thủ nội quy của cơ sở, không tự ý vào khu vực sản xuất, không chạm vào máy móc, không đứng gần dây chuyền đang chạy. Khi phỏng vấn phải xin phép trước, không ghi tên riêng và không đưa ảnh người lao động lên mạng. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân và không khai thông tin cá nhân vào bất kì trang tuyển dụng nào.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhìn ra xu hướng nghề → biết nghề đòi hỏi phẩm chất, năng lực gì → hiểu thế nào là chuyên nghiệp → nắm yêu cầu an toàn → thẩm định thông tin thị trường lao động → soi vào nghề mình quan tâm → đi trải nghiệm thật.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
71	Xã hội đang cần thêm nghề nào và bớt dần nghề nào?	Bảng ba cột: yếu tố ảnh hưởng, lĩnh vực đang lên, nghề dễ mai một	45 phút
72	Vì sao nghề này lên còn nghề kia xuống?	Phiếu giải thích lí do cho ba lĩnh vực và ba nghề đã chọn	45 phút
73	Một nghề đòi hỏi người làm phải có phẩm chất, năng lực gì?	Phiếu phẩm chất và năng lực của một nghề tự chọn	45 phút
75	Phẩm chất, năng lực nào thì nghề nào cũng cần?	Hai thẻ chung: thẻ phẩm chất và thẻ năng lực của lớp	45 phút
76	Người làm việc chuyên nghiệp trông như thế nào?	Phiếu phân tích hai trường hợp trang 69 và trang 70	45 phút
77	Tính chuyên nghiệp gồm những biểu hiện nào?	Sơ đồ biểu hiện của tính chuyên nghiệp trên giấy A3	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
78	Nghề nào cũng có rủi ro, vậy giữ an toàn bằng cách nào?	Phiếu yêu cầu an toàn và sức khỏe của một nghề cụ thể	45 phút
79	Nhìn tranh, người lao động đang gặp nguy cơ gì?	Bảng nguy cơ và biện pháp cho bốn trường hợp trang 72	45 phút
80	Gặp tình huống khó, làm sao vẫn giữ được sự chuyên nghiệp?	Kịch bản xử lý hai tình huống trang 71 và cách tự rèn luyện	45 phút
81	Bản mô tả nghề do máy viết có tin được không?	Phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề kèm mức tin cậy đã chấm	45 phút
82	Thị trường lao động đang cần gì và em có trách nhiệm gì?	Bảng phân tích thị trường lao động và bảng việc máy thay được	45 phút
83	Nghề em quan tâm đòi hỏi những gì và em đã có gì?	Bản phân tích nghề quan tâm, báo cáo trải nghiệm, phiếu tự đánh giá	45 phút

TIẾT 71. NHẬN DIỆN XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Hoạt động 1. Mở đầu – Nghề của mười năm trước và nghề của hôm nay (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên mối quan tâm với sự đổi thay của nghề nghiệp và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu xem xã hội đang cần thêm nghề nào, bớt dần nghề nào.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu một video ngắn về các nhóm nghề hiện nay và nêu hai câu hỏi gợi mở: nghề nào bố mẹ các em làm mà bây giờ ít người làm hơn trước, nghề nào mới xuất hiện mà mười năm trước chưa có. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; hai cột nghề mới xuất hiện và nghề đang ít dần được ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu video ngắn, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh nhớ lại nghề của người thân, hàng xóm và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: ở chợ hay ở phố nhà em, hàng nào mới mở, hàng nào đã đóng.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: nghề mới xuất hiện và nghề đang ít dần.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Hai cột trên bảng cho thấy nghề nghiệp luôn dịch chuyển. Chủ đề này giúp các em đọc được hướng dịch chuyển ấy trước khi quyết định chọn nghề cho mình.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 67, từ xu hướng nghề nghiệp đến yêu cầu về phẩm chất, năng lực, tính chuyên nghiệp, an toàn lao động, thị trường lao động và trải nghiệm nghề.

b) Nội dung: Mười sáu nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 71 đến tiết 82, bám chín hoạt động của sách giáo khoa trang 68 đến trang 74.

c) **Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Liệt kê nghề và tìm yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng nghề (37')

a) **Mục tiêu:** Liệt kê được tên các nghề trong xã hội hiện nay và nêu được những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng phát triển nghề nghiệp.

b) **Nội dung:** Học sinh liệt kê tên các nghề mình biết theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 68, sau đó thảo luận bốn yếu tố ảnh hưởng mà sách gợi ý gồm sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, chất lượng cuộc sống ngày càng cao của người dân, áp lực tâm lý đối với con người trong xã hội hiện đại, sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội; nhóm bổ sung thêm yếu tố khác.

c) **Sản phẩm:** Bảng nghề của nhóm trên giấy A0 với ít nhất hai mươi nghề đã xếp theo lĩnh vực; danh sách yếu tố ảnh hưởng gồm bốn yếu tố của sách và ít nhất một yếu tố nhóm tự bổ sung, mỗi yếu tố kèm một ví dụ nghề bị tác động.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A0 và bút dạ; nêu hai việc phải làm là liệt kê nghề rồi tìm yếu tố ảnh hưởng, mỗi yếu tố phải kèm một nghề làm ví dụ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (17'): Các nhóm liệt kê nghề, xếp theo lĩnh vực rồi thảo luận yếu tố ảnh hưởng. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào chỉ chép lại bốn yếu tố của sách: yếu tố này làm nghề nào đông người làm hơn và làm nghề nào vắng đi.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Ba nhóm treo giấy A0 và trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Các nhóm còn lại bổ sung nghề còn thiếu và nêu yếu tố mình tìm được mà nhóm bạn chưa có.

4. Kết luận, nhận định (4'): GV chốt: Nghề nghiệp thay đổi không ngẫu nhiên mà theo những yếu tố nhìn thấy được. Nắm được các yếu tố ấy thì đoán được nghề nào sẽ cần thêm người trong những năm tới.

TIẾT 72. LĨNH VỰC NGHỀ ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ NGHỀ CÓ NGUY CƠ MAI MỘT

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã tìm ra những yếu tố làm nghề nghiệp đổi thay. Tiết này dùng chính các yếu tố ấy để chỉ ra lĩnh vực nào đang cần thêm người và nghề nào đang thưa dần.

Nhiệm vụ 2.2. Xác định lĩnh vực nghề có xu hướng phát triển (21')

a) **Mục tiêu:** Xác định được những lĩnh vực nghề nghiệp có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại và giải thích được lí do cho từng lĩnh vực.

b) **Nội dung:** Từ bảy lĩnh vực gợi ý ở sách giáo khoa trang 68 gồm chăm sóc sức khỏe, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, năng lượng thay thế, tâm lý, marketing và sáng tạo nội dung, mỗi nhóm nhận một lĩnh vực, kể ra ba nghề cụ thể trong lĩnh vực đó và nói lí do phát triển với yếu tố ảnh hưởng đã tìm ở tiết trước.

c) Sản phẩm: Phiếu lĩnh vực của nhóm gồm tên lĩnh vực, ba nghề cụ thể và một đoạn ngắn giải thích vì sao lĩnh vực này đang phát triển, có nối với ít nhất một yếu tố ảnh hưởng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên viết bảy lĩnh vực lên bảng, bốc thăm chia lĩnh vực cho các nhóm và nêu yêu cầu bắt buộc là lí do phải nối được với một yếu tố ảnh hưởng của tiết trước.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm làm phiếu lĩnh vực. Giáo viên gợi ý nhóm còn lúng túng bằng câu hỏi: ai là người trả tiền cho dịch vụ này và vì sao ngày càng nhiều người cần đến nó.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Bảy nhóm lần lượt trình bày, mỗi nhóm khoảng một phút. Lớp ghi nhanh vào vở ba nghề mình chưa từng nghe tên.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Một lĩnh vực phát triển vì có nhiều người cần đến nó hơn trước. Nhìn ra ai đang cần và cần cái gì thì sẽ thấy nghề nào còn chỗ cho mình.

Nhiệm vụ 2.3. Dự báo nghề có nguy cơ mai một (21')

a) Mục tiêu: Dự báo được những nghề có nguy cơ mai một, không còn tồn tại trong xã hội hiện đại và giải thích được lí do.

b) Nội dung: Từ ba nghề gợi ý ở sách giáo khoa trang 68 là nhân viên giao dịch ngân hàng, nhân viên thu ngân và lái xe tắc xi truyền thống, học sinh bổ sung thêm nghề khác và giải thích nguyên nhân; đồng thời chỉ ra phần việc nào trong nghề đó bị thay thế và phần việc nào vẫn cần con người.

c) Sản phẩm: Bảng ba cột của nhóm ở bảng D1 mục D Phụ lục 1: nghề có nguy cơ mai một, phần việc bị thay thế, phần việc vẫn cần con người; ít nhất năm nghề.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu ba nghề gợi ý của sách và làm mẫu với nghề nhân viên thu ngân: máy quét mã và máy thanh toán làm thay việc tính tiền, nhưng việc xử lí khi khách khiếu nại thì vẫn cần người.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm điền bảng D1 với ít nhất năm nghề. Giáo viên nhắc không dừng ở việc kết luận nghề sẽ mất, mà phải tách cho được phần việc nào mất và phần việc nào còn.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm trình bày bảng của mình. Lớp phản biện bằng câu hỏi: nếu phần việc kia vẫn cần người thì nghề này mất hẳn hay chỉ đổi cách làm.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Phần lớn nghề không mất hẳn mà đổi phần việc. Người lao động giữ được chỗ khi làm tốt phần việc mà máy chưa thay được.

TIẾT 73. PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CẦN CÓ CỦA MỘT NGHỀ CỤ THỂ

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết đầu đã cho thấy nghề nào đang lên, nghề nào đang xuống. Tiết này đi vào bên trong một nghề để xem nghề ấy đòi hỏi người làm phải có những gì.

Nhiệm vụ 2.4. Xác định phẩm chất, năng lực cần có của một nghề (42')

a) Mục tiêu: Lựa chọn được một nghề trong xã hội hiện đại và xác định được những phẩm chất, năng lực cần có đối với người lao động làm nghề đó.

b) Nội dung: Học sinh đọc ví dụ về phẩm chất, năng lực của người làm nghề Điều dưỡng ở sách giáo khoa trang 69 gồm tám ý như nhân hậu, thương người, cảm thông và chia sẻ; kiên trì, nhẫn nại, chịu khó; cẩn thận, tỉ mỉ; trung thực; các kĩ năng giao tiếp, thuyết phục, chăm sóc khách hàng và xử lí tình huống. Mỗi nhóm chọn một nghề khác rồi làm tương tự cho nghề mình chọn, điền vào bảng D2 mục D Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Phiếu phẩm chất và năng lực của nghề nhóm chọn ở bảng D2, có ít nhất bốn phẩm chất và bốn năng lực, mỗi ý kèm một tình huống trong nghề cho thấy vì sao cần điều đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên chiếu ví dụ nghề Điều dưỡng ở trang 69, phân tích một ý làm mẫu: vì sao điều dưỡng cần cẩn thận, tỉ mỉ, gắn với việc chia liều thuốc; sau đó cho các nhóm chọn nghề.

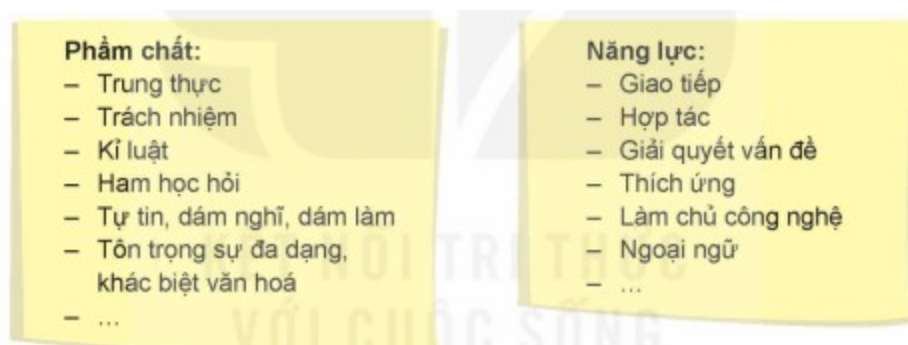
2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Các nhóm điền bảng D2 cho nghề mình chọn. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào chép lại y ví dụ trong sách: nghề các em chọn khác nghề điều dưỡng ở chỗ nào, chỗ khác ấy đòi hỏi thêm điều gì.

3. Báo cáo, thảo luận (13’): Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp kiểm chéo bằng câu hỏi: bỏ phẩm chất này đi thì người làm nghề ấy sẽ gặp khó ở việc gì.

4. Kết luận, nhận định (4’): GV chốt: Mỗi nghề có một bộ yêu cầu riêng, sinh ra từ chính công việc hằng ngày của nghề đó. Muốn biết nghề đòi hỏi gì thì phải nhìn vào việc người ta làm mỗi ngày.

TIẾT 75. PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CHUNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG HIỆN ĐẠI

Kết nối hai tiết (3’): Sau tiết đánh giá giữa kỳ, lớp trở lại với chủ đề. Tiết trước mỗi nhóm đã tìm yêu cầu riêng của một nghề; tiết này gom lại để tìm những phẩm chất, năng lực mà nghề nào cũng cần.



Hai thẻ gợi ý phẩm chất và năng lực của người lao động — SGK trang 69

Nhiệm vụ 2.5. Xác định phẩm chất, năng lực chung của người lao động (42’)

a) Mục tiêu: Xác định được những phẩm chất và năng lực cần có đối với người lao động trong xã hội hiện đại nói chung, không riêng một nghề nào.

b) Nội dung: Từ hai thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 69, thẻ phẩm chất gồm trung thực, trách nhiệm, kỉ luật, ham học hỏi, tự tin dám nghĩ dám làm, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt văn hoá; thẻ năng lực gồm giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng, làm chủ công

nghề và ngoại ngữ, lớp đối chiếu với các phiếu nghề của tiết trước để tìm ra những ý xuất hiện ở hầu hết các nghề và bổ sung thêm ý mới.

c) Sản phẩm: Hai thẻ chung của lớp trên giấy A0: thẻ phẩm chất và thẻ năng lực, mỗi thẻ có ít nhất tám ý, trong đó có ít nhất hai ý do lớp bổ sung ngoài gợi ý của sách; mỗi ý ghi số nhóm đã nêu ý đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu hai thẻ gợi ý trang 69, giải thích ngắn khác biệt giữa phẩm chất là cách sống và làm việc, còn năng lực là khả năng làm được việc; nêu cách đếm số nhóm cùng nêu một ý.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm dán giấy nhớ ghi phẩm chất, năng lực của nghề mình lên hai tờ A0 chung, sau đó cả lớp gom các giấy nhớ trùng ý về một chỗ và đếm. Giáo viên lưu ý những ý chỉ có một nhóm nêu thì thuộc yêu cầu riêng của nghề, không đưa vào thẻ chung.

3. Báo cáo, thảo luận (15'): Lớp đọc hai thẻ chung, thảo luận ba câu hỏi: ý nào được nhiều nhóm nêu nhất, ý nào có trong sách mà lớp không nêu, ý nào lớp bổ sung thêm và vì sao. Ba học sinh nêu ý mình thấy bản thân còn yếu nhất.

4. Kết luận, nhận định (4'): GV chốt: Bên cạnh yêu cầu riêng của từng nghề, xã hội hiện đại đòi hỏi một nền chung gồm trách nhiệm, kỉ luật, ham học hỏi cùng khả năng hợp tác, thích ứng và làm chủ công nghệ. Nền chung ấy rèn được ngay từ việc học hôm nay.

TIẾT 76. ĐỌC HAI TRƯỜNG HỢP VỀ TÍNH CHUYÊN NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có hai thẻ phẩm chất và năng lực chung. Tiết này xem những điều ấy hiện ra thế nào ở hai người lao động cụ thể trong sách.

Nhiệm vụ 2.6. Phân tích tính chuyên nghiệp trong hai trường hợp (42')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được tính chuyên nghiệp của người lao động trong hai trường hợp cụ thể và gọi tên được biểu hiện tương ứng với từng chi tiết.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 69 và trang 70: bác sĩ Hùng là bác sĩ chuyên khoa ngoại, giỏi chuyên môn, phán đoán và giải quyết vấn đề nhanh nhạy, nhân ái, đặt lợi ích bệnh nhân lên trên lợi ích cá nhân, tận tâm, nghiêm túc và luôn tự học nâng cao trình độ; chị Nga là nhân viên Công ty du lịch A, chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu công việc, biết xây dựng hình ảnh cá nhân, niềm nở, lắng nghe để thấu hiểu, ân cần tư vấn theo nhu cầu và khả năng tài chính của khách, giải quyết vấn đề linh hoạt theo tình huống thực tế.

c) Sản phẩm: Phiếu hai trường hợp của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1, mỗi trường hợp gạch chân ít nhất bốn chi tiết và gọi tên biểu hiện chuyên nghiệp tương ứng cho từng chi tiết.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in hai trường hợp, chia lớp thành hai nửa, mỗi nửa đọc kĩ một trường hợp nhưng vẫn nắm cả hai; hướng dẫn cách làm là gạch chân chi tiết rồi ghi tên biểu hiện ra lề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh đọc, gạch chân và ghi tên biểu hiện, sau đó trao đổi trong nhóm bốn người để thống nhất. Giáo viên nhắc mỗi tên biểu hiện phải chỉ vào một chi tiết có thật trong bài đọc, không suy diễn thêm.

3. Báo cáo, thảo luận (15'): Hai nhóm đại diện cho hai trường hợp trình bày. Lớp so sánh: bác sĩ Hùng và chị Nga làm hai nghề rất khác nhau, vậy điểm chuyên nghiệp nào giống nhau ở cả hai người.

4. Kết luận, nhận định (4'): GV chốt: Tính chuyên nghiệp không phụ thuộc nghề sang hay nghề thường. Cả hai trường hợp đều gặp nhau ở chuyên môn vững, thái độ tận tâm với người mình phục vụ và tinh thần tự học.

TIẾT 77. CÁC BIỂU HIỆN CỦA TÍNH CHUYÊN NGHIỆP TRONG CÔNG VIỆC

Kết nối hai tiết (3'): Hai trường hợp ở tiết trước cho thấy tính chuyên nghiệp hiện ra qua nhiều chi tiết nhỏ. Tiết này gom các chi tiết ấy thành một bộ biểu hiện dùng chung được cho mọi nghề.

Nhiệm vụ 2.7. Chia sẻ về người lao động chuyên nghiệp mà em biết (18')

a) Mục tiêu: Kể được về những người lao động có tính chuyên nghiệp trong công việc mà bản thân biết và chỉ ra được điều khiến em thấy họ chuyên nghiệp.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 70, mỗi học sinh kể về một người lao động mà mình từng gặp hoặc từng nghe kể, nói rõ họ làm nghề gì và chi tiết nào khiến em nhớ; không nêu tên thật của người được kể.

c) Sản phẩm: Một đoạn ghi ngắn của mỗi học sinh trong vở gồm nghề của người được kể, chi tiết đáng nhớ và điều em học được từ họ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu quy ước không nêu tên thật và không kể chuyện riêng tư của người khác, chỉ nói về cách họ làm việc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7'): Học sinh viết đoạn ghi cá nhân rồi kể cho bạn cùng bàn nghe. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: người bán hàng, người sửa xe hay thầy cô nào khiến em thấy yên tâm khi nhờ việc.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Sáu học sinh kể trước lớp, mỗi em khoảng một phút. Lớp ghi lại lên bảng những chi tiết được nhắc đến nhiều lần như đúng hẹn, giữ lời, làm cẩn thận.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Người chuyên nghiệp thường được nhớ vì những chi tiết rất nhỏ và lặp lại đều đặn, chứ không vì một lần làm việc lớn.

Nhiệm vụ 2.8. Dựng sơ đồ biểu hiện của tính chuyên nghiệp (24')

a) Mục tiêu: Xác định được các biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc và sắp xếp được chúng thành sơ đồ dễ nhớ.

b) Nội dung: Từ sáu biểu hiện gợi ý ở sách giáo khoa trang 70 gồm kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu; đạo đức nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao; phong cách làm việc chủ động, linh hoạt, tận tâm, nghiêm túc; chủ động giải quyết vấn đề phát sinh; kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách hàng và đối tác, các nhóm dựng sơ đồ và gắn vào mỗi nhánh một chi tiết lấy từ hai trường hợp đã đọc hoặc từ người mà nhóm vừa kể.

c) **Sản phẩm:** Sơ đồ biểu hiện tính chuyên nghiệp trên giấy A3 của nhóm với ít nhất sáu nhánh, mỗi nhánh kèm một chi tiết minh họa có thật.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên nêu sáu biểu hiện gợi ý và vẽ khung sơ đồ lên bảng, lưu ý mỗi nhánh bắt buộc phải có một chi tiết minh họa, không để nhánh trống tên gợi ý.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm dựng sơ đồ trên giấy A3. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào ghi minh họa chung chung: chi tiết này lấy từ trường hợp nào, ở câu nào.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Các nhóm treo sơ đồ, lớp đi xem một vòng rồi ba nhóm trình bày nhánh mà mình tâm đắc nhất. Lớp bổ sung biểu hiện chưa có trong gợi ý của sách.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Sáu biểu hiện này là thước đo dùng được cho mọi nghề. Các em có thể tự chấm mình theo đúng thước đo ấy ngay trong việc học và việc trực nhật hằng ngày.

TIẾT 78. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có thước đo về tính chuyên nghiệp. Tiết này bàn một yêu cầu mà nghề nào cũng đặt ra nhưng ít khi được nói tới khi chọn nghề: giữ an toàn và giữ sức khỏe.

Nhiệm vụ 2.9. Xác định yêu cầu an toàn và sức khỏe của một nghề (22')

a) **Mục tiêu:** Lựa chọn được một nghề cụ thể và xác định được yêu cầu về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp đối với nghề đó.

b) **Nội dung:** Học sinh đọc ví dụ nghề Phi công dân sự ở sách giáo khoa trang 70 với các yêu cầu là có sức khỏe tốt; khám sức khỏe định kỳ 1 lần trên năm với phi công dưới 40 tuổi và 1 lần trên 6 tháng với phi công trên 40 tuổi; có ít nhất 8 tiếng nghỉ ngơi giữa mỗi chuyến bay; chuẩn bị và kiểm tra kế hoạch bay, định lượng nhiên liệu, kiểm tra thiết bị trước khi bay; giữ liên lạc và tuân theo chỉ dẫn khi bay. Mỗi nhóm chọn một nghề khác và làm tương tự, điền vào bảng D3 mục D Phụ lục 1.

c) **Sản phẩm:** Phiếu yêu cầu an toàn và sức khỏe của nghề nhóm chọn ở bảng D3, tách theo ba mốc: yêu cầu về sức khỏe, việc phải làm trước khi vào ca, việc phải làm trong khi làm việc.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chiếu ví dụ nghề Phi công dân sự trang 70, chỉ ra cách sách tách yêu cầu theo các mốc trước khi bay và trong khi bay; giao mỗi nhóm chọn một nghề có ở địa phương.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm điền bảng D3. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng câu hỏi: người làm nghề này hay bị đau ở đâu, hay gặp tai nạn kiểu gì, và trước khi vào ca họ phải kiểm tra cái gì.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm trình bày. Lớp bổ sung yêu cầu còn thiếu, nhất là những yêu cầu về sức khỏe lâu dài như thính lực, thị lực, cột sống.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Yêu cầu an toàn và sức khỏe là một phần của nghề chứ không phải chuyện thêm vào. Biết trước những yêu cầu ấy giúp các em cân nhắc đúng khi chọn nghề.

Nhiệm vụ 2.10. Tìm hiểu quy định chung về an toàn, vệ sinh lao động (20')

a) Mục tiêu: Nêu được những quy định chung về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cùng nguồn để tra cứu các quy định đó.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 71, học sinh phân biệt quy định đối với người sử dụng lao động và quy định đối với người lao động; nguồn tra cứu là Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động. Giáo viên tra cứu trực tiếp trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi cho cả lớp cùng đọc một điều khoản cụ thể.

c) Sản phẩm: Phiếu hai cột của mỗi học sinh: quy định dành cho người sử dụng lao động và quy định dành cho người lao động, mỗi cột ít nhất ba ý, kèm tên văn bản đã tra.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu hai nhóm quy định và hai nguồn tra cứu, giải thích vì sao luật phải ràng buộc cả hai phía chứ không riêng người lao động.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Giáo viên mở nguồn trên máy tính của lớp, chiếu lên tivi và cùng học sinh đọc một điều khoản; học sinh ghi phiếu hai cột. Giáo viên nhắc ghi kèm tên văn bản để sau còn tra lại.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Bốn học sinh đọc phiếu của mình. Lớp trao đổi một câu hỏi: nếu chỗ làm không trang bị đồ bảo hộ thì người lao động có quyền gì.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: An toàn lao động được luật bảo vệ. Người lao động cần biết quyền của mình để yêu cầu đúng, chứ không chỉ trông vào sự tử tế của nơi tuyển dụng.

TIẾT 79. CHỈ RA NGUY CƠ VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã nắm yêu cầu chung và quy định của luật. Tiết này nhìn vào bốn tình huống lao động cụ thể để tập phát hiện nguy cơ bằng mắt.



Bốn tranh về người lao động đang làm việc, dùng cho hoạt động chỉ ra nguy cơ — SGK trang 72

Nhiệm vụ 2.11. Chỉ ra nguy cơ và đề xuất biện pháp cho bốn trường hợp (42')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe nghề nghiệp của người lao động trong bốn trường hợp và đề xuất được biện pháp bảo đảm an toàn cho từng trường hợp.

b) Nội dung: Học sinh quan sát bốn tranh đánh số ở sách giáo khoa trang 72. Sách không kèm chú thích chữ cho bốn tranh này, nên mỗi nhóm tự mô tả cảnh mình nhìn thấy bằng một câu, nói rõ người trong tranh đang làm nghề gì, sau đó chỉ ra nguy cơ và đề xuất biện pháp, điền vào bảng D4 mục D Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bảng bốn cột của nhóm ở bảng D4: số tranh, mô tả của nhóm về công việc trong tranh, nguy cơ nhìn thấy, biện pháp đề xuất; mỗi trường hợp ít nhất hai nguy cơ và hai biện pháp tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu bốn tranh trang 72, nói rõ sách không ghi chú thích cho các tranh này nên phân mô tả là quan sát của chính các em; hướng dẫn quan sát theo ba hướng là người lao động đang làm gì, có mang đồ bảo hộ gì và xung quanh có gì nguy hiểm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm quan sát và điền bảng D4 cho cả bốn tranh. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc mỗi biện pháp phải trị đúng nguy cơ đã nêu và phải là việc làm được ở nơi làm việc đó.

3. Báo cáo, thảo luận (15'): Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm phụ trách một tranh, mỗi lượt khoảng ba phút. Các nhóm khác bổ sung nguy cơ mình thấy mà bạn chưa nêu, đặc biệt là nguy cơ lâu dài như hít phải bụi, hoá chất hay tiếng ồn.

4. Kết luận, nhận định (4'): GV chốt: Nguy cơ trong lao động có hai loại: loại gây tai nạn ngay như ngã cao, cuốn vào máy; và loại ngấm dần như bụi, hoá chất, tiếng ồn. Loại thứ hai khó thấy nhưng để lại hậu quả lâu hơn.

TIẾT 80. RÈN LUYỆN TÍNH CHUYÊN NGHIỆP QUA TÌNH HUỐNG

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã biết thế nào là chuyên nghiệp và đã biết nhìn ra nguy cơ mất an toàn. Tiết này đặt các em vào hai tình huống khó để xem sự chuyên nghiệp được thể hiện ra sao.

Nhiệm vụ 2.12. Xử lý hai tình huống thể hiện tính chuyên nghiệp (24')

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp của người lao động trong hai tình huống cụ thể.

b) Nội dung: Học sinh xử lý hai tình huống ở sách giáo khoa trang 71. Tình huống thứ nhất: anh Nam là hướng dẫn viên du lịch, đưa đoàn khách vùng cao lần đầu đi thăm Thủ đô đến tham quan và mua sắm tại một trung tâm thương mại lớn, đông đúc; trước khi khách tản đi mua sắm tự do, anh Nam cần làm gì để đoàn tiếp tục di chuyển đúng giờ. Tình huống thứ hai: cô Hà là giáo viên chủ nhiệm, phát hiện học sinh Huy bị một nhóm thanh niên xấu ngoài trường đe dọa và họ đang tụ tập ngoài cổng trường; cô Hà nên làm gì.

c) Sản phẩm: Kịch bản xử lý của nhóm cho một tình huống, gồm các bước làm theo thứ tự và lời thoại chính, chỉ rõ mỗi bước thể hiện biểu hiện chuyên nghiệp nào trong sơ đồ đã dựng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia mỗi ba nhóm một tình huống, nêu yêu cầu kịch bản phải nổi được với ít nhất hai biểu hiện trong sơ đồ tính chuyên nghiệp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm viết kịch bản và tập đóng vai. Giáo viên gợi ý nhóm làm tình huống của cô Hà phải nghĩ đến an toàn của học sinh trước nhất và việc báo cho ai trong nhà trường.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Bốn nhóm đóng vai trước lớp. Lớp nhận xét theo hai câu hỏi: cách này có bảo đảm an toàn không và có giữ được uy tín nghề nghiệp không.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Trong tình huống bất ngờ, người chuyên nghiệp xử lý theo thứ tự: bảo đảm an toàn cho người mình phụ trách, báo đúng người có trách nhiệm, rồi mới tính đến kế hoạch công việc.

Nhiệm vụ 2.13. Đề xuất cách rèn luyện tính chuyên nghiệp của nghề em quan tâm (18')

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp cho nghề mà bản thân quan tâm, bắt đầu từ việc làm được ngay khi còn đi học.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 71, mỗi học sinh chọn nghề mình quan tâm, chọn hai biểu hiện chuyên nghiệp mình còn yếu nhất và viết cách rèn luyện tương ứng ngay trong năm học này.

c) Sản phẩm: Thẻ rèn luyện cá nhân gồm tên nghề quan tâm, hai biểu hiện cần rèn, việc làm cụ thể mỗi tuần và dấu hiệu cho thấy đã tiến bộ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát thẻ giấy, nhắc việc rèn luyện phải làm được ngay ở trường hoặc ở nhà, không viết những điều chỉ làm được sau khi ra trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8’): Học sinh viết thẻ. Giáo viên đọc lướt vài thẻ, hỏi lại em nào viết chung chung: việc này em làm vào thứ mấy và người khác nhìn vào đâu để biết em đã làm.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Sáu học sinh đọc thẻ của mình. Lớp góp ý để mỗi việc trở nên đo được, sau đó dán thẻ vào góc lớp để cuối chủ đề đối chiếu lại.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Tính chuyên nghiệp không đợi đến lúc đi làm mới rèn. Đúng giờ, giữ lời và làm trọn phần việc được giao ở lớp chính là bài tập đầu tiên của nghề.

TIẾT 81. THẨM ĐỊNH BẢN MÔ TẢ NGHỀ DO MÁY VIẾT

Kết nối hai tiết (3’): Nhiều bạn tìm hiểu nghề bằng cách hỏi máy và nhận về những đoạn mô tả rất trôi chảy. Tiết này kiểm xem những đoạn ấy đáng tin đến đâu, bằng cách đặt cạnh lời người thật đang làm nghề.

Nhiệm vụ 2.14. Đối chiếu hai bản mô tả nghề và chấm độ tin cậy (42’)

a) Mục tiêu: Đánh giá được độ chính xác và độ tin cậy của bản mô tả nghề do máy tạo ra bằng cách đối chiếu với lời của người đang làm nghề đó, có nêu căn cứ cho từng lần chấm.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm hai bản in mô tả cùng một nghề: bản thứ nhất ghi theo lời một người đang làm nghề, có công việc hằng ngày, thu nhập thực tế, cái khó và cái vui; bản thứ hai do máy viết ra, câu chữ mượt nhưng có chỗ chung chung, có chỗ nêu số liệu không khớp với thực tế địa phương. Học sinh đọc song song, đánh dấu từng ý và chấm độ tin cậy theo ba mức: tin được, cần kiểm thêm, không dùng được; ghi vào phiếu ở mục C Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm gồm ít nhất sáu dòng, mỗi dòng ghi ý của máy, ý tương ứng trong lời người làm nghề, mức tin cậy đã chấm và căn cứ để chấm mức đó; kèm một câu kết luận về việc dùng bản mô tả của máy như thế nào cho đúng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên phát hai bản in cho từng nhóm, giải thích ba mức chấm và làm mẫu một dòng: máy viết nghề này thu nhập hấp dẫn, còn người làm nghề nói rõ con số theo mùa, vậy ý của máy được chấm mức cần kiểm thêm vì không có con số.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Các nhóm đọc song song hai bản, đánh dấu và chấm mức cho từng ý. Giáo viên đi từng nhóm, yêu cầu mỗi lần chấm phải chỉ được vào một dòng trong bản của người làm nghề, không chấm theo cảm tính.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu, mỗi nhóm đọc hai dòng đáng chú ý nhất. Lớp gom lên bảng những kiểu sai thường gặp của máy như nói chung chung, thiếu số liệu, bỏ qua cái khó của nghề, số liệu không hợp với địa phương.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bản mô tả do máy viết dùng được ở mức bản nháp để biết nên hỏi gì. Muốn tin thì phải đặt cạnh lời người đang làm nghề và số liệu tra được. Chỗ máy nói chung chung chính là chỗ các em cần đi hỏi thêm.

TIẾT 82. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM KHI CHỌN NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã biết cách kiểm một bản mô tả nghề. Tiết này dùng đúng cách kiểm ấy cho thông tin về thị trường lao động, nơi có nhiều con số dễ tin mà khó tra.

Nhiệm vụ 2.15. Thu thập và phân tích thông tin thị trường lao động (24')

a) Mục tiêu: Thu thập và phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 73, học sinh tìm bốn nhóm thông tin gồm nghề có nhu cầu tuyển dụng cao, nghề có nhu cầu tuyển dụng thấp, yêu cầu về phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo và ưu tiên tuyển dụng đối với nghề đang cần nhiều người, và nghề được nhiều người lựa chọn. Nguồn là tập tin tuyển dụng thật do giáo viên in ra cùng phần tra cứu trên máy tính của lớp chiếu lên tivi.

c) Sản phẩm: Bảng phân tích thị trường lao động của nhóm ở bảng D5 mục D Phụ lục 1, mỗi nhóm thông tin có ít nhất hai dẫn chứng lấy từ tin tuyển dụng, ghi rõ tin đăng ngày nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên phát tập tin tuyển dụng đã in, hướng dẫn cách đọc một tin: vị trí tuyển, số lượng, yêu cầu trình độ, mức lương, ngày đăng; nhấn mạnh phải ghi ngày đăng vì tin cũ không phản ánh nhu cầu hiện nay.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm đọc tập tin và điền bảng D5. Giáo viên tra cứu thêm trên máy tính của lớp theo yêu cầu của các nhóm và chiếu kết quả lên tivi cho cả lớp cùng đọc.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Ba nhóm trình bày bảng phân tích. Lớp kiểm chéo bằng câu hỏi: con số này lấy từ tin nào, đăng ngày nào, và nó nói về cả nước hay chỉ một tỉnh.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Thông tin thị trường lao động chỉ dùng được khi biết rõ nguồn, phạm vi và thời điểm. Một con số không kèm ngày tháng thì không nói lên điều gì về nhu cầu hôm nay.

Nhiệm vụ 2.16. Việc máy làm thay được, việc máy chưa thay được và trách nhiệm của em (18')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những phần việc mà máy đang làm thay con người và những phần việc máy chưa thay được, từ đó nêu được trách nhiệm của bản thân khi chọn nghề.

b) Nội dung: Học sinh dùng lại tập tin tuyển dụng và bảng nghề có nguy cơ mai một đã lập ở tiết 72 để hoàn thiện bảng hai cột: việc máy làm thay được và việc máy chưa thay được; sau đó mỗi em viết ba dòng về trách nhiệm của mình khi chọn nghề trong hoàn cảnh ấy.

c) **Sản phẩm:** Bảng hai cột của nhóm có ít nhất năm cặp việc, mỗi cặp dẫn được một tin tuyển dụng hoặc một ví dụ có thật; ba dòng viết về trách nhiệm bản thân của mỗi học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu nhiệm vụ và làm rõ ba hướng của phần trách nhiệm: học cái máy chưa làm được, giữ trung thực khi dùng máy trong công việc, và không đẩy phần khó cho người khác.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7'): Các nhóm hoàn thiện bảng hai cột rồi mỗi em viết ba dòng trách nhiệm. Giáo viên nhắc phần trách nhiệm phải là việc của chính em, không viết chung chung về xã hội.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Ba nhóm trình bày bảng và bốn học sinh đọc ba dòng trách nhiệm của mình. Lớp trao đổi một câu hỏi: nếu máy làm thay phần lớn công việc thì em sẽ học thêm điều gì.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Máy làm rất nhanh những việc lặp lại và có quy tắc rõ, nhưng còn lúng túng trước việc cần hiểu người, cần chịu trách nhiệm và cần quyết định trong hoàn cảnh mới. Đó chính là chỗ các em nên đầu tư công sức.

TIẾT 83. PHÂN TÍCH NGHỀ EM QUAN TÂM, TRẢI NGHIỆM NGHỀ VÀ TỔNG KẾT

Kết nối hai tiết (3'): Mười một tiết vừa qua lớp đã đi từ xu hướng nghề đến yêu cầu của nghề và cách thẩm định thông tin. Tiết cuối quay về với lựa chọn của chính mình và nhìn lại toàn chủ đề.

Hoạt động 3. Luyện tập – Phân tích những yêu cầu đối với nghề em quan tâm (22')

a) Mục tiêu: Phân tích được xu hướng phát triển và các yêu cầu đối với ngành nghề mà bản thân quan tâm, đồng thời đối chiếu được với điều kiện hiện có của mình.

b) Nội dung: Theo ba yêu cầu của hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 73, mỗi học sinh xác định nghề mình quan tâm, phân tích xu hướng phát triển của nghề đó rồi phân tích các yêu cầu gồm phẩm chất và năng lực cần có, tính chuyên nghiệp trong công việc, yêu cầu an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; điền vào bảng D6 mục D Phụ lục 1 và tự đánh dấu điều mình đã có, điều còn thiếu.

c) Sản phẩm: Bản phân tích nghề quan tâm của mỗi học sinh ở bảng D6, đủ ba phần yêu cầu, có đánh dấu điều đã có và điều còn thiếu, kèm một việc sẽ làm để bù chỗ thiếu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu ba yêu cầu ở trang 73, nhắc học sinh dùng lại sơ đồ tính chuyên nghiệp, bảng yêu cầu an toàn và phiếu đối chiếu nghề đã làm ở các tiết trước làm tư liệu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền bảng D6 cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn nghề mà chưa biết yêu cầu bằng cách chỉ sang tập tin tuyển dụng của nghề gần nhất.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Học sinh trao đổi bản phân tích theo cặp, mỗi em nhận xét bản của bạn theo hai câu hỏi: phần còn thiếu đã nêu thật chưa và việc bù chỗ thiếu có làm được trong năm nay không.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Chọn nghề là đặt yêu cầu của nghề cạnh điều kiện thật của mình. Nhìn rõ chỗ còn thiếu không phải để nản mà để biết bắt đầu rèn từ đâu.

Hoạt động 4. Vận dụng – Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp và tự đánh giá chủ đề (20’)

a) Mục tiêu: Chuẩn bị và thực hiện được một lần trải nghiệm thực tế nghề nghiệp, báo cáo được kết quả và tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hướng dẫn ở sách giáo khoa trang 73 và trang 74, học sinh chuẩn bị trước khi đi trải nghiệm gồm tìm hiểu nội quy của cơ sở, chuẩn bị nội dung và câu hỏi phỏng vấn, chuẩn bị phương tiện ghi chép và trang phục phù hợp; khi trải nghiệm thì đến đúng giờ, tuân thủ nội quy, nói năng lễ phép và ghi chép đầy đủ; sau đó báo cáo về xu hướng phát triển và yêu cầu của nghề đã trải nghiệm. Học sinh cũng hoàn thành phiếu tự đánh giá chín tiêu chí ở trang 74 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch trải nghiệm nghề của nhóm kèm bộ câu hỏi phỏng vấn; báo cáo kết quả trải nghiệm nộp sau chuyến đi; phiếu tự đánh giá chín tiêu chí đã đánh dấu kèm sản phẩm chứng minh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên hướng dẫn ba việc phải chuẩn bị trước chuyến trải nghiệm và nhắc kĩ phần an toàn: đi theo nhóm có người lớn phụ trách, xin phép gia đình và cơ sở, không tự ý vào khu vực sản xuất, không chạm vào máy móc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8’): Các nhóm chọn nghề, viết kế hoạch trải nghiệm và soạn năm câu hỏi phỏng vấn. Giáo viên duyệt nhanh bộ câu hỏi, loại những câu hỏi riêng tư như thu nhập cụ thể của cá nhân người được hỏi.

3. Báo cáo, thảo luận (7’): Ba nhóm trình bày kế hoạch và bộ câu hỏi. Lớp góp ý; sau đó mỗi học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá chín tiêu chí ở trang 74 và ghi tên sản phẩm chứng minh.

4. Kết luận, nhận định (2’): GV chốt: Một buổi trải nghiệm chỉ đáng giá khi các em chuẩn bị câu hỏi từ trước và ghi chép lại được. Báo cáo sau chuyến đi nộp ở tiết sinh hoạt lớp, cùng với phiếu tự đánh giá của chủ đề.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 8 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể tên ba nghề mà em thấy quanh mình đang có nhiều người làm.
2. Có nghề nào trước đây phổ biến mà nay ít gặp hơn không? Theo em vì sao?
3. Nghề nào em đang quan tâm và em đã biết gì về nghề đó?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 8

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại			
2. Phẩm chất, năng lực cần có của người lao động			
3. Tính chuyên nghiệp trong công việc			
4. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp			
5. Thông tin thị trường lao động			

Phiếu hai trường hợp về tính chuyên nghiệp (SGK trang 69 và trang 70):

- Trường hợp 1 – bác sĩ Hùng: chi tiết em gạch chân
Biểu hiện chuyên nghiệp tương ứng:
- Trường hợp 2 – chị Nga: chi tiết em gạch chân
Biểu hiện chuyên nghiệp tương ứng:
- Điểm giống nhau của hai người ở hai nghề khác nhau:

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với máy: đối chiếu bản mô tả nghề do máy viết với lời của người đang làm nghề, và chỉ ra phần việc máy đã làm thay con người. Hai ví dụ dưới đây giúp em phân biệt hai loại máy khác nhau.

Ví dụ A: máy chấm công ở công ty quét thẻ nhân viên rồi ghi lại giờ vào, giờ ra. Nó chỉ đọc thẻ và ghi giờ theo đúng quy tắc đã cài, ngày nào cũng vậy.

Ví dụ B: một phần mềm nhận câu hỏi “mô tả công việc hằng ngày của nghề hướng dẫn viên du lịch” rồi tự viết ra một đoạn dài; hỏi lại lần nữa thì nó viết một đoạn khác, có chi tiết không giống lần đầu.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Máy trong ví dụ A và máy trong ví dụ B dùng dữ liệu gì để làm việc?
2. Nó làm gì với dữ liệu đó: chỉ đọc và ghi theo quy tắc, hay tự tạo ra nội dung mới?
3. Trong hai ví dụ trên, đâu là máy tự động và đâu là trí tuệ nhân tạo? Vì sao?
4. Muốn biết một đoạn mô tả nghề do máy viết có đáng tin không, em kiểm bằng cách nào?

Phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề (nghề:):

Ý trong bản do máy viết	Ý tương ứng trong lời người làm nghề	Mức tin cậy (tin được / cần kiểm thêm / không dùng được)	Căn cứ để chấm mức đó

– Kết luận của nhóm em về cách dùng bản mô tả do máy viết:

Bảng việc máy làm thay được và việc máy chưa thay được:

Nghề	Việc máy đang làm thay được	Việc máy chưa thay được	Dẫn chứng (tin tuyển dụng, ví dụ thật)

– Ba dòng về trách nhiệm của em khi chọn nghề:

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Nghề có nguy cơ mai một và phần việc còn lại

Nghề có nguy cơ mai một	Phần việc bị thay thế	Phần việc vẫn cần con người

D2. Phẩm chất, năng lực cần có của nghề nhóm em chọn

Nghề nhóm em chọn:			
Phẩm chất cần có	Vì sao nghề này cần điều đó	Năng lực cần có	Vì sao nghề này cần điều đó

D3. Yêu cầu về an toàn và sức khỏe của nghề nhóm em chọn

Yêu cầu về sức khỏe	Việc phải làm trước khi vào ca	Việc phải làm trong khi làm việc

D4. Nguy cơ và biện pháp bảo đảm an toàn (bốn tranh SGK trang 72)

Tranh số	Nhóm em mô tả công việc trong tranh	Nguy cơ nhìn thấy	Biện pháp đề xuất
1			
2			
3			
4			

D5. Phân tích thông tin thị trường lao động

Nhóm thông tin	Kết quả nhóm em tìm được	Nguồn và ngày đăng
Nghề có nhu cầu tuyển dụng cao		
Nghề có nhu cầu tuyển dụng thấp		
Yêu cầu với nghề đang cần nhiều người		
Nghề được nhiều người lựa chọn		

D6. Phân tích nghề em quan tâm

Nghề em quan tâm:			
Nội dung phân tích	Yêu cầu của nghề	Em đã có gì	Em còn thiếu gì
Xu hướng phát triển của nghề			
Chất lượng, năng lực cần có			
Tính chuyên nghiệp trong công việc			
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp			
Việc em sẽ làm để bù chỗ còn thiếu			

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu	Rút ra điều gì?
1. Xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại	SGK trang 68 yêu cầu liệt kê nghề, tìm yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng nghề, xác định lĩnh vực nghề đang phát triển và dự báo nghề có nguy cơ mai một, mỗi ý đều phải giải thích lí do.	Bốn yếu tố ảnh hưởng: sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ; chất lượng cuộc sống ngày càng cao; áp lực tâm lí đối với con người trong xã hội hiện đại; sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội. Bảy lĩnh vực đang phát triển: chăm sóc sức khoẻ, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, năng lượng thay thế, tâm lí, marketing, sáng tạo nội dung. Ba nghề có nguy cơ mai một: nhân viên giao dịch ngân hàng, nhân viên thu ngân, lái xe tắc xi truyền thống.	Phần lớn nghề không mất hẳn mà đổi phần việc; nhìn ra yếu tố tác động thì đoán được nghề nào còn cần người.
2. Phẩm chất, năng lực cần có của người lao động	SGK trang 69 nêu ví dụ phẩm chất, năng lực của nghề Điều dưỡng rồi yêu cầu thảo luận để xác định phẩm chất, năng lực chung của người lao động trong xã hội hiện đại qua hai thẻ gợi ý.	Ví dụ nghề Điều dưỡng có tám ý gồm nhân hậu, thương người, cảm thông và chia sẻ; kiên trì, nhẫn nại, chịu khó; cẩn thận, tỉ mỉ; trung thực; các kĩ năng giao tiếp, thuyết phục và lắng nghe, chăm sóc khách hàng, xử lí tình huống. Thẻ phẩm chất có sáu ý: trung thực, trách nhiệm, kỉ luật, ham học hỏi, tự tin dám nghĩ dám làm, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt văn hoá. Thẻ năng lực có sáu ý: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng, làm chủ công nghệ, ngoại ngữ.	Mỗi nghề có yêu cầu riêng sinh ra từ công việc hằng ngày, nhưng đều đứng trên một nền chung về trách nhiệm, kỉ luật và khả năng thích ứng.
3. Tính chuyên nghiệp trong công việc	SGK trang 69 và trang 70 đưa hai trường hợp để chỉ ra tính chuyên nghiệp, sau đó trang 70 nêu các biểu hiện của tính chuyên nghiệp; trang 71 đưa hai tình huống để rèn luyện.	Trường hợp 1 là bác sĩ Hùng, chuyên khoa ngoại, giỏi chuyên môn, phán đoán nhanh nhạy, nhân ái, tận tâm, nghiêm túc, luôn tự học. Trường hợp 2 là chị Nga ở Công ty du lịch A, chuyên môn tốt, niềm nở, lắng nghe thấu hiểu, tư vấn theo nhu cầu và khả năng tài chính của khách, giải quyết vấn đề linh hoạt. Sáu biểu hiện gợi ý: kiến thức và kĩ năng chuyên môn sâu; đạo đức nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao; phong cách làm việc chủ động, linh	Tính chuyên nghiệp không phụ thuộc nghề gì, mà hiện ra ở chuyên môn vững, thái độ tận tâm và tinh thần tự học, lặp lại đều đặn mỗi ngày.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc số liệu	Rút ra điều gì?
		hoạt, tận tâm, nghiêm túc; chủ động giải quyết vấn đề phát sinh; kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách hàng và đối tác.	
4. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	SGK trang 70 nêu ví dụ yêu cầu an toàn của nghề Phi công dân sự, trang 71 hướng dẫn tìm quy định chung và nguồn tra cứu; trang 72 đưa bốn tranh để chỉ ra nguy cơ và đề xuất biện pháp.	Nghề Phi công dân sự: có sức khỏe tốt; khám sức khỏe định kì 1 lần/năm với phi công dưới 40 tuổi và 1 lần/6 tháng với phi công trên 40 tuổi; có ít nhất 8 tiếng nghỉ ngơi giữa mỗi chuyến bay; trước khi bay phải chuẩn bị và kiểm tra kế hoạch bay, định lượng nhiên liệu, kiểm tra thiết bị điều khiển. Nguồn tra cứu quy định chung: Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động. Bốn tranh trang 72 không có chú thích chữ, học sinh tự mô tả.	Yêu cầu an toàn là một phần của nghề; nguy cơ gồm loại gây tai nạn ngay và loại ngấm dần như bụi, hoá chất, tiếng ồn.
5. Thông tin thị trường lao động	SGK trang 73 hướng dẫn thu thập và phân tích thông tin cơ bản về thị trường lao động, nêu các nội dung cần tìm hiểu và cách tìm hiểu, sau đó trình bày kết quả phân tích.	Nội dung cần tìm: nghề có nhu cầu tuyển dụng cao; nghề có nhu cầu tuyển dụng thấp; yêu cầu về phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo và ưu tiên tuyển dụng với nghề đang cần nhiều người; nghề được nhiều người lựa chọn. Cách tìm: nghiên cứu tài liệu, sách, báo, tạp chí, trang web về nghề nghiệp và thị trường lao động; phỏng vấn chuyên gia hướng nghiệp, nhà tuyển dụng, người đã hoặc đang làm nghề.	Một con số về thị trường lao động chỉ dùng được khi biết rõ nguồn, phạm vi và thời điểm; thiếu ngày tháng thì không nói lên nhu cầu hôm nay.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – máy chấm công chỉ nhận một loại dữ liệu là mã thẻ nhân viên và giờ hệ thống, rồi ghi lại theo quy tắc đã cài; quét cùng một thẻ bao nhiêu lần cũng cho kết quả như nhau. Đây là máy tự động.

Ví dụ B – phần mềm ở ví dụ B nhận yêu cầu bằng lời, dựa vào kho văn bản đã học để ghép ra một đoạn mô tả mới, nên hỏi hai lần được hai đoạn khác nhau. Đây là trí tuệ nhân tạo.

Câu hỏi 4 – cách kiểm gồm ba bước: đặt đoạn mô tả của máy cạnh lời người đang làm nghề để tìm chỗ lệch; soi những chỗ nói chung chung, không có con số hoặc không nói đến cái khó của nghề; tra lại số liệu bằng tin tuyển dụng thật có ghi ngày đăng. Chỗ máy nói chung chung chính là chỗ cần đi hỏi thêm người thật.

Lưu ý khi chấm độ tin cậy – học sinh thường chấm mức theo cảm tính. Yêu cầu bắt buộc là mỗi lần chấm phải chỉ được vào một dòng cụ thể trong bản ghi lời người làm

nghe, hoặc vào một tin tuyển dụng có ngày đăng. Bước đối chiếu này chính là phần được đánh giá.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Đối chiếu được ít nhất sáu ý giữa hai bản mô tả nghề: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Mỗi lần chấm mức tin cậy đều nêu được căn cứ cụ thể: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Phân biệt được máy tự động với trí tuệ nhân tạo và giải thích được: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được việc máy làm thay được, việc máy chưa thay được kèm dẫn chứng: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – kết luận nghề sẽ biến mất mà không tách được phần việc nào mất, phần việc nào còn. Gợi mở: hỏi nếu khách hàng khiếu nại hoặc gặp việc bất thường thì ai xử lý.

Lỗi 2 – chép nguyên ví dụ nghề Điều dưỡng cho nghề khác. Gợi mở: hỏi nghề các em chọn khác nghề điều dưỡng ở việc gì và việc khác ấy đòi hỏi thêm điều gì.

Lỗi 3 – khi nhìn bốn tranh trang 72 chỉ nêu nguy cơ tai nạn tức thì, bỏ qua nguy cơ ngấm dần. Gợi mở: hỏi làm nghề này mười năm thì hay đau ở đâu, hít phải cái gì mỗi ngày.

Lỗi 4 – chấm độ tin cậy của bản mô tả do máy viết theo cảm tính, thấy hay thì cho tin được. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào dòng nào trong lời người làm nghề để bảo vệ mức đã chấm.

Lỗi 5 – dùng số liệu thị trường lao động không rõ nguồn và không có ngày đăng. Gợi mở: hỏi tin này đăng ngày nào, nói về cả nước hay một tỉnh, nếu không trả lời được thì bỏ con số ấy.

Lỗi 6 – phân phân tích nghề quan tâm chỉ ghi điều mình đã có, né phần còn thiếu. Gợi mở: nhắc rằng nêu đúng chỗ thiếu mới biết bắt đầu rèn từ đâu, và hỏi một việc làm được ngay trong năm nay.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12***BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)***CHỦ ĐỀ 9. RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC PHÙ HỢP VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP***(Số tiết: 9 — tiết 84 đến tiết 92)*

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt**

Sau chủ đề này, học sinh:

- Xác định được khả năng, sở thích của bản thân và chỉ ra được ít nhất hai nghề phù hợp với khả năng, sở thích đó theo cách làm ở sách giáo khoa trang 77.
- Đánh giá được sự phù hợp của nghề mình định chọn với khả năng và sở thích của bản thân, giải thích được lí do lựa chọn.
- Nêu được các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan tác động đến việc chuyển đổi nghề qua hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 78.
- Nêu được những phẩm chất và năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết, gồm bốn phẩm chất và bốn năng lực được gợi ý ở trang 79.
- Xác định được những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn bằng cách đối chiếu với yêu cầu của nghề.
- Đánh giá được phẩm chất, năng lực hiện có của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết, chỉ rõ điểm phù hợp và điểm chưa phù hợp.
- Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề định lựa chọn, có đủ biện pháp rèn luyện và thời gian thực hiện.
- Thiết kế và giới thiệu được một sản phẩm thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.
- Rèn luyện được phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và trong cuộc sống ở ba môi trường nhà trường, gia đình, xã hội và báo cáo được kết quả rèn luyện.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi đối chiếu phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề định chọn; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập và theo dõi kế hoạch rèn luyện của chính mình.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đánh giá phẩm chất, năng lực của mình một cách trung thực; giao tiếp và hợp tác khi trao đổi nhóm và giới thiệu sản phẩm trước lớp; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi đề xuất biện pháp rèn luyện cho những điểm còn chưa phù hợp.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

2.6.NC1b – quản lí được danh tính số và dấu vết số của bản thân trong môi trường số. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên thao tác trên máy của lớp với một hồ sơ giả định do giáo viên dựng sẵn, chiếu lên tivi kết quả tìm kiếm theo tên của hồ sơ đó; học sinh chỉ ra trên phiếu giấy nội dung nào nên gỡ hoặc nên khoá vì bất lợi khi nộp hồ sơ dự tuyển, nội dung nào nên giữ vì chứng minh được năng lực, rồi phác trên giấy A4 một trang giới thiệu năng lực gồm ba mục là thông tin liên hệ, thành tích học tập và sản phẩm đã làm.

12.B1 – vấn đề đạo đức của trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên phát bản in một bản mô tả năng lực do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra từ vài từ khoá về một học sinh giả định; học sinh đối chiếu từng câu trong bản mô tả với bảng thành tích thật của học sinh giả định đó, gạch chân những câu khen quá mức hoặc không có căn cứ, nêu vì sao máy lại viết như vậy và sửa lại bản mô tả cho trung thực.

Minh chứng: phiếu rà dấu vết số của hồ sơ giả định có cột nên giữ và cột nên gỡ; bản phác trang giới thiệu năng lực trên giấy A4; bản mô tả năng lực đã gạch chân và sửa lại cho trung thực kèm lí do từng chỗ sửa; bảng đối chiếu phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề; kế hoạch rèn luyện của mỗi học sinh.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: chủ động rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp đã chọn, không chờ người khác nhắc.

Trung thực: nói đúng điểm mạnh và điểm còn chưa phù hợp của mình khi tự đánh giá, không tô hồng hồ sơ.

Chăm chỉ: kiên trì theo đuổi kế hoạch rèn luyện đã lập đến hết học kì.

Nhân ái: tôn trọng lựa chọn nghề của bạn, không chê nghề nào là thấp kém.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 75–82 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có kết nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, thẻ giấy hai màu; bản in hai trường hợp chuyển đổi nghề ở trang 78 và hai trường hợp ở trang 80; bản in bảng đối chiếu yêu cầu nghề Điều dưỡng ở trang 79 và 80; bản in bảng đánh giá phẩm chất, năng lực để chuyển đổi nghề ở trang 80; bản in bảng kế hoạch rèn luyện ở trang 80 và 81; hồ sơ giả định về một học sinh lớp 12 gồm bảng thành tích thật và các nội dung mạng gắn với tên hồ sơ đó; bản in một bản mô tả năng lực do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra từ hồ sơ giả định ấy; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; bảng kết quả học tập của bản thân trong hai học kì gần đây và danh sách hoạt động mình đã tham gia.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in kết quả tìm kiếm của hồ sơ giả định và bản in bản mô tả năng lực đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ nhiệm vụ vẫn làm được trên phiếu giấy. Các bảng ở trang 79, 80, 81 đều có bản in khổ A3 phát cho nhóm nên không phụ thuộc tivi.

An toàn: phần thao tác trên máy do giáo viên thực hiện. Học sinh KHÔNG tra tên thật của mình hay của bạn trước lớp, không đăng nhập tài khoản cá nhân, không đưa ảnh và số điện thoại của mình lên bất kì trang nào; mọi nội dung mạng dùng trong chủ đề đều thuộc hồ sơ

giả định do giáo viên dựng. Khi tự đánh giá phẩm chất, năng lực, học sinh chỉ chia sẻ phần mình muốn chia sẻ và có quyền giữ riêng phiếu của mình; lớp không bình luận về ngoại hình, hoàn cảnh gia đình hay điểm số của bạn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết mình → chọn nghề phù hợp → hiểu vì sao người ta phải chuyển nghề → soi phẩm chất, năng lực của mình so với yêu cầu → lập kế hoạch rèn luyện → giữ hồ sơ sổ sạch → tự tin giới thiệu bản thân → rèn luyện thật và báo cáo.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
84	Khả năng và sở thích của em là gì?	Khung khả năng – sở thích của mỗi học sinh	45 phút
85	Từ khả năng và sở thích đó, nghề nào hợp với em?	Cặp khung khả năng – nghề phù hợp và lời giải thích lí do chọn	45 phút
86	Vì sao người ta phải chuyển đổi nghề?	Bảng hai nhóm yếu tố chủ quan và khách quan	45 phút
87	Người chuyển nghề thành công có phẩm chất, năng lực nào?	Danh sách phẩm chất và năng lực cần cho chuyển đổi nghề	45 phút
88	Em có gì so với yêu cầu của nghề mình định chọn?	Bảng đối chiếu ba cột của mỗi học sinh	45 phút
89	Nếu phải chuyển nghề, em còn thiếu gì?	Bảng tự đánh giá phù hợp – chưa phù hợp	45 phút
90	Rèn luyện thế nào cho những điểm còn thiếu?	Kế hoạch rèn luyện bốn cột của mỗi học sinh	45 phút
91	Hồ sơ sổ của em nói gì về em, và máy mô tả em có đúng không?	Phiếu rà dấu vết sổ và bản mô tả năng lực đã sửa	45 phút
92	Em giới thiệu bản thân và định hướng nghề của mình ra sao?	Sản phẩm thể hiện sự tự tin và báo cáo kết quả rèn luyện	45 phút

TIẾT 84. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG, SỞ THÍCH CỦA BẢN THÂN

Hoạt động 1. Mở đầu – Người trong tranh đang làm nghề gì (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên hứng thú với chủ đề và làm xuất hiện câu hỏi lớn: một người hợp với nghề nào thì căn cứ vào đâu mà biết.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 75 vẽ khoang hành khách máy bay và một nữ tiếp viên hàng không đang hướng dẫn thao tác an toàn. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1: người trong tranh làm nghề gì, nghề ấy đòi hỏi những gì ở người làm, và em có thấy mình hợp với nghề ấy không.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách yêu cầu của nghề tiếp viên hàng không do lớp gom lại trên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 75, phát Phụ lục 1 và nêu ba câu hỏi ở mục A, yêu cầu mỗi em viết ngắn trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh quan sát tranh, nhớ lại điều mình biết về nghề này rồi viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới trả lời câu thứ nhất.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những yêu cầu của nghề mà lớp nêu ra, gom thành hai cột: cái thuộc về khả năng và cái thuộc về sở thích.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Hai cột trên bảng cho thấy muốn biết mình hợp với nghề nào thì phải biết rõ hai điều về chính mình là khả năng và sở thích. Chủ đề này bắt đầu từ đó.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết tám định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 76, từ xác định khả năng, sở thích đến rèn luyện phẩm chất, năng lực trong học tập và cuộc sống.

b) Nội dung: Mười ba nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 84 đến tiết 91, bám tám hoạt động của sách giáo khoa từ trang 77 đến trang 82.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên, lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Gọi tên khả năng và sở thích của chính mình (37')

a) Mục tiêu: Xác định được khả năng và sở thích của bản thân, mỗi loại ít nhất ba biểu hiện có dẫn chứng từ việc mình đã làm.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 77, mỗi học sinh liệt kê khả năng và sở thích của mình vào khung vàng ở mục B Phụ lục 1. Sách gợi ý cách viết bằng hai ví dụ: một bạn ghi thích được đi nhiều nơi, thích tiếp xúc với nhiều người, sức khoẻ tốt, học tốt môn Tiếng Anh; một bạn khác ghi nhân hậu, thích chăm sóc người khác, khéo tay, cẩn thận chu đáo, học tốt môn Sinh học và Hoá học.

c) Sản phẩm: Khung khả năng – sở thích của mỗi học sinh, có ít nhất ba khả năng và ba sở thích, mỗi mục kèm một dẫn chứng là việc em đã làm hoặc kết quả em đã đạt.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên viết lên bảng hai ví dụ ở trang 77, chỉ ra khác biệt: sở thích trả lời câu em thích làm gì, còn khả năng trả lời câu em làm được việc gì và làm tốt đến đâu. Giáo viên yêu cầu mỗi mục viết ra phải có một dẫn chứng đi kèm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh làm việc cá nhân, điền khung khả năng – sở thích ở Phụ lục 1 rồi trao đổi theo cặp để bạn giúp bổ sung điều mình quên. Giáo viên đi từng bàn, hỏi các em viết chung chung một câu duy nhất: em đã làm việc gì để nói được điều đó.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Sáu học sinh đọc khung của mình, mỗi em một phút rưỡi. Lớp góp ý cho hai chỗ: mục nào chưa có dẫn chứng và mục nào thật ra là sở thích chứ chưa phải khả năng.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Khả năng là việc em làm được và có bằng chứng, sở thích là việc em muốn làm. Nghề hợp với người là nghề đứng ở chỗ giao nhau của hai điều đó, nên phải gọi tên cho đúng cả hai trước khi bàn đến chọn nghề.

TIẾT 85. TỪ KHẢ NĂNG, SỞ THÍCH ĐẾN NGHỀ PHÙ HỢP

Kết nối hai tiết (3’): Tiết trước mỗi em đã có khung khả năng – sở thích của riêng mình. Tiết này dùng chính khung ấy để tìm ra những nghề hợp với mình và nói được vì sao mình chọn nghề đó.

Nhiệm vụ 2.2. Nói khả năng, sở thích với nhóm nghề phù hợp (24’)

a) Mục tiêu: Xác định được ít nhất hai nghề hoặc nhóm nghề phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân, chỉ rõ mỗi nghề hợp với điều gì trong khung của mình.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 77, học sinh chuyển khung vàng khả năng – sở thích sang khung xanh các nghề phù hợp. Sách cho hai ví dụ mẫu: khung thích đi nhiều nơi, thích tiếp xúc nhiều người, sức khỏe tốt, học tốt Tiếng Anh dẫn tới nghề Tiếp viên hàng không và nghề Hướng dẫn viên du lịch; khung nhân hậu, thích chăm sóc người khác, khéo tay, cẩn thận, học tốt Sinh học và Hoá học dẫn tới nghề Điều dưỡng và nghề Bác sĩ chuyên khoa.

c) Sản phẩm: Cặp khung của mỗi học sinh gồm khung khả năng – sở thích và khung các nghề phù hợp, mỗi nghề có mũi tên nối về ít nhất hai mục đã viết ở khung bên trái.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên vẽ hai khung nối nhau bằng mũi tên lên bảng theo bố cục trang 77, làm mẫu một cặp: đọc từng mục ở khung trái rồi hỏi lớp nghề nào cần đúng điều ấy.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11’): Học sinh vẽ cặp khung của mình vào Phụ lục 1, kẻ mũi tên từ nghề về những mục làm căn cứ. Giáo viên nhắc: nghề nào không nối được về mục nào thì đó là nghề em nghe quen chứ chưa phải nghề hợp với em.

3. Báo cáo, thảo luận (7’): Bốn học sinh trình bày cặp khung. Lớp kiểm tra chéo bằng một câu hỏi: nghề bạn ghi dựa vào mục nào ở khung bên trái.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Nghề phù hợp không rơi từ trên xuống mà mọc ra từ chính khung khả năng – sở thích của em. Nghề nào không có mũi tên nối về thì chưa có căn cứ để giữ lại.

Nhiệm vụ 2.3. Chọn nghề định lựa chọn và giải thích lí do (18’)

a) Mục tiêu: Đánh giá được sự phù hợp của nghề mình định chọn với khả năng và sở thích của bản thân; nói được lí do chọn nghề trước thầy cô và các bạn.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 78, mỗi học sinh chọn ra một nghề trong danh sách nghề phù hợp vừa lập, viết ba dòng lí do: nghề đó cần gì, em có gì đáp ứng được, và em còn thiếu gì.

c) Sản phẩm: Thẻ chọn nghề của mỗi học sinh gồm tên nghề định lựa chọn và ba dòng lí do; thẻ này được giữ lại để dùng tiếp ở tiết 88 và tiết 90.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát mỗi em một thẻ giấy màu, nêu ba dòng bắt buộc phải có và lưu ý cả lớp không bình luận nghề của bạn là dễ hay khó, sang hay hèn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh viết thẻ chọn nghề. Giáo viên đi một vòng, khuyến khích các em dám ghi dòng thứ ba về điều mình còn thiếu, vì đó chính là việc tiết 90 sẽ dùng đến.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Sáu học sinh chia sẻ thẻ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe và chỉ đặt câu hỏi tìm hiểu, không đánh giá lựa chọn của bạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chọn nghề là quyền của mỗi người, nhưng lựa chọn có sức thuyết phục khi nói được cả ba điều: nghề cần gì, mình có gì và mình còn thiếu gì. Dòng thứ ba là chỗ bắt đầu của kế hoạch rèn luyện.

TIẾT 86. VÌ SAO NGƯỜI LAO ĐỘNG PHẢI CHUYỂN ĐỔI NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước mỗi em đã chọn được một nghề và nêu lí do. Nhưng nghề đầu tiên chưa chắc là nghề suốt đời; tiết này tìm hiểu vì sao nhiều người phải chuyển sang nghề khác.

Nhiệm vụ 2.4. Đọc hai trường hợp và chỉ ra lí do chuyển đổi nghề (20')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được lí do chuyển đổi nghề của nhân vật trong hai trường hợp cụ thể ở sách giáo khoa trang 78.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai trường hợp nguyên văn ở trang 78. Trường hợp thứ nhất: chị Mai Lan là tiếp viên hàng không, sau vài năm công tác chị xây dựng gia đình và sinh con, nghề tiếp viên thường xuyên phải xa nhà nên chị chuyển sang làm nhân viên văn phòng. Trường hợp thứ hai: anh Kiên là vận động viên bóng rổ chuyên nghiệp có thành tích ở nhiều giải trong nước và quốc tế, sau vài năm sức khỏe không còn đáp ứng được yêu cầu của vận động viên đỉnh cao nên anh chuyển sang làm huấn luyện viên cho đội tuyển bóng rổ trẻ của tỉnh.

c) Sản phẩm: Phiếu hai trường hợp của nhóm, mỗi trường hợp ghi rõ nghề cũ, nghề mới và lí do chuyển; có một dòng nhận xét nghề mới còn giữ lại được gì của nghề cũ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát bản in hai trường hợp và nêu ba việc phải ghi cho mỗi trường hợp là nghề cũ, nghề mới và lí do chuyển.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm đọc và ghi phiếu. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: nghề mới của nhân vật có dùng lại được gì từ nghề cũ hay không, ví dụ anh Kiên vẫn ở trong môn bóng rổ.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày, mỗi nhóm hai phút. Lớp so sánh hai trường hợp: một người chuyển vì hoàn cảnh gia đình, một người chuyển vì sức khỏe không còn đáp ứng.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chuyển nghề không phải là thất bại. Cả hai nhân vật đều chuyển sang việc gần với vốn liếng cũ của mình, nhờ vậy mà không mất trắng những năm đã đi.

Nhiệm vụ 2.5. Phân tích yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan (22')

a) Mục tiêu: Phân tích được các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề và xếp được chúng vào hai nhóm chủ quan và khách quan.

b) Nội dung: Từ phần gợi ý ở sách giáo khoa trang 79, học sinh xếp các yếu tố vào hai nhóm. Nhóm chủ quan có sáu yếu tố được gợi ý gồm không đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề, không còn nhiệt huyết với nghề hiện tại, muốn tìm công việc được thoả sức sáng tạo hơn, mong muốn thu nhập tốt hơn, mong muốn cơ hội thăng tiến rõ ràng hơn, mong muốn được trải nghiệm nhiều công việc khác nhau. Nhóm khách quan có nghề đang làm không còn khả năng phát triển và hoàn cảnh gia đình. Mỗi nhóm học sinh bổ sung thêm ít nhất một yếu tố cho mỗi cột.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột chủ quan – khách quan trên giấy A3 của nhóm, cột chủ quan có ít nhất bảy yếu tố, cột khách quan có ít nhất ba yếu tố; mỗi cột khoanh tròn một yếu tố nhóm cho là hay gặp nhất hiện nay.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, làm rõ ranh giới: yếu tố chủ quan nằm ở bên trong người lao động, yếu tố khách quan nằm ở bên ngoài mà người ấy không đổi được.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm xếp các yếu tố đã gợi ý vào hai cột rồi bổ sung yếu tố mới. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào xếp hoàn cảnh gia đình vào cột chủ quan để nhóm tự lập luận xem điều đó do người lao động quyết hay không.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba nhóm treo bảng và trình bày yếu tố mới mình bổ sung cùng yếu tố đã khoanh tròn. Lớp đối chiếu hai trường hợp ở nhiệm vụ trước xem chị Mai Lan và anh Kiên rơi vào nhóm yếu tố nào.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Yếu tố chủ quan là chỗ mình còn xoay chuyển được bằng rèn luyện, yếu tố khách quan thì phải chấp nhận và chuẩn bị trước. Biết trước cả hai nhóm giúp người lao động không bị động khi nghề của mình thay đổi.

TIẾT 87. PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC ĐỂ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ KHI CẦN THIẾT

Kết nối hai tiết (3’): Tiết trước lớp đã thấy chuyển nghề là việc bình thường. Tiết này trả lời câu hỏi tiếp theo: người chuyển nghề trót lọt khác người thất bại ở những phẩm chất và năng lực nào.

Nhiệm vụ 2.6. Kể và phân tích một trường hợp chuyển nghề có thật (20’)

a) Mục tiêu: Kể được một người thành công hoặc thất bại khi chuyển đổi nghề mà mình biết và phân tích được phẩm chất, năng lực liên quan đến kết quả ấy.

b) Nội dung: Theo hai yêu cầu đầu của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 79, mỗi học sinh kể một trường hợp mình biết qua người thân, hàng xóm hoặc qua sách báo, rồi chỉ ra người ấy có hoặc thiếu phẩm chất, năng lực nào khiến việc chuyển nghề thành hay bại.

c) Sản phẩm: Thẻ trường hợp của mỗi học sinh gồm ba dòng: nghề cũ và nghề mới, kết quả chuyển nghề, và hai phẩm chất hoặc năng lực giải thích cho kết quả đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên nêu quy ước: khi kể chuyện người thật thì không nêu tên đầy đủ, không nói chuyện riêng của gia đình người ta; chỉ kể phần liên quan đến nghề nghiệp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Học sinh viết thẻ cá nhân rồi kể cho nhau nghe theo nhóm bốn người. Mỗi nhóm chọn một trường hợp thành công và một trường hợp thất bại để trình bày. Giáo viên nhắc phần quan trọng nhất là dòng thứ ba chứ không phải câu chuyện.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm kể trường hợp đã chọn, mỗi nhóm một phút rưỡi. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: phẩm chất, năng lực giúp thành công và những thiếu hụt dẫn tới thất bại.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Cùng một hoàn cảnh nhưng người này chuyển nghề được, người kia không, khác biệt nằm ở phẩm chất và năng lực chứ không nằm ở may rủi.

Nhiệm vụ 2.7. Xác định phẩm chất, năng lực cần có để chuyển đổi nghề (22')

a) Mục tiêu: Xác định được những phẩm chất và năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết, giải thích được vì sao mỗi thứ lại cần.

b) Nội dung: Từ hai cột trên bảng và phần gợi ý ở sách giáo khoa trang 79, lớp chốt danh sách chung. Sách gợi ý bốn phẩm chất là tự tin, kiên trì, vượt khó, cầu thị và ham học hỏi; bốn năng lực là tự học, thích ứng, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Mỗi nhóm nhận hai mục trong danh sách và viết một câu giải thích vì sao mục ấy cần cho người chuyển nghề.

c) Sản phẩm: Danh sách chung của lớp gồm bốn phẩm chất và bốn năng lực đã được gợi ý cùng những mục lớp bổ sung; mỗi mục có một câu giải thích do một nhóm viết, dán quanh bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu phần gợi ý ở trang 79 lên tivi, chia danh sách cho các nhóm bằng cách bốc thăm, mỗi nhóm nhận hai mục.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm viết câu giải thích cho hai mục của mình lên thẻ giấy, kèm một ví dụ ngắn lấy từ các trường hợp đã kể ở nhiệm vụ trước. Giáo viên nhắc câu giải thích phải nói được nếu thiếu thứ này thì người chuyển nghề gặp khó ở đâu.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Các nhóm dán thẻ lên bảng theo hai cột phẩm chất và năng lực rồi lần lượt đọc. Lớp bổ sung mục còn thiếu, ví dụ khả năng học lại từ đầu ở tuổi đã lớn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bốn phẩm chất và bốn năng lực này không dành riêng cho người sắp chuyển nghề, mà là vốn dự phòng nên có ngay từ khi còn đi học, vì không ai biết trước lúc nào mình cần dùng đến.

TIẾT 88. ĐỐI CHIẾU BẢN THÂN VỚI YÊU CẦU CỦA NGHỀ ĐỊNH LỰA CHỌN

Kết nối hai tiết (3'): Lớp vừa lập xong danh sách phẩm chất và năng lực nói chung. Tiết này quay về từng em: soi chính mình vào yêu cầu của nghề mà em đã chọn ở tiết 85.

Yêu cầu của nghề Điều dưỡng	Phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân	Phù hợp
Trung thực.	Trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	✓
Khả năng giao tiếp tốt, phong thái cởi mở, biết tạo sự tin cậy.	Thích giao tiếp, trò chuyện với mọi người.	✓
Có khả năng tự tổ chức công việc, tự học, tự nghiên cứu.	Có khả năng tự học, khả năng thiết kế và tổ chức hoạt động của nhóm, lớp.	✓
Kiên trì, nhẫn nại, chịu khó, cẩn thận, tỉ mỉ.		
Có đôi bàn tay khéo léo.	Khéo tay.	✓
Có sức khoẻ tốt, thần kinh vững vàng.		

Bảng đối chiếu yêu cầu của nghề Điều dưỡng với phẩm chất, năng lực của bản thân; hai dòng để trống là hai điểm bạn học sinh còn chưa đáp ứng — SGK trang 79 và 80

Nhiệm vụ 2.8. Dựng bảng đối chiếu ba cột cho nghề em định chọn (25')

a) Mục tiêu: Xác định được những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn bằng cách đối chiếu với yêu cầu của nghề.

b) Nội dung: Học sinh dùng bảng ba cột ở sách giáo khoa trang 79 và 80 làm khuôn. Bảng mẫu lấy nghề Điều dưỡng với bảy yêu cầu; bạn học sinh trong sách đánh dấu phù hợp ở năm dòng và để trống hai dòng là kiên trì, nhẫn nại, chịu khó, cẩn thận, tỉ mỉ và có sức khoẻ tốt, thần kinh vững vàng. Mỗi học sinh lấy nghề trên thẻ chọn nghề của mình ở tiết 85, liệt kê yêu cầu của nghề ấy rồi đối chiếu, điền vào bảng ở mục D1 Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bảng đối chiếu ba cột của mỗi học sinh, có ít nhất năm yêu cầu của nghề; những dòng bản thân chưa đáp ứng được để trống cột thứ hai và cột thứ ba đúng như cách sách làm, không tự điền cho đủ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chiếu bảng mẫu nghề Điều dưỡng, chỉ riêng vào hai dòng để trống và nói rõ đó không phải lỗi in mà là chỗ bạn học sinh thành thật nhận mình chưa đạt. Giáo viên yêu cầu cả lớp giữ đúng cách làm ấy.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12'): Học sinh liệt kê yêu cầu của nghề mình chọn rồi điền bảng. Giáo viên phát bản in yêu cầu của một số nghề phổ biến cho em nào chưa tra được, đi từng bàn nhắc: dòng nào chưa có dẫn chứng thì để trống chứ đừng viết cho có.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh chọn nghề khác nhau trình bày bảng của mình, mỗi em một phút rưỡi. Lớp hỏi một câu duy nhất cho mỗi bạn: dòng bạn đánh dấu phù hợp dựa vào việc gì bạn đã làm.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Giá trị của bảng này nằm ở những dòng còn để trống. Một bảng đầy dấu tích chưa chắc là bảng tốt, vì nó không cho biết em cần rèn luyện điều gì tiếp theo.

Nhiệm vụ 2.9. Chia sẻ kết quả đối chiếu và nhận góp ý từ bạn (17')

a) Mục tiêu: Trình bày được kết quả đối chiếu của mình và tiếp nhận được góp ý của bạn để bổ sung những điểm bản thân bỏ sót.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 80, học sinh chia sẻ bảng đối chiếu theo nhóm bốn người. Bạn trong nhóm góp ý theo hai hướng: điểm mạnh em quên không ghi và điểm em tự đánh giá cao hơn thực tế.

c) Sản phẩm: Bảng đối chiếu đã bổ sung sau góp ý, có ghi ở lề tên bạn đã góp ý cho từng dòng được sửa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu quy ước góp ý: nói về việc bạn đã làm chứ không nói về con người bạn, và bạn được góp ý có quyền giữ nguyên ý kiến của mình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh chia sẻ theo nhóm bốn, mỗi em hai phút. Người nghe ghi vào giấy nhớ hai dòng góp ý rồi đưa cho bạn. Giáo viên quan sát các nhóm, nhắc nhóm nào đang chuyển sang bình luận điểm số.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Hai học sinh chia sẻ trước lớp một điều bạn góp ý mà mình thấy đúng và đã sửa. Lớp nghe và rút kinh nghiệm cho bảng của mình.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người ngoài thường nhìn ra điểm mạnh mà chính mình quen quá nên không thấy. Nhưng góp ý chỉ là gợi ý, quyết định cuối cùng về bảng của mình vẫn thuộc về em.

TIẾT 89. TỰ ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC ĐỂ CÓ THỂ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước em đã soi mình vào nghề em muốn làm. Tiết này soi thêm một lần nữa, lần này vào yêu cầu để có thể chuyển sang nghề khác nếu sau này cần.

Nhiệm vụ 2.10. Xác định phẩm chất, năng lực cần có qua hai trường hợp (20')

a) Mục tiêu: Xác định được những phẩm chất, năng lực nhân vật cần có để chuyển đổi nghề thành công trong hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 80.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai trường hợp ở trang 80. Trường hợp thứ nhất: Thuỳ Dung là diễn viên múa ba lê, hiện đã 35 tuổi và thích làm việc với trẻ em nên muốn chuyển sang làm giáo viên dạy múa ở nhà văn hoá thiếu nhi của địa phương. Trường hợp thứ hai: Đặng Nguyên tốt nghiệp khoa Tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ, đang làm biên tập viên của một nhà xuất bản nhưng thấy mình không phù hợp, muốn chuyển sang làm hướng dẫn viên du lịch để được đi nhiều nơi và trải nghiệm nhiều nền văn hoá.

c) Sản phẩm: Phiếu hai trường hợp của nhóm, mỗi trường hợp nêu ba phẩm chất hoặc năng lực nhân vật cần có kèm lí do, và một việc nhân vật nên làm ngay.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in hai trường hợp cho sáu nhóm, chia mỗi trường hợp cho ba nhóm để có nhiều cách nhìn cho cùng một tình huống.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm phân tích và ghi phiếu. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: nghề mới đòi hỏi thêm điều gì mà nghề cũ không cần, ví dụ dạy múa cho trẻ em cần kiên nhẫn và biết cách nói với trẻ chứ không chỉ cần múa giỏi.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Hai nhóm cùng trường hợp trình bày liên nhau để lớp so sánh. Lớp bổ sung phẩm chất, năng lực mà cả hai nhóm cùng bổ sót.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chuyển nghề thành công đòi hỏi giữ lại vốn cũ và học thêm phần mới. Thủy Dung giữ nghề múa nhưng phải học cách làm việc với trẻ; Đăng Nguyên giữ vốn ngoại ngữ nhưng phải học cách dẫn đoàn và xử lý tình huống ngoài hiện trường.

STT	Phẩm chất, năng lực cần có để có thể chuyển đổi nghề	Đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân	
		Phù hợp	Chưa phù hợp
1	Kiên trì		✓
2	Tự tin	✓	
3	Vượt khó		✓
4	Cầu thị, ham học hỏi	✓	
5	Năng lực tự học	✓	
6	Năng lực thích ứng		✓
7	Năng lực giải quyết vấn đề	✓	
8	Năng lực sáng tạo		✓
9	...		

Bảng tự đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề, gồm chín dòng và dòng cuối để trống — SGK trang 80

Nhiệm vụ 2.11. Tự đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân (22')

a) Mục tiêu: Đánh giá được phẩm chất, năng lực hiện có của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết, chỉ rõ điểm phù hợp và điểm chưa phù hợp.

b) Nội dung: Học sinh dùng bảng ở sách giáo khoa trang 80 làm khuôn để tự đánh giá tám mục là kiên trì, tự tin, vượt khó, cầu thị và ham học hỏi, năng lực tự học, năng lực thích ứng, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo; dòng thứ chín để trống cho học sinh tự thêm một mục của riêng mình. Mỗi mục đánh dấu vào một trong hai cột phù hợp hoặc chưa phù hợp và ghi một dẫn chứng ở lề.

c) Sản phẩm: Bảng tự đánh giá chín dòng của mỗi học sinh ở mục D2 Phụ lục 1, mỗi dòng có một dấu đánh giá và một dẫn chứng ngắn; những mục đánh dấu chưa phù hợp được khoanh lại để đưa vào kế hoạch rèn luyện ở tiết sau.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu bảng mẫu trang 80 và nêu quy ước riêng của tiết này: bảng tự đánh giá là của riêng em, giáo viên không thu chấm điểm, em chỉ chia sẻ phần em muốn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền bảng cá nhân. Giáo viên nhắc mỗi dòng phải có dẫn chứng là việc thật, ví dụ đánh dấu phù hợp ở mục tự học thì kể được em đã tự học phần nào và bằng cách nào; đánh dấu xong thì khoanh lại các mục chưa phù hợp.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba học sinh xung phong chia sẻ một mục mình đánh dấu chưa phù hợp và lí do. Lớp góp ý cách rèn luyện, ghi vào giấy nhớ tặng bạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Đánh dấu chưa phù hợp không phải là tự chê mình mà là chỉ đúng chỗ cần rèn. Những mục vừa khoanh lại chính là nội dung kế hoạch rèn luyện của tiết sau.

TIẾT 90. LẬP KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết vừa rồi đã chỉ ra rất rõ em còn thiếu gì so với nghề em chọn và so với yêu cầu chuyển nghề. Tiết này biến những chỗ thiếu ấy thành một kế hoạch rèn luyện chạy được.

STT	Phẩm chất, năng lực em cần rèn luyện	Biện pháp rèn luyện	Thời gian thực hiện
1	Tính kiên trì	<ul style="list-style-type: none"> Xác định mục đích rõ ràng. Có kế hoạch thực hiện cụ thể, liên tục. Kiên định thực hiện theo kế hoạch, không dao động trước những áp lực tiêu cực. ... 	Hàng ngày.
2	Năng lực giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia câu lạc bộ về kĩ năng giao tiếp. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. Tăng cường giao tiếp với bạn bè, thầy cô, những người thân trong gia đình và những người xung quanh. ... 	<ul style="list-style-type: none"> Mỗi tuần một buổi. Theo lịch của nhà trường và địa phương. Hàng ngày.

Bảng kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực — phần đầu với tính kiên trì và năng lực giao tiếp — SGK trang 80

STT	Phẩm chất, năng lực em cần rèn luyện	Biện pháp rèn luyện	Thời gian thực hiện
3	Năng lực thích ứng	<ul style="list-style-type: none"> Đặt ra những thử thách cho bản thân, nhận những nhiệm vụ mới, đề xuất những ý tưởng mới trong các hoạt động chung. Thử sức trong các vai trò lãnh đạo, quản lí nhóm, tổ, lớp,... khi có cơ hội. Lắng nghe, quan sát, học hỏi từ những người xung quanh. Quan tâm đến cảm xúc của bản thân. ... 	Hàng ngày.
	...	...	...

Bảng kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực — phần tiếp với năng lực thích ứng và dòng cuối để trống cho học sinh tự thêm — SGK trang 81

Nhiệm vụ 2.12. Điền bảng kế hoạch rèn luyện bốn cột (42')

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề định lựa chọn và yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề, có đủ biện pháp rèn luyện và thời gian thực hiện cho từng mục.

b) Nội dung: Học sinh dùng bảng bốn cột ở sách giáo khoa trang 80 và 81 làm khuôn, gồm số thứ tự, phẩm chất hoặc năng lực em cần rèn luyện, biện pháp rèn luyện và thời gian thực hiện. Sách cho ba dòng mẫu với nghề Điều dưỡng: tính kiên trì rèn hằng ngày; năng lực giao tiếp rèn mỗi tuần một buổi ở câu lạc bộ, theo lịch của nhà trường và địa phương với

hoạt động tập thể, và hằng ngày khi giao tiếp với người xung quanh; năng lực thích ứng rèn hằng ngày. Mỗi học sinh chọn ba mục mình đã khoanh chưa phù hợp ở tiết 89 và điền vào bảng ở mục D3 Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Kế hoạch rèn luyện của mỗi học sinh với ít nhất ba dòng, mỗi dòng có ít nhất hai biện pháp cụ thể và một mốc thời gian rõ ràng; kế hoạch được dán vào vở để theo dõi đến hết học kì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu hai phần của bảng mẫu, chỉ ra cách sách viết biện pháp: mỗi biện pháp là một việc làm được chứ không phải một lời hứa, ví dụ tham gia câu lạc bộ kĩ năng giao tiếp mỗi tuần một buổi. Giáo viên phát bảng khổ A3 cho từng em.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Học sinh chọn ba mục cần rèn từ bảng tiết trước và điền kế hoạch. Giáo viên đi từng bàn, kiểm hai điều: biện pháp có làm được trong điều kiện của em không, và thời gian đã ghi rõ là hằng ngày, mỗi tuần mấy buổi hay theo lịch nào.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Học sinh trao đổi kế hoạch theo cặp và nhận xét cho nhau theo hai câu hỏi: biện pháp này bạn bắt đầu được từ tuần nào, và ai sẽ biết bạn đã làm. Sau đó bốn em trình bày kế hoạch trước lớp, mỗi em hai phút.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Kế hoạch rèn luyện chỉ chạy được khi biện pháp đủ nhỏ để bắt đầu ngay trong tuần này và thời gian đủ rõ để tự kiểm. Ba dòng làm được còn hơn mười dòng để đó.

TIẾT 91. HỒ SƠ SỐ CỦA NGƯỜI SẴP ĐI XIN VIỆC VÀ BẢN MÔ TẢ DO MÁY VIẾT

Kết nối hai tiết (3'): Kế hoạch rèn luyện đã có. Nhưng khi nộp hồ sơ dự tuyển, người ta còn nhìn em qua những gì Internet lưu lại về em. Tiết này bàn về phần hồ sơ ấy.

Nhiệm vụ 2.13. Rà dấu vết số của một hồ sơ giả định và phác trang giới thiệu năng lực (22')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được nội dung nào trong dấu vết số bất lợi khi nộp hồ sơ dự tuyển, nội dung nào chứng minh được năng lực; phác được một trang giới thiệu năng lực dùng được.

b) Nội dung: Giáo viên dựng sẵn một hồ sơ giả định về một học sinh lớp 12 tên là Minh Quân, gồm bảng thành tích thật và một số nội dung mạng gắn với tên ấy: bài viết than phiền về trường cũ, ảnh chụp lộ số điện thoại, một bài giới thiệu sản phẩm nhóm em làm, một bình luận gay gắt. Giáo viên chiếu kết quả tìm kiếm theo tên hồ sơ giả định lên tivi. Học sinh xếp từng nội dung vào hai cột nên giữ và nên gỡ hoặc nên khoá, rồi phác trên giấy A4 một trang giới thiệu năng lực cho Minh Quân gồm ba mục là thông tin liên hệ, thành tích học tập và sản phẩm đã làm.

c) Sản phẩm: Phiếu rà dấu vết số hai cột của nhóm, mỗi nội dung kèm một dòng lí do; bản phác trang giới thiệu năng lực trên giấy A4 với đủ ba mục.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên nói rõ cả lớp chỉ làm việc với hồ sơ giả định, không ai tra tên thật của mình hay của bạn. Giáo viên thao tác trên máy của lớp, chiếu kết quả tìm kiếm theo tên hồ sơ và phát bản in kết quả ấy cho từng nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm xếp từng nội dung vào hai cột và ghi lý do, sau đó phác trang giới thiệu năng lực trên giấy A4. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: nếu người tuyển sinh đọc dòng này thì họ nghĩ gì về Minh Quân, và mục nào đưa lên thì chúng mình được năng lực.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày phiếu và bản phác. Lớp tranh luận riêng một nội dung khó xử là bài viết than phiền về trường cũ: gỡ đi hay để lại và vì sao.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Dấu vết số không tự mất đi và người tuyển sinh có thể xem được. Việc cần làm trước khi nộp hồ sơ là dọn những gì bất lợi, khoá phần riêng tư và chủ động dựng một trang giới thiệu năng lực để người ta thấy đúng cái mình muốn cho thấy.

Hoạt động 3. Luyện tập – Sửa lại bản mô tả năng lực do máy viết cho trung thực (20')

a) Mục tiêu: Đối chiếu được từng câu trong bản mô tả năng lực do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết với thành tích thật, chỉ ra được chỗ máy khen quá và sửa lại cho trung thực.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in một bản mô tả năng lực dài khoảng mười dòng mà phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra khi chỉ được cho bốn từ khoá về Minh Quân. Bản mô tả có những câu như xuất sắc toàn diện, dẫn dắt nhiều dự án lớn, thành thạo nhiều công cụ, trong khi bảng thành tích thật chỉ ghi một giải cấp trường và một sản phẩm nhóm. Học sinh gạch chân câu không có căn cứ, ghi lý do và viết lại câu ấy cho đúng.

c) Sản phẩm: Bản mô tả đã gạch chân của mỗi nhóm kèm bảng ba cột: câu gốc, vì sao không có căn cứ, câu viết lại cho trung thực; ít nhất ba câu được sửa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản mô tả và bảng thành tích thật của Minh Quân, nêu nhiệm vụ: đọc từng câu và hỏi câu này dựa vào dòng nào trong bảng thành tích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm đối chiếu, gạch chân và viết lại. Giáo viên gợi ý thêm một câu hỏi: máy chỉ được cho bốn từ khoá, vậy những chi tiết còn lại nó lấy ở đâu ra.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm đọc một câu gốc và câu đã sửa của mình. Lớp bình chọn câu sửa nào vừa trung thực vừa vẫn nêu bật được điểm mạnh có thật.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Máy viết trôi chảy vì nó ghép chữ theo thói quen của kho văn bản, chứ nó không kiểm tra được em có thật hay không. Nộp một bản mô tả khen quá là tự đặt mình vào thế khó khi người ta hỏi lại; người chịu trách nhiệm về từng chữ trong hồ sơ vẫn là em chứ không phải máy.

TIẾT 92. THỂ HIỆN SỰ TỰ TIN VỀ BẢN THÂN VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tám tiết vừa qua em đã biết mình có gì, còn thiếu gì và sẽ rèn thế nào. Tiết cuối là lúc nói ra điều đó một cách tự tin và nhận việc rèn luyện thật cho những tuần tới.

Nhiệm vụ 2.14. Thiết kế và giới thiệu sản phẩm thể hiện sự tự tin (24')

a) Mục tiêu: Thiết kế được một sản phẩm thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình; giới thiệu được sản phẩm ấy trước lớp.

b) Nội dung: Theo hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 81, mỗi học sinh chọn một trong các hình thức được gợi ý là sơ đồ tư duy, tranh vẽ, đoạn phim ngắn hoặc bài thuyết trình. Vì cả lớp làm trên giấy nên hình thức chính là sơ đồ tư duy hoặc tranh vẽ trên giấy A4. Nội dung sản phẩm gồm ba phần theo gợi ý của sách: phẩm chất, năng lực, sở thích và tính cách của bản thân; ngành nghề mình yêu thích và muốn lựa chọn; quyết tâm rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp. Khi giới thiệu, học sinh giữ tư thế vững chắc tự nhiên, nói to rõ ràng, có tương tác với người nghe, thái độ vui vẻ cởi mở như sách lưu ý.

c) Sản phẩm: Sản phẩm cá nhân trên giấy A4 đủ ba phần nội dung; phần giới thiệu dài khoảng một phút rưỡi; các sản phẩm được trưng bày ở góc lớp trong tuần.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên chiếu phần gợi ý ở trang 81, nêu ba phần nội dung bắt buộc và bốn lưu ý khi giới thiệu, phát giấy A4 và bút màu. Giáo viên nhắc lớp không đăng sản phẩm lên mạng xã hội, sản phẩm chỉ trưng bày trong lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11’): Học sinh làm sản phẩm cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp các em còn ngại bằng cách hỏi lại ba điều em viết được ở tiết 84 và một dòng em đã điền ở kế hoạch rèn luyện tiết 90, để em thấy mình có đủ chất liệu.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Sáu học sinh xung phong giới thiệu sản phẩm, mỗi em một phút. Lớp vỗ tay và ghi vào giấy nhớ một điểm mạnh mình nhận ra ở bạn, dán lên sản phẩm của bạn.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Tự tin không phải là nói mình giỏi mà là nói đúng mình có gì và mình đang đi về đâu. Những giấy nhớ bạn dán lên sản phẩm chính là bằng chứng người khác cũng nhìn thấy điều em nói.

Hoạt động 4. Vận dụng – Rèn luyện trong ba môi trường và báo cáo kết quả (18’)

a) Mục tiêu: Chọn được môi trường rèn luyện phù hợp, thực hiện kế hoạch rèn luyện trong thực tế và báo cáo được kết quả; tự đánh giá chủ đề theo tám tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Theo hoạt động 8 ở sách giáo khoa trang 82, mỗi học sinh chọn môi trường rèn luyện trong ba môi trường được gợi ý là nhà trường, gia đình, xã hội và ghi rõ việc mình làm ở từng nơi; sau bốn tuần viết báo cáo ngắn ghi lại kết quả, cảm xúc và những khó khăn đã gặp, rồi báo cáo với thầy cô, bạn bè và người thân để tìm sự hỗ trợ khi cần. Cuối giờ, học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá tám tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 82 theo hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Bảng ba môi trường của mỗi học sinh với ít nhất một việc rèn luyện cho mỗi môi trường; phiếu tự đánh giá tám tiêu chí đã đánh dấu kèm tên sản phẩm chứng minh; báo cáo kết quả rèn luyện nộp lại sau bốn tuần vào tiết sinh hoạt lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu tám tiêu chí ở trang 82, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm trong chủ đề, rồi hướng dẫn cách ghi bảng ba môi trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7’): Học sinh điền bảng ba môi trường và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí đánh dấu mức Đạt. Giáo viên nhắc việc ghi ở môi trường gia đình phải là việc em tự làm được, không phải việc nhờ người lớn làm hộ.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Bốn học sinh chia sẻ một tiêu chí mình chưa đạt và việc sẽ làm trong bốn tuần tới. Lớp góp ý cách làm và hẹn nhau ngày báo cáo kết quả.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng kế hoạch rèn luyện thì mới bắt đầu chạy. Báo cáo sau bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên của chủ đề này, và quan trọng hơn, là bằng chứng em đã đi được một đoạn về phía nghề mình chọn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 9 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Người trong tranh ở trang 75 đang làm nghề gì? Em nhận ra nhờ chi tiết nào?
2. Theo em, nghề đó đòi hỏi những gì ở người làm?
3. Em thấy mình có điểm nào hợp và điểm nào chưa hợp với nghề đó?

B. KHUNG KHẢ NĂNG – SỞ THÍCH CỦA EM (tiết 84)

Khả năng của em (việc em làm được, có dẫn chứng):

– Dẫn chứng:

.....

– Dẫn chứng:

.....

– Dẫn chứng:

.....

Sở thích của em (việc em thích làm):

–

–

–

Các nghề phù hợp em rút ra được (tiết 85):

– Nghề vì hợp với:

– Nghề vì hợp với:

Nghề em định lựa chọn:

Nghề này cần: | Em đã có: | Em còn thiếu:

C. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 9

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ hoặc trường hợp trong sách.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Khả năng, sở thích và nghề phù hợp			
2. Yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề			
3. Phẩm chất, năng lực để chuyển đổi nghề			
4. Kế hoạch rèn luyện của bản thân			

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**D1. Bảng đối chiếu bản thân với yêu cầu của nghề em định chọn (tiết 88)**

Nghề em định lựa chọn:

Lưu ý: dòng nào bản thân em chưa đáp ứng được thì ĐỂ TRỐNG hai cột sau, đúng như cách sách giáo khoa làm ở trang 79 và 80.

Yêu cầu của nghề	Chất lượng, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân	Phù hợp

D2. Tự đánh giá phẩm chất, năng lực để có thể chuyển đổi nghề (tiết 89)

ST T	Chất lượng, năng lực cần có để có thể chuyển đổi nghề	Phù hợp	Chưa phù hợp	Dẫn chứng của em
1	Kiên trì			
2	Tự tin			
3	Vượt khó			
4	Cầu thị, ham học hỏi			
5	Năng lực tự học			
6	Năng lực thích ứng			
7	Năng lực giải quyết vấn đề			
8	Năng lực sáng tạo			
9	...			

D3. Kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của em (tiết 90)

ST T	Chất lượng, năng lực em cần rèn luyện	Biện pháp rèn luyện	Thời gian thực hiện
1			
2			
3			
...			

D4. Rèn luyện trong ba môi trường và tự đánh giá chủ đề (tiết 92)

Môi trường rèn luyện	Việc em sẽ làm	Khi nào	Ai có thể hỗ trợ em
Nhà trường			
Gia đình			
Xã hội			

E. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với máy, cả hai đều trên hồ sơ giả định của bạn Minh Quân do thầy cô dựng sẵn: dọn lại dấu vết số trước khi nộp hồ sơ, và đọc lại bản mô tả năng lực mà máy viết ra.

E1. Phiếu rà dấu vết số của hồ sơ giả định (tiết 91)

Nội dung tìm thấy trên mạng	Nên giữ hay nên gỡ, nên khoá	Lí do của nhóm em

Trang giới thiệu năng lực em phác cho Minh Quân gồm ba mục:

– Thông tin liên hệ:

.....

– Thành tích học tập:

.....

– Sản phẩm đã làm:

.....

E2. Sửa lại bản mô tả năng lực do máy viết (tiết 91)

Câu gốc do máy viết	Vì sao câu này chưa có căn cứ	Em viết lại cho trung thực

Trả lời hai câu hỏi sau:

- Máy chỉ được cho bốn từ khoá về Minh Quân. Vậy những chi tiết còn lại trong bản mô tả nó lấy từ đâu?
- Nếu nộp bản mô tả khen quá mức vào hồ sơ dự tuyển, người chịu trách nhiệm là ai? Vì sao?

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
1. Khả năng, sở thích và nghề phù hợp	SGK trang 77 hướng dẫn hai bước: trước hết xác định khả năng và sở thích của bản thân, sau đó nối sang những nghề phù hợp; trang 78 yêu cầu chia sẻ nghề định lựa chọn và giải thích lí do.	Ví dụ 1: thích được đi nhiều nơi, thích tiếp xúc với nhiều người, sức khoẻ tốt, học tốt môn Tiếng Anh dẫn tới nghề Tiếp viên hàng không và Hướng dẫn viên du lịch. Ví dụ 2: nhân hậu, thích chăm sóc người khác, khéo tay, cẩn thận chu đáo, học tốt Sinh học và Hoá học dẫn tới nghề Điều dưỡng và Bác sĩ chuyên khoa.	Nghề phù hợp phải nối được về ít nhất hai mục có thật trong khung khả năng – sở thích của chính mình.
2. Yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề	SGK trang 78 nêu hai trường hợp chuyển nghề; trang 79 chia các yếu tố tác động thành hai nhóm chủ quan và khách quan.	Chị Mai Lan chuyển từ tiếp viên hàng không sang nhân viên văn phòng vì nghề cũ thường xuyên phải xa nhà, không có điều kiện chăm con nhỏ. Anh Kiên chuyển từ vận động viên bóng rổ sang huấn luyện viên đội tuyển trẻ của tỉnh vì sức khoẻ không còn đáp ứng yêu cầu đỉnh cao. Sách gợi ý sáu yếu tố chủ quan và hai yếu tố khách quan.	Yếu tố chủ quan còn xoay chuyển được bằng rèn luyện, yếu tố khách quan thì phải chuẩn bị trước; cả hai đều nên biết từ khi còn đi học.
3. Phẩm chất, năng lực để chuyển đổi nghề	SGK trang 79 yêu cầu kể một người thành công hoặc thất bại khi chuyển nghề, phân tích phẩm chất và năng lực của người đó rồi thảo luận danh sách chung.	Sách gợi ý bốn phẩm chất là tự tin, kiên trì, vượt khó, cầu thị và ham học hỏi; bốn năng lực là tự học, thích ứng, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trang 80 cho hai trường hợp vận dụng: Thùy Dung 35 tuổi chuyển từ diễn viên múa ba lê sang giáo viên dạy múa; Đăng Nguyên chuyển từ biên tập viên sang hướng dẫn viên du lịch.	Chuyển nghề thành công là giữ lại vốn cũ và học thêm phần mới; khác biệt giữa thành và bại nằm ở phẩm chất, năng lực chứ không ở may rủi.
4. Kế hoạch rèn luyện của bản thân	SGK trang 79 và 80 cho bảng đối chiếu ba cột với nghề Điều dưỡng; trang 80 cho bảng tự đánh giá chín dòng; trang 80 và 81 cho bảng kế hoạch rèn luyện bốn cột; trang 81 yêu cầu thiết kế sản phẩm thể hiện sự tự tin;	Bảng đối chiếu nghề Điều dưỡng có bảy yêu cầu, bạn học sinh đánh dấu phù hợp ở năm dòng và để trống hai dòng. Bảng kế hoạch có ba dòng mẫu: tính kiên trì rèn hằng ngày, năng lực giao tiếp rèn mỗi tuần một buổi ở câu lạc bộ, năng lực thích	Kế hoạch rèn luyện phải bắt nguồn từ những dòng em đánh dấu chưa phù hợp, biện pháp đủ nhỏ để làm ngay và thời gian đủ rõ để tự kiểm.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh hoạ	Rút ra điều gì?
	trang 82 yêu cầu rèn luyện trong ba môi trường.	ứng rèn hằng ngày.	

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

E1 – hồ sơ giả định của Minh Quân do giáo viên dựng, gồm bốn nội dung mạng. Nên gỡ hoặc nên khoá: ảnh chụp lộ số điện thoại vì đó là thông tin cá nhân không nên để công khai; bình luận gay gắt vì người tuyển sinh sẽ đọc nó như cách bạn ấy ứng xử với người khác. Nên giữ: bài giới thiệu sản phẩm nhóm vì chứng minh được năng lực có thật. Bài viết than phiền về trường cũ là nội dung khó xử: giữ lại thì bất lợi, nên gỡ hoặc chuyển sang chế độ riêng tư, nhưng điều cần hơn là rút kinh nghiệm về cách phản ánh.

E2 – máy chỉ nhận bốn từ khoá nên phần còn lại nó ghép ra từ kho văn bản đã học, tức là từ những bản mô tả năng lực chung chung mà nó từng đọc, chứ không phải từ thành tích thật của Minh Quân. Vì thế bản mô tả nghe rất kêu nhưng không kiểm chứng được. Người chịu trách nhiệm về từng chữ trong hồ sơ dự tuyển là người nộp hồ sơ, không phải phần mềm; nếu bị hỏi lại mà không chứng minh được thì mất luôn phần thành tích có thật.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Xếp đúng ít nhất ba nội dung vào cột nên giữ hoặc nên gỡ và nêu được lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Phác được trang giới thiệu năng lực đủ ba mục: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được ít nhất ba câu máy viết không có căn cứ và sửa lại cho trung thực: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được người chịu trách nhiệm về nội dung hồ sơ là chính mình: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh ghi sở thích vào cột khả năng, ví dụ ghi thích vẽ ở cột khả năng. Gợi mở: hỏi em đã vẽ được sản phẩm nào và ai đã xem, nếu chưa có thì đó vẫn là sở thích.

Lỗi 2 – bảng đôi chiều điền đầy dấu tích ở mọi dòng cho đẹp. Gợi mở: chỉ lại hai dòng để trống trong bảng mẫu trang 79 và 80, giải thích đó là chỗ sách cố tình để trống và hỏi em dòng nào em thật sự chưa có dẫn chứng.

Lỗi 3 – kế hoạch rèn luyện ghi biện pháp chung chung như cố gắng chăm chỉ hơn. Gợi mở: yêu cầu đổi thành một việc làm được trong tuần này, có thể đếm được số lần.

Lỗi 4 – cột thời gian ghi mơ hồ như thường xuyên hoặc khi rảnh. Gợi mở: chỉ vào bảng mẫu trang 80 và 81 với các mốc hằng ngày, mỗi tuần một buổi, theo lịch của nhà trường và địa phương, rồi yêu cầu chọn một mốc tương tự.

Lỗi 5 – học sinh giữ nguyên bản mô tả do máy viết vì thấy câu văn hay. Gợi mở: hỏi câu này dựa vào dòng nào trong bảng thành tích thật; không chỉ được thì phải sửa hoặc bỏ.

Lỗi 6 – lớp bình luận nghề của bạn là dễ hay khó, sang hay hèn. Gợi mở: nhắc lại quy ước ở tiết 85 và chuyển câu hỏi sang hướng tìm hiểu, ví dụ nghề ấy cần gì mà bạn thấy mình có.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Hiểu biết về nghề và về bản thân	Nêu đủ yêu cầu của nghề và đối chiếu được với bản thân, mỗi mục có dẫn chứng.	Nêu được yêu cầu chính của nghề và vài điểm phù hợp của bản thân.	Chưa nêu được yêu cầu của nghề, hoặc đối chiếu mà không dẫn ra được việc mình đã làm.
Kế hoạch rèn luyện	Đủ bốn cột, biện pháp cụ thể làm được ngay, thời gian rõ và bám đúng điểm còn thiếu.	Có kế hoạch với biện pháp và thời gian cơ bản.	Biện pháp chung chung hoặc thời gian mơ hồ, không bám điểm còn thiếu.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Phân loại đúng dấu vết số kèm lí do, phác được trang giới thiệu năng lực và sửa được bản mô tả của máy cho trung thực.	Nêu đúng nội dung nên gỡ và chỉ ra được vài chỗ máy khen quá.	Tin bản mô tả của máy là đúng, hoặc không nhận ra thông tin cá nhân cần khoá.
Trung thực, hợp tác, an toàn	Tự đánh giá thẳng thắn, tôn trọng lựa chọn của bạn, giữ đúng quy ước dùng hồ sơ giả định.	Hoàn thành nhiệm vụ và tham gia góp ý cho bạn.	Tô hồng hồ sơ, bình luận về bạn hoặc vi phạm quy ước an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 10. QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP VÀ CHUẨN BỊ TÂM LÍ THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG MỚI

(Số tiết: 12 — tiết 93 đến tiết 96 và tiết 98 đến tiết 105)

Tiết 97 là tiết Đánh giá cuối kì II theo phân phối chương trình, xen giữa tiết 96 và tiết 98.

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Liệt kê được cách thức chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai qua hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 85.
- Nêu được những việc học sinh cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.
- Kể được ít nhất bốn biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.

- Phân tích và xử lý được các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp khi các nguồn thông tin mâu thuẫn nhau.
- Thể hiện được tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp qua hai tình huống ở sách giáo khoa trang 88.
- Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè và chuyên gia làm cơ sở cho việc chọn hướng học tập nghề nghiệp của bản thân.
- Đưa ra được quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân và xác định được biện pháp học tập, rèn luyện theo quyết định ấy.
- Thể hiện được bản lĩnh của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích qua hai tình huống sắm vai ở trang 89.
- Lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo biểu mẫu ở trang 90, thực hiện trải nghiệm thực tế, viết thu hoạch và báo cáo kết quả.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi phân tích, đối chiếu thông tin để ra quyết định chọn nghề, chọn ngành, chọn trường; năng lực thích ứng với cuộc sống khi chuẩn bị tâm lý cho môi trường học tập và làm việc hoàn toàn mới.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; giao tiếp và hợp tác khi tham khảo ý kiến người lớn và thuyết phục gia đình; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lý những nguồn thông tin mâu thuẫn nhau.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

2.3.NC1b – thực hiện được giao dịch và thủ tục trực tuyến một cách có trách nhiệm. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên chiếu công tuyển sinh chính thức lên tivi và đi qua từng bước của quy trình đăng ký nguyện vọng; học sinh làm trên phiếu giấy mô phỏng theo đúng thứ tự các bước ấy với một hồ sơ giả định, đối chiếu từng mục khai với đề án tuyển sinh đã in sẵn, đánh dấu chỗ khai sai và ghi rõ hậu quả của mỗi chỗ sai. Học sinh không tự đăng ký nguyện vọng thật trong giờ học.

12.B3 – trách nhiệm trong hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên phát bản in một bản tư vấn chọn ngành do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra cho hồ sơ giả định; học sinh đối chiếu từng thông tin trong bản tư vấn với đề án tuyển sinh chính thức đã in, đánh dấu thông tin đúng, thông tin sai và thông tin không kiểm chứng được, rồi viết một đoạn ngắn nêu trách nhiệm của mình nếu chuyển bản tư vấn chưa kiểm chứng ấy cho bạn.

Minh chứng: phiếu mô phỏng quy trình đăng ký nguyện vọng có đánh dấu chỗ khai sai và hậu quả; bảng đối chiếu bản tư vấn của máy với đề án tuyển sinh chính thức theo ba mức đúng, sai, chưa kiểm chứng được; đoạn viết về trách nhiệm khi chia sẻ lại tư vấn; phiếu quyết định chọn nghề, chọn ngành, chọn trường; kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: tự chịu trách nhiệm về quyết định chọn nghề của mình và về thông tin mình chia sẻ cho người khác.

Trung thực: khai đúng thông tin trong hồ sơ, không nói quá về năng lực của mình.

Chăm chỉ: kiên trì theo đuổi nghề mình yêu thích và bền bỉ chuẩn bị cho kì thi sắp tới.

Nhân ái: lắng nghe gia đình, tôn trọng lựa chọn của bạn và không đem điểm số hay nguyện vọng của bạn ra bàn tán.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 83–90 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có kết nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, thẻ giấy hai màu; bản in hai trường hợp chuẩn bị tâm lí ở trang 85, trường hợp bạn Hương ở trang 86, hai trường hợp thông tin mâu thuẫn ở trang 87, hai tình huống ở trang 88 và hai tình huống sắm vai ở trang 89; bản in biểu mẫu Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trang 90 khổ A3; bản in đề án tuyển sinh chính thức của hai đến ba cơ sở đào tạo và bản in hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm gần nhất; một hồ sơ giả định của học sinh lớp 12 kèm phiếu mô phỏng quy trình đăng kí nguyện vọng do giáo viên tự soạn; bản in một bản tư vấn chọn ngành do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra cho hồ sơ giả định ấy; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; danh sách nghề, ngành và trường mình đang cân nhắc; một câu hỏi mình muốn hỏi người lớn về việc chọn nghề.

Phương án dự phòng: phiếu mô phỏng quy trình đăng kí nguyện vọng, đề án tuyển sinh và bản tư vấn của máy đều đã được in sẵn trước giờ học, nên khi mất điện hoặc không có mạng thì mọi nhiệm vụ vẫn chạy đủ trên giấy; phần chiếu công tuyển sinh chuyển sang mô tả bằng bản in các bước và sẽ chiếu lại khi có điện.

An toàn: phần thảo tác trên công tuyển sinh do giáo viên thực hiện trên máy của lớp và chỉ để minh họa; học sinh KHÔNG đăng kí nguyện vọng thật trong giờ học, không nhập tài khoản, mã học sinh hay số căn cước của mình vào bất kì trang nào, mọi thao tác làm mẫu đều dùng hồ sơ giả định. Học sinh KHÔNG bắt buộc phải nói nguyện vọng thật hoặc điểm số của mình trước lớp; em nào muốn giữ riêng thì nộp phiếu cho giáo viên trong phong bì dán kín. Lớp không bàn tán về nguyện vọng, điểm số hay hoàn cảnh kinh tế của bạn. Khi đi trải nghiệm tại cơ sở nghề nghiệp, học sinh phải có sự đồng ý của gia đình, đi theo nhóm có người lớn phụ trách và tuân thủ nội quy an toàn của cơ sở.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: chuẩn bị tâm lí cho môi trường mới → dựng tâm thế sẵn sàng → hiểu thế nào là bản lĩnh theo đuổi nghề → lọc thông tin cho sạch → hỏi ý kiến người lớn → ra quyết định và tự chịu trách nhiệm → giữ vững quyết định trước rào cản → đi trải nghiệm thật và báo cáo.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
93	Bước vào môi trường hoàn toàn mới, người ta chuẩn bị tâm lí ra sao?	Bảng phân tích hai trường hợp Nhật Linh và Hoàng Hải	45 phút
94	Học sinh cần làm gì để chuẩn bị tâm lí cho môi trường mới?	Danh sách việc cần làm của lớp, phân theo ba hướng	45 phút
95	Tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp trông như thế nào?	Bảng biểu hiện tâm thế sẵn sàng và việc cần làm	45 phút
96	Bản lĩnh theo đuổi nghề yêu thích thế	Phiếu phân tích trường hợp bạn	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nói tiếp	Thời gian
	hiện ở đâu?	Hương và danh sách biểu hiện	
98	Hai nguồn tin trái nhau thì tin nguồn nào?	Quy trình bốn bước xử lý thông tin nghề nghiệp	45 phút
99	Bản tư vấn chọn ngành do máy viết có dùng được không?	Bảng đối chiếu ba mức và đoạn viết về trách nhiệm chia sẻ	45 phút
100	Khai hồ sơ đăng kí nguyện vọng sai một mục thì hậu quả ra sao?	Phiếu mô phỏng quy trình đăng kí có đánh dấu chỗ khai sai	45 phút
101	Em thể hiện tâm thế sẵn sàng trong tình huống cụ thể thế nào?	Phương án xử lý hai tình huống của Mai và Cường	45 phút
102	Người lớn nói gì về lựa chọn của em?	Phiếu tham khảo ý kiến và bảng khó khăn có thể gặp	45 phút
103	Quyết định cuối cùng của em là gì và em rèn luyện ra sao?	Phiếu quyết định chọn nghề, ngành, trường kèm biện pháp	45 phút
104	Gặp phản đối và trở ngại thì em giữ vững bằng cách nào?	Hai kịch bản sắm vai tình huống Long và Hà	45 phút
105	Em sẽ đi trải nghiệm ở đâu và chuẩn bị những gì?	Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 93. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ TÌM HIỂU CÁCH CHUẨN BỊ TÂM LÍ CHO MÔI TRƯỜNG MỚI

Hoạt động 1. Mở đầu – Còn mấy tháng nữa lớp mình sẽ đi mỗi người một ngả (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên sự quan tâm với chặng cuối của lớp 12 và làm xuất hiện câu hỏi lớn: bước vào một môi trường hoàn toàn xa lạ thì cần chuẩn bị những gì.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 83 về nhiều người mặc trang phục của các nghề khác nhau, rồi nói ngắn một câu về mốc thời gian: đây là chủ đề cuối cùng của mười hai năm học. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1 về điều mình mong và điều mình lo khi rời ghế nhà trường.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; hai cột mong và lo do lớp gom lại trên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 83, phát Phụ lục 1 và nêu ba câu hỏi ở mục A, yêu cầu mỗi em viết thật ngắn trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh viết câu trả lời cá nhân. Giáo viên đi một vòng và nói rõ với cả lớp: các em có thể viết điều mình lo mà không phải đọc lên nếu không muốn.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn học sinh chia sẻ. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột mong và lo, không bình luận, chỉ gom những điều trùng nhau lại thành một dòng.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Cột lo trên bảng phần lớn đến từ chỗ chưa biết môi trường mới ra sao. Chủ đề cuối cùng này làm đúng một việc là biến những điều chưa biết ấy thành việc chuẩn bị được, để đến ngày rời trường các em đi mà vững.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

- a) **Mục tiêu:** Đi hết chín định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 84, từ chuẩn bị tâm lí đến quyết định chọn nghề và kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.
- b) **Nội dung:** Mười tám nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 93 đến tiết 104, tám tám hoạt động của sách giáo khoa từ trang 85 đến trang 90.
- c) **Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên, lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.
- d) **Tổ chức thực hiện**

Nhiệm vụ 2.1. Phân tích cách chuẩn bị tâm lí của Nhật Linh và Hoàng Hải (37')

- a) **Mục tiêu:** Phân tích được cách chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường học tập và làm việc tương lai của hai bạn trong sách giáo khoa trang 85.
- b) **Nội dung:** Học sinh đọc hai trường hợp ở trang 85. Nhật Linh muốn học Trường Đại học Y để trở thành bác sĩ đa khoa, biết ngành này cần năng lực học tập tốt, chăm chỉ và kiên trì vì phải thực hành nhiều ở bệnh viện, nên bạn cố gắng học tập, cân bằng thời gian, chuẩn bị sức khoẻ và tâm lí ứng phó với căng thẳng, đồng thời chủ động hỏi các anh chị đã học ở trường. Hoàng Hải muốn thành phi công dân dụng, biết nghề này yêu cầu cao về thể lực, giao tiếp linh hoạt, khả năng tập trung, ngoại ngữ và kĩ năng xử lí tình huống bảo đảm an toàn bay, nên bạn rèn thể lực thường xuyên, tăng cường học ngoại ngữ, đăng kí khoá học dự bị để trải nghiệm nghề và theo dõi các diễn đàn đào tạo nghề phi công.
- c) **Sản phẩm:** Bảng bốn cột của nhóm cho hai trường hợp gồm nghề hoặc trường muốn vào, yêu cầu của môi trường ấy, việc bạn đã làm để chuẩn bị, và điều bạn ấy còn có thể làm thêm.
- d) **Tổ chức thực hiện**

1. **Chuyển giao nhiệm vụ (4'):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát bản in hai trường hợp và kẻ mẫu bốn cột lên bảng, nêu rõ cột thứ tư là chỗ nhóm phải nghĩ thêm chứ sách không cho sẵn.
2. **Thực hiện nhiệm vụ (18'):** Các nhóm đọc và điền bảng. Giáo viên đi từng nhóm gợi ý bằng câu hỏi: việc bạn ấy làm nhằm đáp ứng đúng yêu cầu nào của nghề, và trong những việc ấy việc nào học sinh lớp mình cũng làm được ngay từ bây giờ.
3. **Báo cáo, thảo luận (10'):** Ba nhóm trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp so sánh hai bạn: Nhật Linh chủ yếu chuẩn bị cho môi trường học tập, Hoàng Hải chuẩn bị cho cả môi trường học tập lẫn yêu cầu thể chất của nghề.
4. **Kết luận, nhận định (5'):** GV chốt: Chuẩn bị tâm lí không phải là ngồi lo mà là ba việc rất cụ thể: tìm hiểu yêu cầu của môi trường mình sắp vào, nhận diện phần khó nhất với riêng mình, và bắt đầu rèn phần ấy từ hôm nay. Hai bạn trong sách đều làm đủ ba việc đó.

TIẾT 94. NHỮNG VIỆC HỌC SINH CẦN LÀM ĐỂ CHUẨN BỊ TÂM LÍ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã phân tích cách hai bạn trong sách chuẩn bị. Tiết này chuyển sang chính lớp mình: những việc ấy dịch ra thành việc làm được của học sinh lớp 12 thì là gì.

Nhiệm vụ 2.2. Kể những trường hợp chuẩn bị tâm lý mà em biết (18')

- a) Mục tiêu:** Kể được một trường hợp chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai mà bản thân biết và chỉ ra được cách chuẩn bị của người đó.
- b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 85, mỗi học sinh kể một trường hợp có thật: anh chị khoá trên vừa vào đại học, người thân đi làm xa, hoặc một người mình đọc được. Bài kể nêu rõ người ấy vào môi trường nào và đã chuẩn bị những gì trước khi vào.
- c) Sản phẩm:** Thẻ trường hợp của mỗi học sinh gồm ba dòng: người ấy vào môi trường nào, đã chuẩn bị những gì, và kết quả sau khi vào ra sao.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'):** Giáo viên nêu quy ước kể chuyện: không nêu tên đầy đủ của người thật, không kể chuyện riêng của gia đình họ, chỉ kể phần liên quan đến việc chuẩn bị.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (8'):** Học sinh viết thẻ rồi kể theo nhóm bốn người. Mỗi nhóm chọn một trường hợp đáng nhớ nhất. Giáo viên nhắc phần cần nhất là dòng thứ hai chứ không phải câu chuyện.
- 3. Báo cáo, thảo luận (5'):** Bốn nhóm kể trường hợp đã chọn. Giáo viên ghi lên bảng những cách chuẩn bị được nhắc đến nhiều lần, ví dụ hỏi người đi trước, rèn sức khoẻ, học thêm ngoại ngữ.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Người chuẩn bị tốt thường có một điểm chung là đã hỏi người đi trước. Đó là cách rẻ nhất và nhanh nhất để biết môi trường mới thật sự đòi hỏi gì.

Nhiệm vụ 2.3. Lập danh sách việc học sinh cần làm để chuẩn bị tâm lý (24')

- a) Mục tiêu:** Nêu được những việc học sinh cần làm để chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường học tập và làm việc trong tương lai, mỗi việc gắn với một mốc thời gian.
- b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 85, lớp lập danh sách theo ba hướng sách gợi ý: tìm hiểu yêu cầu của môi trường học tập và làm việc tương lai; tìm hiểu những thách thức, khó khăn của môi trường ấy; xác định và thực hiện các biện pháp học tập, rèn luyện để vượt qua khó khăn và đáp ứng yêu cầu. Mỗi nhóm nhận một hướng và viết ít nhất ba việc làm được, kèm mốc thời gian.
- c) Sản phẩm:** Bảng ba hướng trên bảng lớp, mỗi hướng có ít nhất năm việc do các nhóm gộp lại, mỗi việc kèm mốc thời gian cụ thể trong quãng còn lại của năm học.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên chiếu ba hướng gợi ý ở trang 85, chia hướng cho các nhóm bằng bốc thăm và nêu yêu cầu mỗi việc phải kèm mốc thời gian, không viết chung chung.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (11'):** Các nhóm viết việc lên thẻ giấy. Giáo viên đi từng nhóm hỏi: việc này em bắt đầu được từ tuần nào, và ai ở trường hay ở nhà có thể giúp em làm việc đó.
- 3. Báo cáo, thảo luận (7'):** Các nhóm dán thẻ lên bảng theo ba cột và đọc lướt. Lớp gộp các thẻ trùng nhau, sau đó mỗi em chọn ba việc mình cam kết làm và chép vào Phụ lục 1.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ba hướng này chỉ có ích khi biến thành việc có ngày bắt đầu. Ba việc mỗi em vừa chọn sẽ được nhắc lại ở tiết cuối chủ đề để xem đã làm đến đâu.

TIẾT 95. TÂM THỂ SẴN SÀNG BƯỚC VÀO THẾ GIỚI NGHỀ NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước mỗi em đã nhận ba việc chuẩn bị. Tiết này đi sâu hơn một bước: người có tâm thể sẵn sàng bước vào nghề trông như thế nào và lớp mình còn thiếu gì.

Nhiệm vụ 2.4. Nhận diện biểu hiện của tâm thể sẵn sàng (20')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được hiểu biết của bản thân về những biểu hiện của tâm thể sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.

b) Nội dung: Từ phần gợi ý ở sách giáo khoa trang 85, lớp phân tích năm biểu hiện: mong muốn tham gia vào một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể; biết được khó khăn, thách thức của hoạt động nghề nghiệp và của việc hoà nhập với lực lượng lao động; hiểu và tôn trọng đặc điểm của người lao động, quy định của nơi làm việc, văn hoá ứng xử, văn hoá tổ chức và kỉ luật lao động; tự tin khi tham gia hoạt động nghề nghiệp; chủ động tham gia và đáp ứng yêu cầu khi có cơ hội trải nghiệm ở cơ sở nghề nghiệp. Mỗi học sinh tự chấm mình theo năm biểu hiện ấy.

c) Sản phẩm: Thang tự chấm năm biểu hiện của mỗi học sinh theo ba mức đã rõ, đang hình thành, chưa có; kèm một dẫn chứng cho biểu hiện em chấm là đã rõ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên chiếu năm biểu hiện ở trang 85, giải thích riêng biểu hiện thứ ba bằng ví dụ dễ hiểu về giờ giấc và cách xưng hô ở nơi làm việc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Học sinh tự chấm theo ba mức và ghi dẫn chứng. Giáo viên nhắc phiếu này là của riêng em, giáo viên không thu chấm điểm; em nào muốn giữ kín thì gấp lại kẹp trong vở.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba học sinh xung phong chia sẻ một biểu hiện mình chấm là chưa có và lí do. Lớp trao đổi xem biểu hiện nào cả lớp cùng thấy khó nhất.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Tâm thể sẵn sàng không phải là cảm giác hào hứng nhất thời mà là năm biểu hiện đo được. Biểu hiện lớp mình còn yếu nhất chính là chỗ cần đầu tư trong những tháng còn lại.

Nhiệm vụ 2.5. Xác định việc cần làm để có tâm thể sẵn sàng (22')

a) Mục tiêu: Nêu được những việc học sinh cần làm để có tâm thể sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 86, học sinh thảo luận bốn việc được gợi ý: tìm hiểu yêu cầu và ý nghĩa của nghề nghiệp đối với bản thân và xã hội; xác định khó khăn, thách thức và biện pháp vượt qua; chủ động học tập, trang bị kiến thức, kĩ năng và thường xuyên cập nhật kiến thức mới; xác định những người có thể hỗ trợ mình khi bước vào thế giới nghề nghiệp. Mỗi nhóm cụ thể hoá một việc thành hành động của học sinh lớp 12 trường mình.

c) **Sản phẩm:** Bốn tờ giấy A3 tương ứng bốn việc, mỗi tờ có ít nhất ba hành động cụ thể và một danh sách tên người hoặc nơi có thể hỗ trợ.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu bốn việc gợi ý ở trang 86, chia mỗi việc cho một cặp nhóm và phát giấy A3, nêu rõ phải viết ra hành động chứ không viết lại khẩu hiệu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm làm việc. Giáo viên gợi ý riêng cho nhóm nhận việc thứ tư: người hỗ trợ có thể là thầy cô chủ nhiệm, anh chị cựu học sinh, cán bộ tư vấn tuyển sinh của trường đại học, người thân đang làm nghề ấy.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm treo giấy và trình bày, mỗi nhóm một phút rưỡi. Lớp bổ sung tên người và nơi hỗ trợ vào tờ thứ tư để thành danh sách chung của lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Trong bốn việc này, việc dễ bị bỏ qua nhất là xác định người hỗ trợ. Biết trước mình sẽ hỏi ai khi gặp khó là một phần của tâm thế sẵn sàng, không phải là dấu hiệu yếu đuối.

TIẾT 96. BẢN LĨNH THỰC HIỆN ĐAM MÊ THEO ĐUỔI NGHỀ YÊU THÍCH

Kết nối hai tiết (3'): Sẵn sàng thôi chưa đủ, vì trên đường đi sẽ có người ngăn cản. Tiết này tìm hiểu bản lĩnh theo đuổi nghề yêu thích qua câu chuyện của một bạn trong sách.

Nhiệm vụ 2.6. Phân tích trường hợp bạn Hương (20')

a) **Mục tiêu:** Chỉ ra được những biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích của bạn Hương trong trường hợp ở sách giáo khoa trang 86.

b) **Nội dung:** Học sinh đọc trường hợp ở trang 86: gia đình Hương có ba thế hệ đều là họa sĩ và mọi người muốn Hương nối nghề để thừa hưởng kinh nghiệm của người thân, nhưng Hương đam mê công nghệ sinh học và đã đoạt giải Nhì trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh môn Sinh học; ước muốn của Hương là trở thành kĩ sư nông nghiệp để tạo ra giống cây trồng mới nhưng cả nhà đều phản đối. Hương buồn nhưng không nản, một mặt kiên trì thuyết phục gia đình về ý nghĩa của công nghệ sinh học đối với xã hội, mặt khác lập và kiên định thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo yêu cầu của nghề kĩ sư nông nghiệp.

c) **Sản phẩm:** Phiếu phân tích của nhóm gồm ba phần: rào cản Hương gặp, những việc Hương đã làm, và biểu hiện bản lĩnh rút ra từ mỗi việc ấy.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in trường hợp cho sáu nhóm, nêu ba phần phải ghi và lưu ý một điểm: hãy chú ý Hương làm hai việc song song chứ không chỉ một.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm đọc và ghi phiếu. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: nếu Hương chỉ thuyết phục gia đình mà không học thì chuyện gì xảy ra, và ngược lại nếu chỉ lặng lẽ học mà không nói gì với gia đình thì sao.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày. Lớp tranh luận một câu hỏi mở: bản lĩnh khác với cứng đầu ở chỗ nào, và Hương thuộc bên nào.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bản lĩnh của Hương nằm ở chỗ bạn ấy vừa kiên trì đối thoại với gia đình vừa chứng minh bằng kết quả học tập thật. Đó là khác biệt giữa bản lĩnh và cứng đầu: bản lĩnh có bằng chứng đi kèm.

Nhiệm vụ 2.7. Lập danh sách biểu hiện của bản lĩnh theo đuổi nghề (22')

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất bốn biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích và kể được trường hợp mình biết.

b) Nội dung: Theo hai yêu cầu còn lại của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 87, học sinh kể trường hợp mình biết rồi cùng chốt danh sách biểu hiện. Sách gợi ý bốn biểu hiện: tự tin, làm chủ, không dao động trước những ý kiến không tích cực về nghề yêu thích; luôn cố gắng vượt qua rào cản và những ý kiến không ủng hộ; tìm mọi cách thuyết phục người thân nếu có sự ngăn cản; kiên trì rèn luyện phẩm chất và năng lực để đáp ứng yêu cầu của nghề yêu thích.

c) Sản phẩm: Danh sách biểu hiện của lớp gồm bốn biểu hiện sách gợi ý và ít nhất hai biểu hiện lớp bổ sung; mỗi biểu hiện có một ví dụ lấy từ trường hợp bạn Hương hoặc trường hợp học sinh kể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu bốn biểu hiện gợi ý ở trang 87, mời hai học sinh kể ngắn một trường hợp mình biết để cả lớp có thêm chất liệu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm ghép mỗi biểu hiện với một ví dụ và nghĩ thêm biểu hiện mới. Giáo viên gợi ý hướng bổ sung: biết chấp nhận thất bại hoặc học đường vòng, biết tìm người ủng hộ ngoài gia đình.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày biểu hiện mới cùng ví dụ. Lớp chốt danh sách chung và chép vào Phụ lục 1.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bản lĩnh không phải là cãi lại gia đình cho bằng được mà là giữ vững hướng đi của mình bằng đối thoại kiên trì và bằng kết quả có thật. Đây là điều các em sẽ cần đến ngay trong vài tháng tới.

Tiết 97 là tiết Đánh giá cuối kì II theo phân phối chương trình, có kế hoạch riêng, không thuộc tiến trình của chủ đề này. Chủ đề tiếp tục ở tiết 98.

TIẾT 98. PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP KHI CÁC NGUỒN TRÁI NHAU

Kết nối hai tiết (3'): Trước tiết đánh giá cuối kì, lớp đã chốt được danh sách biểu hiện của bản lĩnh. Từ tiết này chuyển sang phân thực tế nhất của chủ đề: xử lý đồng thông tin tuyển sinh đang ngổn ngang.

Nhiệm vụ 2.8. Xử lý hai trường hợp thông tin mâu thuẫn (22')

a) Mục tiêu: Phân tích và xử lý được các thông tin nghề nghiệp và thông tin về cơ sở đào tạo trong hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 87.

b) Nội dung: Học sinh xử lý hai trường hợp ở trang 87. Trường hợp thứ nhất: khi tìm hiểu nghề quản lý khách sạn, An thấy thông tin trên mạng xã hội về thời gian làm việc, tiền lương và chế độ đãi ngộ mâu thuẫn với thông tin từ những người trực tiếp làm nghề này; câu hỏi của sách là nếu em là An, em sẽ làm gì. Trường hợp thứ hai: khi tìm hiểu thông tin tuyển

sinh ngành Giáo dục mầm non của một trường đại học, Hường thấy điều kiện tuyển sinh, yêu cầu học tập và cơ hội phát triển nghề nghiệp được nói khác nhau giữa các trang thông tin, trang tư vấn tuyển sinh và lời kể của người đã học, khiến bạn hoang mang không biết dựa vào đâu để quyết định.

c) Sản phẩm: Phiếu xử lý hai trường hợp của nhóm, mỗi trường hợp nêu ba nguồn thông tin, xếp hạng độ tin cậy của từng nguồn kèm lý do, và nêu việc An hoặc Hường nên làm tiếp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in hai trường hợp cùng bản in đề án tuyển sinh chính thức của hai cơ sở đào tạo, nêu nhiệm vụ và hỏi trước một câu để lớp giữ trong đầu: giữa lời kể trên mạng và văn bản của trường thì thứ nào có người chịu trách nhiệm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm phân tích, xếp hạng nguồn và đề xuất việc nên làm. Giáo viên gợi ý phân biệt ba loại nguồn: văn bản chính thức của cơ sở đào tạo, lời kể của người trong nghề, và nội dung trên mạng xã hội không rõ người viết.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày. Lớp đối chiếu cách xếp hạng của các nhóm, tìm ra chỗ khác nhau và cùng lý giải.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Thông tin trái nhau không có nghĩa là thông tin nào cũng sai. Việc phải làm là tách ra: điều gì có trong văn bản chính thức thì tin, điều gì là trải nghiệm riêng của một người thì ghi nhận nhưng không lấy làm căn cứ chung.

Nhiệm vụ 2.9. Chốt quy trình bốn bước xử lý thông tin nghề nghiệp (20')

a) Mục tiêu: Trình bày được kết quả phân tích và xử lý thông tin dưới dạng một quy trình bốn bước dùng lại được cho mọi ngành, mọi trường.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 87, lớp gom cách làm của các nhóm thành một quy trình chung gồm bốn bước: xác định rõ mình đang cần thông tin gì; liệt kê các nguồn đang có và ghi rõ ai chịu trách nhiệm cho từng nguồn; đối chiếu với văn bản chính thức của cơ sở đào tạo; ghi lại kết luận kèm nguồn để về sau tra lại được.

c) Sản phẩm: Sơ đồ quy trình bốn bước trên giấy A3 dán ở góc lớp và chép vào mục C Phụ lục 1; một ví dụ áp dụng quy trình cho một ngành do lớp chọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu nhiệm vụ gom cách làm của các nhóm thành quy trình chung dùng được cho mọi ngành, và phát giấy A3 cho nhóm ghi sơ đồ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm viết bốn bước theo cách diễn đạt của mình rồi cùng chọn một ngành để thử chạy quy trình. Giáo viên nhắc bước cuối cùng hay bị bỏ: ghi lại nguồn để tra lại.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Hai nhóm trình bày sơ đồ, lớp gộp thành một quy trình chung viết lên bảng và cùng chạy thử với ngành do lớp chọn, giáo viên mở đề án tuyển sinh trên máy để đối chiếu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bốn bước này sẽ được dùng lại ngay ở hai tiết tới khi các em kiểm bản tư vấn của máy và khi rà lại hồ sơ đăng ký nguyện vọng. Đây là quy trình quan trọng nhất của cả chủ đề.

TIẾT 99. KIỂM CHỨNG BẢN TƯ VẤN CHỌN NGÀNH DO MÁY VIẾT

Kết nối hai tiết (3'): Quy trình bốn bước đã có. Tiết này đem quy trình ấy ra thử với một thứ mà nhiều bạn đang dùng để chọn ngành: bản tư vấn do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết.

Nhiệm vụ 2.10. Đối chiếu bản tư vấn của máy với đề án tuyển sinh chính thức (24')

a) Mục tiêu: Kiểm chứng được từng thông tin trong bản tư vấn chọn ngành do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết bằng cách đối chiếu với đề án tuyển sinh chính thức.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in một bản tư vấn chọn ngành dài khoảng mười hai dòng mà phần mềm trí tuệ nhân tạo viết cho một hồ sơ giả định, trong đó có tên ngành, tổ hợp xét tuyển, mức điểm chuẩn năm trước, học phí và cơ hội việc làm. Học sinh đối chiếu từng thông tin với bản in đề án tuyển sinh chính thức của cơ sở đào tạo, xếp mỗi thông tin vào một trong ba mức: đúng, sai, và chưa kiểm chứng được vì đề án không nói tới.

c) Sản phẩm: Bảng đối chiếu ba mức của nhóm ở mục E1 Phụ lục 1, mỗi dòng ghi thông tin của máy, mức đánh giá và chỗ trong đề án dùng làm căn cứ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên phát bản tư vấn và đề án tuyển sinh, nhắc lại quy trình bốn bước ở tiết trước và làm mẫu một dòng trên bảng: đọc thông tin của máy rồi chỉ vào mục tương ứng trong đề án.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm đối chiếu và điền bảng. Giáo viên đi từng nhóm, lưu ý mức thứ ba dễ bị bỏ qua: câu như cơ hội việc làm rất rộng mở thì không kiểm chứng được vì đề án không có số liệu nào cho câu ấy.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày, mỗi nhóm hai phút, tập trung vào những dòng xếp mức sai và mức chưa kiểm chứng được. Lớp đếm xem trong mười hai dòng thì có bao nhiêu dòng đúng.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Máy trả lời rất nhanh và rất trôi chảy, nhưng số liệu tuyển sinh thay đổi từng năm còn máy thì trả lời theo những gì nó đã học được. Bản tư vấn chỉ dùng để gợi hướng tìm, không dùng làm căn cứ quyết định.

Nhiệm vụ 2.11. Trách nhiệm của em khi chia sẻ lại một bản tư vấn (18')

a) Mục tiêu: Nêu được trách nhiệm của bản thân khi chuyển cho bạn một bản tư vấn chọn ngành chưa được kiểm chứng.

b) Nội dung: Học sinh trả lời tình huống do giáo viên nêu: em chụp lại bản tư vấn của máy rồi gửi cho nhóm lớp, một bạn tin theo mà đăng kí nhằm tổ hợp xét tuyển. Mỗi em viết một đoạn khoảng năm dòng nêu ba ý: chuyện gì đã xảy ra với bạn ấy, phần trách nhiệm thuộc về ai, và lần sau em sẽ làm khác đi thế nào.

c) Sản phẩm: Đoạn viết năm dòng của mỗi học sinh ở mục E2 Phụ lục 1; ba quy ước chia sẻ thông tin tuyển sinh do lớp cùng thống nhất và dán ở góc lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu tình huống và ba ý bắt buộc phải có trong đoạn viết, nhấn mạnh đây là tình huống rất dễ xảy ra trong nhóm lớp vào mùa tuyển sinh.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh viết đoạn cá nhân rồi đọc cho bạn cùng bàn nghe. Giáo viên đi một vòng, hỏi lại em nào viết rằng lỗi hoàn toàn thuộc về bạn kia: người gửi có phần nào không.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn học sinh đọc đoạn viết. Lớp cùng rút ra ba quy ước chia sẻ thông tin tuyển sinh, ví dụ luôn kèm nguồn, ghi rõ chưa kiểm chứng, không chuyển tiếp thông tin về điểm chuẩn khi chưa tra đề án.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người bấm nút gửi là người chịu một phần trách nhiệm về hậu quả. Máy không chịu trách nhiệm thay ai; trong mùa tuyển sinh, một tin sai lan trong nhóm lớp có thể làm hỏng nguyện vọng của một người bạn.

TIẾT 100. RÀ LẠI QUY TRÌNH ĐĂNG KÍ NGUYỆN VỌNG TRÊN HỒ SƠ GIẢ ĐỊNH

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã biết không tin ngay bản tư vấn của máy. Tiết này rà đến khâu cuối cùng và cũng dễ sai nhất: các mục phải khai khi đăng kí nguyện vọng.

Nhiệm vụ 2.12. Đi hết quy trình đăng kí nguyện vọng trên phiếu mô phỏng (24')

a) Mục tiêu: Thực hiện được đúng thứ tự các bước của quy trình đăng kí nguyện vọng trên phiếu mô phỏng với hồ sơ giả định và đối chiếu được từng mục khai với đề án tuyển sinh.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu công tuyển sinh chính thức lên tivi và đi qua từng bước của quy trình đăng kí nguyện vọng, vừa đi vừa gọi tên từng mục phải khai. Học sinh làm trên phiếu giấy mô phỏng do giáo viên soạn, dùng hồ sơ giả định, điền theo đúng thứ tự các bước và đối chiếu từng mục với bản in đề án tuyển sinh. Học sinh không đăng kí nguyện vọng thật trong giờ học.

c) Sản phẩm: Phiếu mô phỏng quy trình đăng kí nguyện vọng của mỗi học sinh, điền đủ các mục theo đúng thứ tự bước, có đánh dấu ở lề mục nào phải tra đề án mới điền được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên thao tác trên máy của lớp, chiếu từng bước của quy trình lên tivi và phát phiếu mô phỏng cùng hồ sơ giả định. Giáo viên nói rõ trước lớp: hôm nay không ai đăng nhập tài khoản thật, không ai nhập số căn cước hay mã học sinh của mình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Học sinh điền phiếu theo hồ sơ giả định, đối chiếu với đề án tuyển sinh và đánh dấu những mục phải tra mới điền được. Giáo viên đi từng bàn, nhắc thứ tự nguyện vọng và mã tổ hợp là hai chỗ hay điền vội.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn học sinh trình bày phiếu của mình. Lớp đối chiếu chéo, tìm ra mục nào nhiều bạn cùng điền khác nhau và cùng tra lại đề án trên máy của lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Mỗi mục trong hồ sơ đều có một chỗ để tra, không mục nào được điền theo trí nhớ hay theo lời bạn. Đi chậm ở khâu này rẻ hơn rất nhiều so với sửa sai về sau.

Nhiệm vụ 2.13. Tìm chỗ khai sai và hậu quả của từng chỗ sai (18')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những chỗ khai sai trong một hồ sơ đăng kí nguyện vọng giả định đã điền sẵn và nêu được hậu quả của từng chỗ sai.

b) Nội dung: Giáo viên phát một phiếu đăng kí nguyện vọng giả định đã điền sẵn, trong đó có bốn chỗ sai được cài: khai sai mã tổ hợp, sắp thứ tự nguyện vọng ngược với mong muốn thật, khai một chứng chỉ chưa có trong tay, và bỏ trống mục xác nhận. Học sinh tìm cả bốn chỗ, ghi hậu quả và cách sửa.

c) **Sản phẩm:** Bảng ba cột của nhóm gồm chỗ khai sai, hậu quả có thể xảy ra và cách sửa; ghi ở mục D2 Phụ lục 1.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát phiếu đã điền sẵn, cho biết trong phiếu có bốn chỗ sai và yêu cầu tìm đủ cả bốn, nêu rõ hậu quả chứ không chỉ khoanh tròn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Các nhóm dò phiếu và điền bảng ba cột. Giáo viên gợi ý cho nhóm còn thiếu bằng câu hỏi: mục nào mà khai sai thì hệ thống không báo lỗi nhưng người khai vẫn thiệt.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày. Lớp thống nhất mức độ nặng nhẹ của bốn chỗ sai và chỉ ra chỗ sai nào không sửa lại được sau khi đã hết hạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chỗ sai nguy hiểm nhất không phải chỗ hệ thống báo đỏ mà là chỗ hệ thống vẫn nhận, ví dụ thứ tự nguyện vọng đặt ngược. Người xác nhận cuối cùng là em, nên hãy đọc lại toàn bộ trước khi bấm xác nhận.

TIẾT 101. THỂ HIỆN TÂM THẾ SẴN SÀNG QUA TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

Kết nối hai tiết (3'): Hồ sơ đã biết khai cho đúng. Tiết này quay lại phần bên trong con người: gặp việc thật của nghề mình chọn, em phản ứng ra sao.

Nhiệm vụ 2.14. Xử lý hai tình huống của Mai và Cường (24')

a) **Mục tiêu:** Đề xuất được những việc cần làm để thể hiện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp trong hai tình huống ở sách giáo khoa trang 88.

b) **Nội dung:** Học sinh xử lý hai tình huống ở trang 88. Tình huống thứ nhất: Mai quyết định chọn nghề giáo viên mầm non; trong một lần đi trải nghiệm ở trường mầm non, Mai chứng kiến các bé quấy khóc, chưa có khả năng tự phục vụ, các cô giáo tuy vất vả nhưng vẫn nói năng nhẹ nhàng và tỉ mỉ chăm sóc từng em; sách hỏi nếu là Mai thì em sẽ làm gì để thể hiện tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động nghề nghiệp. Tình huống thứ hai: Cường muốn thi vào Trường Đại học Xây dựng để trở thành kỹ sư xây dựng, biết nghề này cần sức khỏe vì phải di chuyển nhiều, làm việc ngoài trời và luôn mặc đồ bảo hộ khi đến công trình đang xây dựng; sách hỏi nếu là Cường thì em sẽ làm gì.

c) **Sản phẩm:** Phương án xử lý của nhóm cho mỗi tình huống, gồm việc làm ngay trong tuần này, việc rèn trong ba tháng tới và một câu tự nhủ để giữ tâm thế khi gặp phần vất vả của nghề.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia mỗi tình huống cho ba nhóm và nêu ba phần phải có trong phương án. Giáo viên lưu ý: tình huống của Mai không hỏi Mai có nên đổi nghề hay không mà hỏi bạn ấy làm gì để sẵn sàng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm xây dựng phương án. Giáo viên gợi ý: với Mai có thể là xin đi trải nghiệm thêm buổi nữa, học cách dỗ trẻ, tìm hiểu quy định của trường mầm non; với Cường có thể là lập lịch rèn thể lực, tìm hiểu quy tắc an toàn lao động ở công trường.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Hai nhóm cùng tình huống trình bày liên nhau để lớp so sánh. Lớp góp ý riêng cho phần câu tự nhủ, vì đó là chỗ dễ viết sáo.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Thấy phần vất vả của nghề mà vẫn muốn theo, đó mới là tâm thế sẵn sàng. Người sẵn sàng không phải người không thấy khó, mà là người biết khó ở đâu và đã bắt đầu chuẩn bị cho cái khó ấy.

Nhiệm vụ 2.15. Chia sẻ việc bản thân cần làm để sẵn sàng (18')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được những việc bản thân cần làm để chuẩn bị tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp mà mình đã chọn.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 88, mỗi học sinh viết ba việc cho riêng nghề mình chọn theo ba mốc: việc làm ngay trong tuần này, việc làm trong ba tháng tới, và việc làm ngay sau khi biết kết quả xét tuyển.

c) Sản phẩm: Thẻ ba mốc của mỗi học sinh, mỗi mốc một việc cụ thể; thẻ được kẹp vào Phụ lục 1 để đối chiếu ở tiết cuối.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát thẻ giấy, giải thích ba mốc thời gian và lưu ý mốc thứ ba hay bị bỏ qua trong khi đó lại là lúc dễ hụt hẫng nhất.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh viết thẻ cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào còn phân vân giữa hai nghề bằng cách gợi ý viết cho nghề mình nghiêng về nhiều hơn, không bắt phải chốt.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn học sinh chia sẻ thẻ của mình, mỗi em một phút. Lớp lắng nghe và ghi lại việc nào mình cũng muốn làm theo.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ba mốc này giữ cho các em không bị trôi trong quãng thời gian nhiều biến động sắp tới. Nhất là mốc thứ ba: dù kết quả ra sao thì việc tiếp theo vẫn đã được nghĩ sẵn từ hôm nay.

TIẾT 102. THAM KHẢO Ý KIẾN NGƯỜI LỚN VÀ NHẬN DIỆN KHÓ KHĂN

Kết nối hai tiết (3'): Đến đây mỗi em đã có đủ thông tin và đã rèn tâm thế. Hai tiết tới là lúc ra quyết định, và trước khi quyết thì cần nghe những người hiểu mình.

Nhiệm vụ 2.16. Tham khảo ý kiến gia đình, thầy cô, bạn bè và chuyên gia (22')

a) Mục tiêu: Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè và chuyên gia về việc chọn hướng học tập, chọn nghề của bản thân và ghi lại được ý kiến ấy.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 88, học sinh chuẩn bị câu hỏi và ghi lại ý kiến đã tham khảo theo hai hướng sách gợi ý: mức độ phù hợp về phẩm chất và năng lực của bản thân với nghề, và trường đào tạo nghề định lựa chọn. Trong tiết học, học sinh luyện đặt câu hỏi qua sắm vai; việc hỏi người thật được giao về nhà thực hiện trước tiết sau.

c) Sản phẩm: Phiếu tham khảo ý kiến của mỗi học sinh ở mục D3 Phụ lục 1 với bốn cột: người được hỏi, câu em hỏi, ý kiến của người ấy, và điều em thấy đáng suy nghĩ nhất; ít nhất hai dòng đã hoàn thành bằng sắm vai trong tiết.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát phiếu bốn cột, làm mẫu cách đặt câu hỏi mở: thay vì hỏi con có nên học ngành này không thì hỏi bố mẹ thấy con hợp với việc gì và vì sao.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh sắm vai theo cặp, một em đóng người thân hoặc thầy cô, em kia hỏi rồi ghi phiếu, sau đó đổi vai. Giáo viên đi từng cặp, gợi ý câu hỏi cho em nào còn bí và nhắc ghi lại nguyên ý người ta nói chứ đừng ghi lại điều mình muốn nghe.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh chia sẻ một ý kiến mình vừa ghi được và cảm nhận về ý kiến ấy. Lớp bàn một câu hỏi chung: nếu ý kiến người lớn trái với mong muốn của mình thì làm gì tiếp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Tham khảo không có nghĩa là nghe theo. Việc của em là thu đủ ý kiến, hiểu vì sao mỗi người nói vậy, rồi tự cân nhắc. Người quyết định cuối cùng vẫn là em, và cũng chính em là người sống với quyết định ấy.

Nhiệm vụ 2.17. Xác định khó khăn, thách thức và rào cản có thể gặp (20')

a) Mục tiêu: Xác định được những khó khăn, thách thức và rào cản bản thân có thể đối mặt khi thực hiện quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 88, học sinh nhận diện khó khăn theo ba hướng sách gợi ý: khó khăn liên quan đến quyết định của bản thân so với mong muốn, kì vọng hoặc định hướng của gia đình; khó khăn liên quan đến sự chưa phù hợp giữa năng lực, kết quả học tập, phẩm chất của bản thân với yêu cầu của nghề; khó khăn khi thu thập và xử lý thông tin nghề nghiệp. Mỗi khó khăn được ghép với một cách ứng phó.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột khó khăn – cách ứng phó của mỗi học sinh, có ít nhất ba dòng bao đủ ba hướng gợi ý; mỗi cách ứng phó nêu rõ em sẽ nhờ ai giúp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên chiếu ba hướng gợi ý ở trang 88 và nêu yêu cầu mỗi khó khăn phải kèm cách ứng phó có tên người hỗ trợ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Học sinh làm phiếu cá nhân rồi trao đổi theo nhóm bốn để bạn bổ sung khó khăn mình chưa nghĩ tới. Giáo viên đi từng nhóm, lưu ý các em không biến phần này thành nơi kể chuyện riêng của gia đình.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm nêu khó khăn xuất hiện nhiều nhất trong nhóm mình. Giáo viên ghi lên bảng và lớp cùng bàn cách ứng phó cho hai khó khăn phổ biến nhất.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Khó khăn nêu ra rồi thì bớt đáng sợ đi một nửa, vì nó chuyển từ nỗi lo mơ hồ thành việc có thể chuẩn bị. Bảng này nên giữ lại và mở ra xem vào những ngày các em thấy chông chênh.

TIẾT 103. RA QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGHỀ, CHỌN NGÀNH HỌC, CHỌN TRƯỜNG

Kết nối hai tiết (3'): Thông tin đã lọc, ý kiến đã nghe, khó khăn đã lường. Tiết này là lúc đặt bút xuống và quyết định, kèm theo đó là việc học tập, rèn luyện để đi đến cùng.

Nhiệm vụ 2.18. Ghi phiếu quyết định và biện pháp học tập, rèn luyện (42')

a) Mục tiêu: Đưa ra được quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân và xác định được biện pháp học tập, rèn luyện theo quyết định ấy.

b) Nội dung: Theo hai yêu cầu cuối của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 88 và 89, mỗi học sinh ghi phiếu quyết định gồm nghề, ngành học, trường và lí do, sau đó xác định biện pháp theo hai nhóm mà sách gợi ý. Nhóm biện pháp học tập có bốn việc: xác định mục tiêu học tập, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp, phân bổ thời gian khoa học, tìm kiếm sự hỗ trợ từ cha mẹ, thầy cô, bạn bè. Nhóm biện pháp rèn luyện có hai việc: xây dựng kế hoạch cụ thể, phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

c) Sản phẩm: Phiếu quyết định của mỗi học sinh ở mục D4 Phụ lục 1 gồm nghề, ngành, trường, ba dòng lí do và sáu biện pháp theo hai nhóm, mỗi biện pháp có mốc thời gian; em nào muốn giữ riêng thì nộp trong phong bì dán kín.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát phiếu quyết định và nói rõ quy ước của tiết học: không em nào bắt buộc phải đọc nguyện vọng thật của mình trước lớp; ai muốn giữ riêng thì nộp cho giáo viên trong phong bì dán kín. Giáo viên chiếu sáu biện pháp gợi ý ở trang 89.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Học sinh ghi phiếu quyết định và điền sáu biện pháp kèm mốc thời gian. Giáo viên đi từng bàn, hỏi hai câu cho mỗi em: quyết định này dựa vào thông tin nào em đã tra được, và trong sáu biện pháp thì biện pháp nào em bắt đầu ngay tuần này.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Học sinh trao đổi phiếu theo cặp với bạn mình tin cậy, góp ý cho nhau theo hai câu hỏi: lí do đã đủ thuyết phục chưa và biện pháp có làm được không. Sau đó bốn em xung phong trình bày phiếu của mình trước lớp, mỗi em hai phút rưỡi.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một quyết định vững có ba chân: dựa trên thông tin đã kiểm chứng, hợp với phẩm chất và năng lực thật của mình, và kèm theo việc làm cụ thể ngay từ tuần này. Thiếu chân thứ ba thì quyết định chỉ là mong muốn.

TIẾT 104. GIỮ VỮNG QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC RÀO CẢN VÀ NGĂN CẢN

Kết nối hai tiết (3'): Quyết định đã có trên giấy. Nhưng quyết định chỉ thành thật khi giữ được lúc gặp phản đối. Tiết này luyện đúng việc ấy qua hai tình huống của sách.

Hoạt động 3. Luyện tập – Sắm vai thể hiện bản lĩnh trong hai tình huống (26')

a) Mục tiêu: Thể hiện được bản lĩnh và đam mê theo đuổi nghề yêu thích qua hai tình huống sắm vai ở sách giáo khoa trang 89.

b) Nội dung: Học sinh sắm vai hai tình huống ở trang 89. Tình huống thứ nhất: Long ngưỡng mộ thầy cô và rất thích nghề giáo viên nhưng mắc tật nói ngọng, đây là trở ngại để theo đuổi nghề mình yêu thích; Long biết sửa được tật ấy phải có ý chí, quyết tâm và sự kiên trì, hơn nữa gia đình lại muốn bạn học ngành kinh tế nên đã ngăn cản; sách hỏi nếu là Long thì em sẽ làm gì. Tình huống thứ hai: Hà mơ ước trở thành chiến sĩ công an, Hà thông minh nhanh trí nhưng hơi nhút nhát, bố mẹ ngăn cản vì sợ Hà vất vả và cho rằng tính nhút nhát không phù hợp với nghề này; sách hỏi nếu là Hà thì em sẽ làm gì.

c) **Sản phẩm:** Kịch bản sắm vai của nhóm dài khoảng mười lượt lời cho mỗi tình huống, chỉ rõ lượt nào dùng lí lẽ thuyết phục và lượt nào đưa ra bằng chứng về sự chuẩn bị của nhân vật.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia mỗi tình huống cho ba nhóm, phân vai gồm nhân vật, phụ huynh và người quan sát; nêu yêu cầu kịch bản phải có cả lí lẽ lẫn bằng chứng, giống cách bạn Hương đã làm ở tiết 96.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai. Giáo viên gợi ý: Long cần cho thấy kế hoạch sửa tật nói ngọng có mốc thời gian; Hà cần cho thấy mình đã làm gì để bớt nhút nhát, ví dụ nhận nhiệm vụ trước lớp.

3. Báo cáo, thảo luận (8'): Bốn nhóm sắm vai trước lớp, mỗi nhóm hai phút. Người quan sát của các nhóm khác ghi lại lượt lời nào làm phụ huynh trong vai bắt đầu dịu đi và vì sao.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Trong cả hai tình huống, lời nói suông không lay chuyển được ai. Điều làm người thân yên tâm là thấy con mình đã có kế hoạch, đã bắt đầu làm và biết rõ chỗ yếu của mình đang được xử lí đến đâu.

Nhiệm vụ 2.19. Chia sẻ việc làm thể hiện bản lĩnh của chính em (16')

a) **Mục tiêu:** Chia sẻ được những việc làm thể hiện bản lĩnh và đam mê theo đuổi nghề nghiệp yêu thích của bản thân.

b) **Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 89, mỗi học sinh viết hai việc mình đã làm hoặc sẽ làm để giữ vững lựa chọn nghề của mình, mỗi việc kèm một trở ngại cụ thể mà việc ấy nhằm vượt qua.

c) **Sản phẩm:** Thẻ bản lĩnh của mỗi học sinh gồm hai dòng, mỗi dòng ghi trở ngại và việc làm tương ứng; các thẻ được dán thành một bảng chung ở góc lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát thẻ giấy, nêu cấu trúc hai dòng và lưu ý trở ngại có thể là bên ngoài như gia đình chưa đồng ý, hoặc bên trong như mình còn ngại và còn lười.

2. Thực hiện nhiệm vụ (7'): Học sinh viết thẻ cá nhân. Giáo viên đi một vòng, khuyến khích các em ghi cả trở ngại bên trong vì đó thường là trở ngại khó vượt hơn.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Bốn học sinh đọc thẻ của mình. Lớp dán toàn bộ thẻ thành bảng chung, đọc lướt và tìm ra trở ngại nào xuất hiện nhiều nhất.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bảng thẻ trên tường cho thấy cả lớp đều đang vượt một thứ gì đó. Biết mình không đi một mình cũng là một cách giữ bản lĩnh.

TIẾT 105. KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ CUỐI CẤP

Kết nối hai tiết (3'): Mười một tiết vừa qua lớp đã đi từ chuẩn bị tâm lí đến quyết định và giữ vững quyết định. Tiết cuối cùng của mười hai năm học là lúc lập kế hoạch bước ra ngoài công trường.

KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

- Họ và tên:...
- Tên cơ sở đến trải nghiệm:...
- Mục tiêu hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp:...
- Thời gian thực hiện:...
- Các hoạt động cụ thể:

Nội dung trải nghiệm	Thời gian thực hiện	Phương tiện cần thiết	Kết quả mong muốn	Người hỗ trợ
– ...	– ...	– ...	– ...	– ...
– ...	– ...	– ...	– ...	– ...
– ...	– ...	– ...	– ...	– ...

Biểu mẫu Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp gồm năm mục và bảng năm cột để trống cho học sinh tự điền — SGK trang 90

Hoạt động 4. Vận dụng – Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp (26')

a) Mục tiêu: Xác định được một cơ sở có nghề mình định lựa chọn và lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo biểu mẫu ở sách giáo khoa trang 90.

b) Nội dung: Học sinh điền biểu mẫu Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trang 90 gồm năm mục là họ và tên, tên cơ sở đến trải nghiệm, mục tiêu hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, thời gian thực hiện, các hoạt động cụ thể; phần hoạt động cụ thể là bảng năm cột gồm nội dung trải nghiệm, thời gian thực hiện, phương tiện cần thiết, kết quả mong muốn, người hỗ trợ. Sách để trống toàn bộ bảng này nên mỗi em tự điền theo nghề của mình. Sau đó học sinh trải nghiệm thực tế, viết thu hoạch và báo cáo kết quả.

c) Sản phẩm: Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp của mỗi học sinh ở mục D5 Phụ lục 1, đủ năm mục và ít nhất ba dòng trong bảng năm cột; bản thu hoạch nộp lại sau kì trải nghiệm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu biểu mẫu trang 90, đi qua năm mục và giải thích riêng hai cột hay bị để trống là phương tiện cần thiết và người hỗ trợ. Giáo viên nêu rõ điều kiện an toàn: mọi chuyến trải nghiệm phải có sự đồng ý của gia đình, đi theo nhóm có người lớn phụ trách và tuân thủ nội quy của cơ sở.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12'): Học sinh điền kế hoạch cá nhân. Giáo viên đi từng bàn, giúp các em chọn cơ sở gần nhà hoặc trong huyện cho khả thi, và nhắc mỗi dòng trong bảng phải trả lời được câu hỏi em đến đó để xem gì và hỏi ai.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh trình bày kế hoạch của mình cho bốn nghề khác nhau. Lớp góp ý về tính khả thi: đi lại thế nào, xin phép ai, mất bao lâu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Một buổi đi xem người ta làm nghề thật cho biết nhiều hơn nhiều giờ đọc trên mạng. Nhưng chuyến đi chỉ có ích khi đã biết trước mình đến để xem gì, hỏi ai và mang về được điều gì.

Nhiệm vụ 2.20. Tự đánh giá chủ đề và khép lại chặng đường trung học (16')

a) Mục tiêu: Tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo chín tiêu chí của sách giáo khoa và nhìn lại chặng đường ba năm trung học phổ thông.

b) Nội dung: Học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá theo chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 90 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt, mỗi tiêu chí ghi kèm tên sản phẩm chứng minh; sau đó mỗi em viết một câu gửi chính mình của một năm sau và bỏ vào hộp thư của lớp để mở lại vào ngày họp lớp.

c) Sản phẩm: Phiếu tự đánh giá chín tiêu chí của mỗi học sinh kèm tên sản phẩm chứng minh; một câu gửi chính mình của một năm sau, bỏ trong phong bì dán kín.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu chín tiêu chí ở trang 90, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm lớp đã làm trong mười hai tiết vừa qua và phát phong bì cho mỗi em.

2. Thực hiện nhiệm vụ (6’): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi tên sản phẩm chứng minh, rồi viết câu gửi chính mình của một năm sau và dán phong bì lại. Giáo viên nhắc phần trong phong bì không ai đọc ngoài chính em.

3. Báo cáo, thảo luận (4’): Ba học sinh chia sẻ một tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp. Cả lớp bỏ phong bì vào hộp thư và thống nhất ngày sẽ mở lại.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Chủ đề này khép lại một chặng dài. Điều thầy cô mong các em mang theo không phải là quyết định trên phiếu, vì quyết định còn có thể đổi, mà là cách các em đã học được để ra một quyết định: tra thông tin đến nơi, hỏi người hiểu mình, cân nhắc kỹ và tự chịu trách nhiệm. Cách ấy dùng được cả đời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 10 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nhìn tranh trang 83, em nhận ra những nghề nào? Nghề nào khiến em chú ý nhất?
2. Điều em mong nhất khi rời ghế nhà trường là gì?
3. Điều em còn lo nhất là gì? (Em có thể không đọc câu này trước lớp.)

B. HAI TRƯỜNG HỢP CHUẨN BỊ TÂM LÍ (tiết 93)

Nhân vật	Nghề hoặc trường muốn vào	Yêu cầu của môi trường ấy	Việc bạn đã làm để chuẩn bị	Bạn còn có thể làm thêm gì
Nhật Linh				
Hoàng Hải				

C. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 10

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một trường hợp hoặc tình huống trong sách.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường mới			
2. Tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp			
3. Bản lĩnh theo đuổi nghề yêu thích			
4. Phân tích, xử lý thông tin và ra quyết định			

Quy trình bốn bước xử lý thông tin nghề nghiệp lớp em đã chốt (tiết 98):

Bước 1:

.....

Bước 2:

.....

Bước 3:

.....

Bước 4:

.....

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**D1. Việc em cần làm để chuẩn bị tâm lý và tâm thế (tiết 94, 95, 101)**

Mốc thời gian	Việc cụ thể em sẽ làm	Ai có thể hỗ trợ em
Ngay trong tuần này		
Trong ba tháng tới		
Ngay sau khi biết kết quả xét tuyển		

D2. Tìm chỗ khai sai trong hồ sơ đăng kí nguyện vọng giả định (tiết 100)

Chỗ khai sai em tìm được	Hậu quả có thể xảy ra	Cách sửa

D3. Phiếu tham khảo ý kiến người lớn (tiết 102)

Người em hỏi	Câu em hỏi	Ý kiến của người ấy	Điều em thấy đáng suy nghĩ nhất

D4. Phiếu quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường (tiết 103)

Em có quyền giữ riêng phiếu này. Nếu không muốn chia sẻ trước lớp, em nộp cho thầy cô trong phong bì dán kín.

– Nghề em chọn:

.....

– Ngành học: – Trường:

.....

– Lí do 1 (nghề này cần gì mà em có):

.....

– Lí do 2 (thông tin em đã kiểm chứng ở đâu):

– Lí do 3 (em còn thiếu gì và sẽ bù thế nào):

Nhóm biện pháp	Việc cụ thể em sẽ làm	Bắt đầu từ khi nào
Học tập – xác định mục tiêu học tập		
Học tập – chọn phương pháp học phù hợp		
Học tập – phân bổ thời gian khoa học		
Học tập – tìm sự hỗ trợ từ cha mẹ, thầy cô, bạn bè		
Rèn luyện – xây dựng kế hoạch cụ thể		

Nhóm biện pháp	Việc cụ thể em sẽ làm	Bắt đầu từ khi nào
Rèn luyện – phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu		

D5. Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp (tiết 105)

– Họ và tên:

.....

– Tên cơ sở đến trải nghiệm:

.....

– Mục tiêu hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp:

.....

– Thời gian thực hiện:

.....

– Các hoạt động cụ thể:

Nội dung trải nghiệm	Thời gian thực hiện	Phương tiện cần thiết	Kết quả mong muốn	Người hỗ trợ

E. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc gắn với máy, cả hai đều trên hồ sơ giả định do thầy cô dựng sẵn: kiểm lại bản tư vấn chọn ngành mà máy viết, và đi thử quy trình đăng kí nguyện vọng trên phiếu mô phỏng.

E1. Đối chiếu bản tư vấn của máy với đề án tuyển sinh chính thức (tiết 99)

Thông tin máy đưa ra	Đúng	Sai	Chưa kiểm chứng được	Căn cứ trong đề án tuyển sinh

E2. Trách nhiệm của em khi chia sẻ lại một bản tư vấn (tiết 99)

Tình huống: em chụp lại bản tư vấn của máy rồi gửi vào nhóm lớp. Một bạn tin theo và đăng kí nhằm tổ hợp xét tuyển. Em hãy viết khoảng năm dòng nêu ba ý: chuyện gì đã xảy ra với bạn ấy, phân trách nhiệm thuộc về ai, và lần sau em sẽ làm khác đi thế nào.

.....

.....

.....

.....

.....

Ba quy ước chia sẻ thông tin tuyển sinh của lớp em:

1.
.....
...
2.
.....
...
3.
.....
...

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gọi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
1. Chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường mới	SGK trang 85 phân tích hai trường hợp rồi rút ra ba hướng chuẩn bị: tìm hiểu yêu cầu của môi trường tương lai; tìm hiểu thách thức, khó khăn của môi trường ấy; xác định và thực hiện biện pháp học tập, rèn luyện để vượt qua.	Nhật Linh muốn học Trường Đại học Y nên cố gắng học tập, cân bằng thời gian, chuẩn bị sức khoẻ và tâm lí ứng phó với căng thẳng, đồng thời hỏi thêm anh chị đã học ở trường. Hoàng Hải muốn thành phi công dân dụng nên rèn thể lực thường xuyên, tăng cường ngoại ngữ và đăng kí khoá học dự bị để trải nghiệm nghề.	Chuẩn bị tâm lí là ba việc cụ thể chứ không phải trạng thái cảm xúc: biết yêu cầu, biết chỗ khó của riêng mình, và bắt đầu rèn chỗ khó ấy từ hôm nay.
2. Tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp	SGK trang 85 nêu năm biểu hiện của tâm thế sẵn sàng; trang 86 nêu bốn việc học sinh cần làm để có tâm thế ấy.	Năm biểu hiện gồm mong muốn tham gia lĩnh vực nghề cụ thể; biết khó khăn, thách thức của nghề; hiểu và tôn trọng quy định, văn hoá ứng xử và kỉ luật lao động; tự tin khi tham gia; chủ động đáp ứng yêu cầu khi có cơ hội trải nghiệm. Bốn việc cần làm gồm tìm hiểu yêu cầu và ý nghĩa của nghề, xác định khó khăn và biện pháp vượt qua, chủ động học tập và cập nhật kiến thức, xác định người có thể hỗ trợ.	Tâm thế sẵn sàng đo được bằng năm biểu hiện, trong đó việc xác định trước người hỗ trợ hay bị bỏ qua nhất.
3. Bản lĩnh theo đuổi nghề yêu thích	SGK trang 86 nêu trường hợp bạn Hương; trang 87 chốt bốn biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.	Gia đình Hương có ba thế hệ đều là hoạ sĩ và muốn Hương nối nghề, nhưng Hương đam mê công nghệ sinh học, đã đoạt giải Nhì kì thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh môn Sinh học và muốn trở thành kĩ sư nông nghiệp. Hương làm hai việc song song: kiên trì thuyết phục gia đình và kiên định thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo yêu cầu của nghề.	Bản lĩnh khác cứng đầu ở chỗ có bằng chứng đi kèm: vừa đối thoại kiên trì vừa chứng minh bằng kết quả thật.
4. Phân tích, xử lí thông tin và ra quyết định	SGK trang 87 nêu hai trường hợp thông tin mâu thuẫn; trang 88 và 89 hướng dẫn tham khảo ý kiến, xác định khó	An gặp thông tin trên mạng xã hội mâu thuẫn với lời người trực tiếp làm nghề quản lí khách sạn. Hương thấy điều kiện tuyển sinh	Nguồn nào có người chịu trách nhiệm thì tin; trải nghiệm riêng của một người thì ghi nhận nhưng không lấy

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
	khẩn, ra quyết định và xác định biện pháp học tập, rèn luyện; trang 90 cho biểu mẫu Kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.	ngành Giáo dục mầm non được nói khác nhau giữa các trang thông tin, trang tư vấn và lời người đã học. Sách gợi ý bốn biện pháp học tập và hai biện pháp rèn luyện; biểu mẫu trang 90 gồm năm mục và bảng năm cột để trống.	làm căn cứ chung. Quyết định vững căn đủ ba chân: thông tin đã kiểm chứng, hợp với bản thân, và có việc làm ngay.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

E1 – bản tư vấn của máy thường đúng ở phần chung như tên ngành và mô tả công việc, sai ở phần số liệu thay đổi theo năm như điểm chuẩn và học phí, và không kiểm chứng được ở những câu định tính như cơ hội việc làm rất rộng mở. Giáo viên nên chuẩn bị bản tư vấn có đủ cả ba loại để học sinh phân biệt được; căn cứ đối chiếu duy nhất là đề án tuyển sinh chính thức của cơ sở đào tạo.

E2 – ba ý cần có trong đoạn viết: bạn nhận thông tin sai nên đăng kí nhầm tổ hợp và có thể mất cơ hội vào ngành mình muốn; trách nhiệm chia cho cả người gửi lẫn người nhận, người gửi có lỗi vì chuyển tiếp mà không ghi rõ đây là bản chưa kiểm chứng; lần sau phải tra đề án trước khi gửi, gửi kèm nguồn và ghi rõ mức độ tin cậy. Ba quy ước của lớp thường xoay quanh: luôn kèm nguồn, ghi rõ chưa kiểm chứng, không chuyển tiếp thông tin về điểm chuẩn khi chưa tra đề án.

D2 – bốn chỗ sai giáo viên cài trong phiếu ở tiết 100 và hậu quả tương ứng: khai sai mã tổ hợp làm hồ sơ không được xét đúng ngành; sắp thứ tự nguyện vọng ngược với mong muốn thật khiến trúng tuyển vào nguyện vọng mình ít muốn hơn và không được xét tiếp; khai một chứng chỉ chưa có trong tay là khai không trung thực, có thể bị huỷ kết quả; bỏ trống mục xác nhận khiến hồ sơ không hợp lệ. Chỗ nguy hiểm nhất là chỗ thứ hai vì hệ thống vẫn nhận mà không báo lỗi.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Xếp đúng ít nhất ba thông tin của máy vào ba mức và chỉ được căn cứ trong đề án: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được phân trách nhiệm của người chia sẻ lại thông tin chưa kiểm chứng: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Điền đúng thứ tự các bước trên phiếu mô phỏng đăng kí nguyện vọng: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Tìm được ít nhất ba chỗ khai sai và nêu đúng hậu quả: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh coi lời kể trên mạng xã hội và văn bản của cơ sở đào tạo là hai nguồn ngang nhau. Gợi mở: hỏi nguồn nào có người đứng tên chịu trách nhiệm và nguồn nào nếu sai thì không ai chịu.

Lỗi 2 – chép nguyên bản tư vấn của máy vào phiếu quyết định vì thấy nghe hợp lí. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào mục nào trong đề án tuyển sinh chứng minh cho từng câu; câu nào không chỉ được thì gạch đi.

Lỗi 3 – phiếu quyết định chỉ ghi tên trường mà bỏ trống phần biện pháp. Gợi mở: hỏi từ hôm nay đến ngày thi em làm gì khác đi so với hôm qua; câu trả lời chính là biện pháp đầu tiên.

Lỗi 4 – kế hoạch trải nghiệm ghi tên một cơ sở ở rất xa, không đi được. Gợi mở: yêu cầu ghi rõ đi bằng gì, mất bao lâu, ai đưa đi; nếu không trả lời được thì chọn cơ sở gần hơn có cùng nhóm nghề.

Lỗi 5 – học sinh nói bản lĩnh là cứ làm theo ý mình bất chấp gia đình. Gợi mở: quay lại trường hợp bạn Hương ở trang 86, chỉ ra Hương làm hai việc song song chứ không chỉ một.

Lỗi 6 – lớp quay sang hỏi nhau nguyện vọng và điểm số. Gợi mở: nhắc lại quy ước ở tiết 103, nhấn mạnh quyền giữ riêng và chuyển câu chuyện sang hướng ai cần giúp gì.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Xử lý thông tin nghề nghiệp	Phân loại đúng các nguồn, đối chiếu được với văn bản chính thức và ghi lại kèm nguồn.	Nhận ra được nguồn nào đáng tin hơn và nêu được lí do.	Coi mọi nguồn như nhau hoặc quyết định theo lời truyền miệng.
Quyết định và kế hoạch	Quyết định có đủ ba căn cứ, biện pháp cụ thể kèm mốc thời gian, kế hoạch trải nghiệm khả thi.	Có quyết định và một số biện pháp cơ bản.	Chỉ ghi tên trường, thiếu lí do hoặc thiếu biện pháp.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Kiểm chứng được bản tư vấn của máy theo ba mức, đi đúng thứ tự quy trình đăng kí và nêu rõ trách nhiệm khi chia sẻ lại thông tin.	Nhận ra được vài chỗ máy nói chưa chính xác và điền đúng phần lớn phiếu mô phỏng.	Tin bản tư vấn của máy là đúng, hoặc chuyển tiếp thông tin chưa kiểm chứng.
Bản lĩnh, tôn trọng, an toàn	Giữ vững lựa chọn bằng đối thoại và bằng chứng; tôn trọng lựa chọn của bạn; giữ đúng quy ước dùng hồ sơ giả định và quyền giữ riêng.	Hoàn thành nhiệm vụ và tham gia góp ý cho bạn.	Bàn tán về nguyện vọng, điểm số của bạn hoặc vi phạm quy ước an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)